

SỐ 27 NGÀY 15 - 2 - 1966

BACH KHOA

T H Ò I - Đ A I

năm thứ mười

VŨ-BẢO *hội nghị Tachkent* * LÊ VĂN HẢO *An Dương Vương-Mị Châu và Trọng Thủy* * NGUYỄN HIỂN-LÊ *Somerset Maugham* * VÕ-QUANG-YẾN *dưới đất có gì hay?* * THÀNH TÔN-HUY LỰC *MỘNG-TRUNG thơ* * NGUYỄN KIM PHƯƠNG *lên cao* * NGUYỄN NGU Í *sống và viết với Hồ Hữu Tường* * Y-UYÊN *mùa xuân qua đèo* * VƯƠNG HỒNG-SÈN *cổ tiền đời vua Quang Trung* * TRẦN THỨC LINH *thanh thiếu nhi lâm nguy* * **SINH-HOẠT** VŨ HẠNH *đọc «Quay trong gió lốc» của Lê-Tất-Điền* * TRÀNG THIÊN *thời sự văn nghệ* * NGỌC VÂN *Luna 9 đáp xuống mặt trăng* * NGÊ BÁ LÍ *nhận diện toàn bộ sân khấu Việt Nam* *

219



SOCIETE FRANCAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

SOCIETE ANONYME

AU CAPITAL DE 3.759.750 FRS

Siège social : 50 Rue de Lisbonne -:- PARIS 8^e

DIRECTION et USINE AU VIETNAM

406, Bến Lê - Quang - Liêm -:- CHOLON

Adresse Télég. : DISTAMY

Boîte postale : CS. SAIGON

Téléphone Saïgon 36.625 — 36.626

- SES SIROPS
- SA PARFUMERIE
- SON VINAIGRE
- SES ALCOOLS INDUSTRIELS
ET PHARMACEUTIQUES



DiC

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẶC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M.

Trụ sở : 96 Bd. Haussmann - Paris (8è)

Số vốn sung dụng tại Việt Nam : VN\$. 50.000.000

Dự-trữ đặc-biệt tại V.N. : VN\$. 50.000.000

SỐ THƯƠNG MẠI SAIGON : 1578

Q. G. D. B. : 55 - 826 - 21 - 001

C. C. P. SAIGON N° 27 - 04

TRỤ SỞ :

29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018

Điện-tín : FRANCIBANK

CHI NHÁNH :

Hành lang EDEN — SAIGON

Điện-thoại : 23.207

*ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN-DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG*

ĐẠI-DIỆN CÁC NGÂN-HÀNG TRÊN THẾ-GIỚI

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime



DENIS FRERES agréée I.A.T.A
à votre service

REPRESENTANT AU VIET-NAM DE :

- Pan American Airways
- Cathay Pacific Airways Ltd
- American Express
- United States Line

23, Ngô-Đức-Ké — Tél. 22.008 - 22.618

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

Siège Social : 74, Rue St-Lazare — PARIS

VIÊT NAM	SAIGON	AGENCE	: 32, Đại-lộ Hàm-Nghi—Tél. : 20.065, 20.066, 20.067.
		BUREAUX	: 178, 180, 182, Đường Lê-Thánh-Tôn (Marche central)—Tél. : 22.142.
		—	415, 417 Đường Hai Bà Trưng (Tân-Định) — Tél. : 25.172.
	CHOLON	: AGENCE	: 386, Đại-lộ Đồng-Khánh (Cholon)—Tél. : 39.105.
	KHANH-HUNG	: AGENCE	: 23, Đường Hoàng-Diêu.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER.

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM.

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE.

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE



Tifomycine



VOIE GÉNÉRALE

- dragées à 0,250g
- dragées à 0,100g
- poudre aromatisée
- suspension buvable
- ampoules injectables
- suppositoires à 0,250g

VOIE LOCALE

- collyre
- gouttes auriculaires
- ovules secs

TRAITEMENT D'ATTAQUE..

Distributeur :
UFFARMA CONG-TY
20A, Ben Bach-Dang
SAIGON



BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 27 ngày 15 - 2 - 1966

VŨ-BẢO <i>hội nghị Tachkent</i>	3
LÊ-VĂN-HẢO <i>câu chuyện An Dương Vương-Mị Châu-Trọng Thủy</i>	15
NGUYỄN-HIẾN-LÊ <i>Somerset Maugham</i>	23
VÕ-QUANG-YẾN <i>dưới đất có gì hay</i>	32
THÀNH-TÔN <i>chín cụm hoa vàng (thơ)</i>	37
NGUYỄN-KIM-PHƯƠNG <i>(dịch Eugène Ionesco) lên cao</i>	41
TRẦN-THỨC-LINH <i>những thanh thiếu nhi du đàng</i>	49
HUY-LỰC <i>cơn hỏa hoạn của thời đại chúng ta (thơ)</i>	46
NGUYỄN-NGU-Í <i>sống và viết với Hồ Hữu Tường</i>	64
MỘNG TRUNG <i>họa thơ Đông Hồ</i>	66
Y-UYÊN <i>mùa xuân qua đèo (truyện 2 kỳ)</i>	61
VƯƠNG-HỒNG-SÈN <i>chung quanh cổ tiền đời Quang Trung</i>	73
SINH HOẠT VŨ-HẠNH <i>đọc « Quay trong gió lốc »</i>	79
<i>của Lê Tất Điều</i> TRĂNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	82
NGÊ-BÁ-LÍ <i>nhận diện toàn bộ sân khấu Việt Nam</i>	89
NGỌC-VÂN <i>Luna 9 đáp xuống mặt trăng</i>	91

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa-soạn :

160 Phan Đình Phùng Saigon

Đ.T. 25.539 — H.T. 339 SaiGon.

In tại nhà in TƯỞNG-LAI

133 Võ Tánh Saigon

GIÁ : 10\$, CÔNG SỞ GIÁ GẤP ĐÔI

Cao Nguyên và Miền Trung
thêm cước-phí

BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

trong những số tới

Bà Indira Gandhi tân Tổng Thống Ấn Độ

VŨ-BẢO

10 năm tạp chí

TRÀNG-THIÊN

Làm báo xưa và nay

LÊ-PHƯƠNG-CHI

Một cuộc cách mạng trong giáo dục

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Xem mặt chị Hằng

NGỌC-VÂN

Sống và viết với Hồ-Hữu-Tường

NGUYỄN-NGU-Í

Bàn tay (dịch Nicolas Arjak)

VŨ-ĐÌNH-LƯU

Khói rừng (truyện ngắn)

LÊ-TẮT-ĐIỀU

Khoảng trống sau lưng (truyện ngắn)

VŨ-HỒNG

Mười một mùa xuân (truyện ngắn)

NGUYỄN-NGUYỄN

Những người không chết (truyện ngắn)

NGUYỄN-ÁI-LŨ

Buổi tối êm đềm (truyện ngắn)

HỒ-TRƯỜNG-AN

Thỏa-ước Hồi-Ấn hay tranh-chấp Nga Hoa ?

HỘI - NGHỊ TACHKENT

VŨ - BẢO

Tháng giêng năm 1966 có thể coi là tháng hoạt động ngoại giao mạnh mẽ nhất của thời hậu chiến. Ngay từ những ngày đầu năm, gần 500 đại biểu châu Á, châu Phi và châu Mỹ La tinh đã họp «Hội nghị Tam châu» tại La Havane ở Cuba để cố gắng vớt vát lại tinh thần Bandoung, nhóm thồi cho sự đoàn kết của các nước trong thế giới thứ ba được bùng cháy trở lại sau khi đã bị tắt ngúm tại Hội Nghị Á phi ở Alger.

Rồi đến Hoa Kỳ mở một các đại quy mô những đợt tấn công hòa bình, phái các xứ giả thượng thặng đi các nước giải bày lập trường và sự thành tâm của mình trong vấn đề Việt Nam : nào cố vấn George Bundy đi Gia nã đại ; Goldberg đại diện Hoa Kỳ tại Liên hiệp Quốc đi La Mã, Ba Lê và Luân Đôn ; nào đại sứ kỳ cựu Harriman đi Ba lan, Nam tư, Ấn độ

(trong đó có hai nước nhân viên của Ủy Hội Quốc Tế đình chiến) ; nào phó tổng thống Hubert Humphrey đi Nhật Bản, Phi Luật Tân, Đài Loan, Cao Ly.

Trong khi đó Nga xô hoạt động cũng không kém : Kossyguine nhân dịp dự đám táng Thủ tướng Ấn Shastri tại Tân Đề-Ly đã gặp Humphrey và người ta ghi nhận rằng từ ngày Krouchtchev bị hạ bệ đây là lần đầu tiên Nga Mỹ hội đàm với nhau trên cấp bậc cao đến như vậy. Ở Mông Cổ thì Nga cử một phái đoàn do chính Brezhnev cầm đầu để nghiên cứu viện trợ quân sự và kinh tế, đánh bạt ảnh hưởng của Bắc Kinh. Tại Hà Nội, một cấp bộ cao nhất của đảng Cộng sản Liên xô, Chelepine đã sang thăm một tuần và hứa sẽ giúp đỡ nhiều hơn nữa.

Qua các cuộc vận động ngoại giao trên đây, người ta thấy Nga xô trong lúc

tranh giành quyền chủ động với Hoa Kỳ, đã cùng một lúc nhằm lấy lại uy tín của mình trong thế giới cộng sản, một uy tín đã bị ít nhiều sút mẻ trong cuộc tranh chấp với Bắc Kinh những năm gần đây. Thứ nhất là Nga xô đã cho Trung Cộng biết một cách không còn úp mở gì nữa, Nga xô là một cường quốc Á châu và không có thể có một vấn đề Á châu nào mà Nga Xô thờ ơ được cũng như là Á châu chưa phải là khu vực ảnh hưởng độc quyền của Trung cộng.

Trong khi đeo đuổi mục tiêu ngoại giao nói trên, dùng một hòn đá mà ném trúng hai chim, phải công nhận là Nga xô đã có một cuộc vận động có kết quả tại Hội nghị Tachkent trong đó thủ tướng Nga Kossyguine đứng ra làm môi giới cho tổng thống Hồi quốc Ayub Khan và Thủ tướng Ấn Độ Lal Bahadur Shastri gặp nhau để giải quyết những vụ tranh chấp giữa hai nước Ấn Hồi từ khi xảy ra chiến cuộc tại Cachemire.

Quốc tịch Á-Châu

Tachkent là thị trấn lớn nhất của Nga xô nằm trên phần đất thuộc Châu Á. Tachkent cách biên giới Ấn Hồi khoảng 800 cây số, nhưng lại gần Trung Cộng hơn từ Tachkent tới địa phận Tân Cương chỉ trên dưới 500 cây số. Chọn Tachkent làm địa điểm cho một cuộc gặp gỡ thượng đỉnh của hai lãnh đạo quốc gia Á châu, để dàn xếp một vụ xung đột Á châu, Nga xô đã khóa hóc một thứ lý luận của Trung cộng từ bao lâu nay đã muốn cho các nước hội viên Á phi chỉ có. Nga xô là một cường quốc người da

trắng thuộc Âu châu mà thôi. Rồi đây Trung cộng sẽ khó lòng tìm thấy một lý do nào để phủ nhận "Quốc tịch Á-Châu" của Nga xô nghĩa là sau hội nghị Tachkent Trung cộng đã thực sự mất một căn bản tranh luận trong cuộc xung đột Nga - Hoa.

Ngay từ tháng 8 năm 1965, giữa lúc mà không quân và chiến xa Hồi Ẩn còn giao tranh dữ dội tại Cachemire, Kossyguine đã đề nghị một cuộc gặp gỡ của các nhà lãnh tụ hai nước trên lãnh thổ Nga để đi tới một thỏa hiệp. Nhưng đề nghị này đã bị chết yểu khi Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc buộc hai bên phải ngưng bắn vào ngày 22 tháng 9. Nay Nga xô trở lại được ý kiến đó, và cho đề nghị kia được thành hình, đứng ra đóng vai trò dàn xếp hòa bình tại Á châu, quả thật là Nga xô đã ghi được một thành công ngoại giao đáng kể.

Do đâu mà Nga xô đã đi tới kết quả đó, vì người ta thừa biết nếu Kossyguine thất bại thì uy tín của Nga xô sẽ không thể nào cứu vãn được trước các nước Á Phi và kẻ hưởng lợi nhiều nhất sẽ là Trung Cộng.

Nga Xô đã không ngần ngại mà đứng ra vận động, chính là vì Nga Xô có một số lá bài với cả Hồi lẫn Ấn.

Hồi thì sau khi bị Hoa Kỳ cúp viện trợ và Trung Cộng hứa hẹn xuông nay chỉ biết trông vào Nga Xô.

Tới nay Nga đã viện trợ kinh tế cho Hồi Quốc trên 90 triệu Mỹ kim và còn ngỏ ý muốn viện trợ thêm nữa thì

Tổng thống Ayub Khan mà có sang Nga hội đàm cũng chẳng lo mất mát gì.

Còn Ấn thì sau những vụ lộn xộn về biên giới với Trung Cộng, đã có những bằng chứng là ngay trong vụ Cachemire cũng có bàn tay của Bắc Kinh, Ấn đã nhìn Nga Sô bằng con mắt nhiều thiện cảm khi hãng thông tấn Tass loan đi bản thông cáo ngày 13 tháng 9 năm 1965 trong đó Nga Sô tuy không đích danh chỉ mặt Trung Cộng, nhưng cũng đã cảnh cáo những kẻ thả câu nước đục và đổ thêm dầu vào lửa trong cuộc chiến tranh Hồi-Ấn. Nay được Kossyguine mời phó hội, Ấn tha gì Trung Cộng mà không nhận lời với Nga Sô đội cho Bắc Kinh một gáo nước lạnh do kẻ khác đã múc sẵn.

Bối cảnh đó đã giúp cho ý định của Nga Sô thành tựu, và Tachkent tự nhiên trở thành điểm chú mục của thế giới, được nối liền với các hãng vô tuyến truyền hình và được trên 200 ký giả quốc tế đổ xô tới để lấy tin.

Đúng từng phút

Nga Sô đã bỏ nhiều công phu ra chuẩn bị Hội nghị. Hai tháng trước khi hội nghị Tachkent khai mạc, thành phố đã mang một bộ mặt mới: đường xá được sửa sang, nhà cửa quét vôi lại và các xe ta xi cũ được thay thế bằng 200 xe mới tinh.

Bữa mà các ông Ayub Khan và Shastri tới, cả một lễ nghi được tập dượt hẳn hoi, đã được nhà cầm quyền Nga cho áp dụng vào việc đón rước và các

lớp lang đã diễn ra tuần tự đúng từng phút một. Người ta trải thảm đỏ suốt từ chỗ máy bay đậu tới phòng khách danh dự và một đội thủy binh được đưa từ hải cảng Sebastopol về để dàn chào cùng với Lục, Không quân cho đủ mặt các binh chủng.

Tổng thống Ayub Khan tới trước. Kossyguine đón tại chân cầu thang máy bay rồi đưa ra một chiếc xe Zil bỏ mui lộng lẫy. Suốt hai bên dọc đường hàng ngàn người phát cờ xanh lá mạ, có hình trăng sao của Hồi Quốc và trên lộ trình có treo hàng trăm biển ngữ viết bằng tiến urdu của Hồi để chào mừng thượng khách.

Đúng 83 phút sau, Kossyguine lại trở lại phi trường đón rước Thủ tướng Ấn Shastri. Cũng lại một chiếc Zil bỏ mui giống hệt chiếc thứ nhất, cũng đưa khách về một biệt thự giống hệt nơi lưu ngụ của thống chế Aynb Khan. Chỉ có một điều khác là tất cả những lá cờ của Hồi trong tay các học sinh đứng hai bên đường đã được thay hết bằng lá cờ có mang bánh xe quay tơ của Ấn độ và các khẩu hiệu bằng tiếng urdu lần này đã được thay hết bằng khẩu hiệu tiếng hindi. Người ta kể lại trong 83 phút giữa hai cuộc đón tiếp, hàng đoàn cán bộ đã đi tuần suốt dọc đường để coi lại từng khẩu hiệu, từng lá cờ tránh những lầm lẫn đáng tiếc đón ông nọ bằng danh dự định dành cho ông kia.

Cùng trong ngày đó, Kossyguine đến viếng thăm xã giao cả hai ông, và để tỏ hết sự vô tư của người môi giới

Kossyguine đã ngồi nói chuyện với mỗi ông đúng 75 phút không hơn không kém

Hôm sau Kossyguine mở một bữa tiệc mừng hai ông. Trên các bức hình chụp lại, người ta nhận thấy cả chủ lẫn khách đều lộ vẻ mừng vui. Ayub Khan cười rung bộ râu phong phú, Shastri để lộ cả hàm răng đã rụng mất mấy chiếc. Kossyguine cười, Malinovsky cười và cả Gromyko, — người đã được gọi là Buster Keaton (1) của nền ngoại giao Nga Gromyko cũng cười nốt.

Ai nấy hy vọng hội nghị sẽ giữ được bầu không khí nhiều khích lệ đó.

Một tay môi giới kiên nhẫn

Nhưng ngay buổi đầu, Hội nghị đã có những phút gay gó khi đề cập tới những việc đem ra thảo luận. Ông Shastri thì tránh không nói tới vấn đề của tất cả mọi vấn đề tức là chuyện Cachemire, chỉ đề nghị hai bên ký một thỏa ước «không có chiến tranh giữa hai nước». Ông kêu gọi: «thay vì đánh lộn lẫn nhau chúng ta sẽ cùng chiến đấu chống nghèo đói, bệnh tật và mù chữ.»

Đến lượt Ayub Khan lên tiếng, công nhận rằng «hòa bình là cần thiết» nhưng một thỏa ước không chiến tranh sẽ không có nghĩa gì hết «nếu trước đó chúng ta không có những bước tiến cụ thể» và quay sang Shastri, ông Ayub Khan đã đặt thẳng câu hỏi: «tại sao chúng ta không giải quyết ngay vấn đề căn bản đã bao lâu nay là nguồn gốc mọi chia rẽ và tranh chấp giữa chúng ta.»

Đối với Tổng thống Hồi Quốc, vấn đề căn bản là tổ chức trưng cầu dân ý tại Cachemire vì Hồi tin rằng dân chúng ở đó có tới 80 phần trăm theo Hồi giáo sẽ chọn về với Pakistan hay ít nhất cũng chọn trở thành một nước tự trị. Nhưng đối với ông Shastri, không thể nào mà trở lại quy chế của Cachemire, xứ này đã là một phần đất của Ấn độ từ năm 1947.

Nói tóm lại cả hai bên vẫn giữ nguyên lập trường khắc biệt đã từng chia rẽ hai nước suốt 19 năm trời nay.

Giữa sự bế tắc đó, Kossyguine đã tỏ ra hết sức kiên nhẫn (và lại không kiên nhẫn để cho hội nghị tan vỡ thì còn chi là thế thống của Nga Xô). Kossyguine đã di từ Ayub Khan sang Shastri rồi lại từ Shastri trở về với Ayub Khan, cố gắng đưa hai người tới chỗ hoà giải, và vẫn luôn luôn tránh không ngồi lại với người này lâu hơn với người kia. Không ai biết Kossyguine đã vận động thế nào ở hậu trường nhưng có một điều chắc chắn là cả hai bên đều tỏ ra tán thưởng những cố gắng của Thủ tướng Nga. Phát ngôn viên Ấn độ đã ca ngợi là Kossyguine giữ vai trò của mệnh một cách «đúng mực, cần trọng và xây dựng» trong khi đó chính Tổng Thống Ayub Khan đã phải công nhận «Kossyguine luôn luôn tỏ ra nhạy cảm nhân nại và hiểu biết.»

1) Buster Keaton là một tài tử màn bạc, chuyên đóng các vai diễn và không bao giờ cười

Sau mấy ngày chạy đi, chạy lại, cái thoi Kossyguine đã giúp cho hội nghị thoát ra khỏi bế tắc và hai bên Hồi-Ấn đã đi tới một thỏa ước gồm 3 điểm chính :

1) Quân đội hai bên sẽ về vị trí đóng trước khi xảy ra vụ xung đột ;

2) Liên lạc ngoại giao được tái lập giữa hai nước ;

3) Trong tương lai nhiều hội nghị cao cấp sẽ được tổ chức để thảo luận về những sự hiểu lầm giữa hai nước.

Người đầu tiên hưởng thỏa ước

Thỏa ước được ký ngày 10 tháng giêng năm 1966. Trong cái thị trấn bụi mù mọi người đều hoan hỷ nói đến « tinh thần Tachkent » cũng như trước đây ai nấy đều nhắc nhở đến « tinh thần Bandung », Kossyguine mở một bữa tiệc mừng hội nghị thành công và các ký giả Hoa Kỳ ôm chầm lấy các đồng nghiệp Nga Sô bắt tay lia lia, làm như là thế giới từ nay sẽ thực sự thương yêu nhau như anh em ruột thịt. Thủ Tướng Shastri cáo lui trước mọi người. Vào khoảng 10 giờ đêm, ông đã bước lên chiếc Zil đen cùng với bộ trưởng quốc phòng Ấn Chavan để trở về biệt thự dành riêng cho ông. Giữa đường nhắc lại những hoạt động trong ngày ông quay sang nói với Chavan : « Từ giờ phút này trở đi chúng ta sẽ chiến đấu anh dũng cho hoà bình cũng như chúng ta đã anh dũng chiến đấu bảo vệ tổ quốc. »

Nhưng chỉ 3 giờ sau cuộc chiến đấu đã ngừng vì người chiến sĩ anh dũng đã không còn nữa. Shastri xem một ít giấy tờ rồi đi ngủ lúc 12 giờ 30, hi vọng sẽ ngủ ngon giấc. Đến 1g 20 phút ông ta đã trở dậy, ôm ngực, loạng choạng bước sang phòng bên, vừa đi vừa gọi ông Chugh, bác sĩ riêng của mình, ông Chugh chạy vội tới làm hô hấp nhân tạo chích adrenaline vào hãn thớ thịt tim của ông Shastri nhưng đã muộn quá rồi. Nếu tính thời gian từng phút theo kiểu ông Kossyguine, thì thủ tướng Shastri sau 3 phút đã mê man và sau 12 phút tim đã ngừng đập.

Một số ký giả còn la cà bên quầy rượu tại khách sạn được tin cấp báo, chạy lại chỉ còn kịp đánh đi cho thế giới tin dữ là Thủ tướng Ấn độ, con người chưa bao giờ từng ra khỏi nước trước khi làm Thủ tướng, đã chọn đúng một chuyến công du để chết trên đất người năm 61 tuổi vì chứng bệnh đau tim.

Ông Kossyguine khoác vội áo choàng lông ra ngoài bộ đồ ngủ tới nơi đã tự tay đắp một lá cờ Ấn độ phủ lên thi hài và sáng hôm sau, chính Thủ Tướng Nga đã cùng với Tổng Thống Hồi, bước theo nhịp bản tang hành của Chopin, khênh linh cữu ông Shastri đặt lên một chiếc Ilyuschine của hàng không Nga Aeroflot. Trong chuyến đi cuối cùng trở về nơi đất tổ, Ông Shastri chết đi rồi đã là người đầu tiên được hưởng những điều khoản của thỏa ước Tachkent. Phi cơ chở ông đã bay qua địa

phận Hồi Quốc và ông Shastri đã là người Ấn Độ đầu tiên được Hồi Quốc cho bay qua không phận kể từ mùa hè năm ngoái khi hai nước dàn binh bố trận đánh nhau tại Cachemire.

Thế quân bình mới

Cái chết của Shastri đã làm cho Hội nghị Tachkent kết thúc trong một không khí hùng tráng chẳng khác gì một đại bi kịch cổ điển. Ở một thế giới chỉ biết khóc người chiến sĩ chết nơi trận địa, cái chết của một chiến sĩ hòa bình đã long trọng trang nghiêm như một lời cảnh cáo. Cái chết đó đã làm cho tên gọi Tachkent có thêm một chút ma lực huyền bí gì khiến cho sự thành công của cuộc vận động ngoại giao do Kossyguine đề xướng lại càng thêm rõ rệt.

Nga Sô đã rút ra được từ hội nghị Tachkent nhiều lợi ích hiển nhiên.

Trước hết là vấn đề Cachemire từ nay muốn giải quyết cách nào đi chăng nữa, Ấn và Hồi cũng không thể nào không hỏi ý kiến Nga sô. Về điểm này Nga đã dành lại quyền chủ động với Hoa Kỳ. Nga đã có một hành động cụ thể trong vụ xung đột Ấn - Hồi trong khi Hoa Kỳ đã chỉ kêu gọi suông mà thôi. Nga đã lại làm lu mờ vai trò của Anh Quốc: thật không có gì mỉa mai cho khối Liên Hiệp Anh hơn là hai nước trong Liên Hiệp đánh nhau mà Anh Quốc ngồi khoanh tay bất lực để cho Nga Sô nhảy vào can thiệp.

Hơn nữa Nga Sô đã kiểm chế được mưu toan tràn ra Ấn - Độ - Dương của Trung Cộng. Từ lâu nay Bắc Kinh luôn luôn nghĩ cách làm căng thẳng mối bang giao Hồi-Ấn với chủ tâm lôi cuốn Tổng Thống Ayub Khan về với Bắc Kinh và dùng Hồi Quốc làm vòng khóa thắt chặt cái đai xích đang lăm le khép lại vùng Trung Á và Đông Nam Á từ Ấn Độ Hà tới Cửu Long Giang. Nay với sự môi giới của Nga Sô, Ấn - Hồi làm lành với nhau thì có khác gì như là Nga Sô đã chặt cổ dưới chân Trung Cộng ?

Hội nghị Tachkent đã có một ảnh hưởng quyết định tới toàn bộ chính sách Á Châu. Với những chuyến công du của Brezhnev đi Ngoại Mông, Chelepine đi Bắc Việt, Hội nghị Tachkent quả thực đã đưa Nga Sô tái nhập tịch Á Châu và đã tạo ra một thế quân bình mới tại lục địa này.

Có một điểm thú vị là trước sự vận động ngoại giao thành công của Nga Sô, Hoa Kỳ không những đã không khó chịu mà lại còn có vẻ thích thú nữa vì trong vụ này Nga Sô đã quật lại cho Trung Cộng một đòn đáng kể. Chính sách của hai cường quốc thù địch Nga - Mỹ, đã như hai đường thẳng chạy về hai phía bỗng cắt ngang nhau và gặp nhau ở một điểm. Trong một giai đoạn, hai kẻ thù đã lại cùng có một kẻ thù chung là Trung Cộng và người ta đã được nghe chính giới Hoa kỳ tuyên bố là công cuộc viện trợ cho hai nước Ấn Hồi sẽ tùy thuộc vào

sự thi hành thỏa ước ký kết tại Tachkent nghĩa là Hoa kỳ quyết định chính sách đối ngoại theo một thắng lợi ngoại giao của Nga xô. Kề ra chuyện đời ngược dòng đến thế là cùng!

Càng ngày người ta càng thấy trong mấy năm vừa qua Nga xô đã nuốt trăm cay nghìn đắng trước sự lằng loàn của Trung Cộng, nhưng đã âm thầm nhân nại nghiên cứu một kế hoạch tỉ mỉ để phản công lấy lại uy thế lãnh đạo của mình trong thế giới Cộng sản. Hội nghị Tachkent đã là một đợt tấn công thắng lợi của Nga Xô nhằm đặt lại ngôi thứ của Trung Cộng trong các nước xã hội chủ nghĩa, cùng cô lập hóa Trung Cộng trước các nước Á, Phi và Nam Mỹ.

Sau Tachkent chắc chắn sẽ còn nhiều đợt tấn công đại quy mô khác Thế giới

đang chờ đợi những loạt chương phong mà Nga Xô sẽ tung ra nhân dịp Đại Hội Cộng sản Liên xô triệu tập vào tháng 3 sắp tới. Có thể cùng lúc đó Nga xô sẽ tổ chức Đại hội các đảng cộng sản thế giới dự định đã từ lâu, mà đến nay mới có điều kiện để thành tựu sau những thất bại ngoại giao liên tiếp của Trung cộng.

Nga xô khai thác được ưu thế Tachkent đến mức nào, Trung Cộng phản công lại Nga xô ra làm sao, tấn kích tranh chấp Nga Hoa lại vừa bước vào một hồi mới mà Tachkent mới chỉ là màn đầu.

VŨ BẢO

(2) Vụ Fidel Castro ở Cuba vừa nặng lời thóa mạ Trung Cộng có thể coi là một vận động mới của Nga Xô nhằm loại ảnh hưởng Bắc Kinh tại Nam Mỹ.

ĐÓN ĐỌC :

VƯỜN CỎ THỤ

tập truyện NGUYỄN THU GIAO — ĐẤT SỐNG xuất bản

tìm đọc

ĐẤT SỐNG

Nguyệt-San Nghị-Luận Văn-Học
của lớp người ý-thức hiện đại

ĐÓN ĐỌC

Tuổi Thọ

Tập truyện của LƯƠNG-THẾ-NAM

NHÀ XUẤT BẢN SÁNG TẠO PHÁT HÀNH

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6è

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. N° E-5

PHNOM-PENH

Moha ithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc)

NGHIÊN CỨU VĂN-HỌC DÂN-GIAN :

Câu chuyện AN DƯƠNG VƯƠNG

MỊ CHÂU - TRỌNG THỦY

bi-kịch một thời hay vấn đề muôn thuở

● LÊ - VĂN - HẢO

(xin xem BK từ số 218)

II. CỐT TRUYỆN CỦA TRUYỆN THUYẾT AN DƯƠNG VƯƠNG

Nếu ta so sánh hình thức của truyền thuyết theo *Lĩnh nam chích quái*, theo *Thiên nam ngữ lục* và theo lời kể của nhân dân Cồ loa ta thấy lời kể của nhân dân Cồ loa có giá trị về tính lịch sử, và tính tâm lý dân tộc, nhưng đứng về mặt giá trị tư tưởng và giá trị nghệ thuật, rõ ràng hình thức truyền thuyết theo *Lĩnh nam chích quái* sâu sắc, tế nhị và thấm nhuần tính nhân đạo hơn. Do đó hình thức này được lưu hành rộng rãi trong dân gian. Bởi vì nó là một tài liệu văn học dân gian, được cấu tạo theo những định luật đặc biệt của hình tượng nghệ thuật cho nên, mặc dù đã mất đi khá nhiều màu sắc lịch sử địa phương, nó đã tránh khỏi mâu thuẫn tâm lý và tư tưởng mà truyền thuyết địa phương và truyền

thuyết kể theo *Thiên nam ngữ lục* đã vướng phải.

Vấn đề qui định cốt truyện An dương vương Mị Châu-Trọng Thủy có lẽ là vấn đề dung hòa màu sắc lịch sử và phản ứng tâm lý của dân tộc với tính tượng trưng và khái quát của hình tượng nghệ thuật. Dựa trên ba yếu tố đó, chúng ta có thể xây dựng lại một cốt truyện thống nhất bao gồm những yếu điểm như sau :

1. An dương vương đã thành công trong việc xây Loa thành và chế tạo một thứ khí giới có hiệu lực đặc biệt để chống giặc ngoại xâm, với sự phù trợ của thần Rùa Vàng.

2. Triệu-Đà dùng Trọng-Thủy để hoàn thành mưu kế xâm lược từ bên trong và Trọng Thủy đã giả dò yêu để thực hiện hai chữ hiếu trung và tham vọng bá vương cha truyền con nối.

3. Nhưng trước mối tình của Mị nương, Trọng Thủy đã được cảm hóa từ chỗ yêu giả đến yêu chân thật tha thiết. Từ đó xảy ra mâu thuẫn giữa con người chính trị và con người tình cảm trong Trọng Thủy: kế hoạch long ngồng nói lên nỗi dẫn vật khổ tâm của Trọng Thủy với niềm hy vọng cuối cùng tìm lại và bảo vệ Mị Châu.

4. An dương vương đã thất bại đau đớn trong sự tan vỡ của đất nước và của tình cha con, nhưng Thần Rùa vàng đưa vua vào cõi bất diệt.

5. Mối tình thắm thiết của đôi lứa Mị Châu-Trọng Thủy cũng đi đến một chung cục bi thảm bằng hai cái chết: một cái chết oan, một cái chết vì hối hận.

6. Hình tượng ngọc trai nước giếng mở nút cho truyền thuyết và đúc kết bài học của thiên bi tình sử: một nỗi oan khiên phải được đền bồi, một niềm hối hận đáng được trường hợp giảm khinh.

Tất cả những tình tiết trên đây in rõ trên nền một hậu cảnh tâm lý và lịch sử nhất định: lòng sùng kính của dân tộc đối với An dương vương, niềm xót thương đối với Mị Châu. thái độ nửa nghiêm khắc nửa khoan hồng đối với Trọng Thủy.

III. Ý NGHĨA SÂU XA CỦA TRUYỀN THUYẾT AN DƯƠNG VƯƠNG

Thông qua cốt truyện đó, nhân dân ta muốn nói lên những gì? Nếu ta theo sát tâm lý của các nhân vật qua

quá trình hành động của họ ta thấy truyền thuyết An dương vương bao hàm hai tấn bi kịch: một bi kịch chính trị-lịch sử, một bi kịch tâm lý-xã hội.

1. Tính chất bi hùng bằng bạc trong câu chuyện An dương vương dựng nước và mất nước. Qua hình tượng Loa thành, nỗ thần và sự bại trận tạm thời của Triệu Đà, nhân dân muốn ghi lại một thời lịch sử oanh liệt vẻ vang của tổ quốc: truyền thuyết An dương vương là thành phần của cả một hệ thống truyền thuyết anh hùng ca bắt đầu với Lạc Long Quân và nối tiếp bằng những cổ tích lịch sử nhằm đề cao lòng tự hào, ý chí bất khuất của dân tộc. Nhân dân muốn ghi lại sức mạnh của non sông đất nước, muốn ca ngợi kỳ công và thành tựu của những con người xây dựng và bảo vệ đất nước qua việc đắp thành và chế nỏ.

Nhưng rồi An dương vương đã bại trận và mất nước. Nhân dân ta cũng muốn tỏ thái độ trước biến cố lịch sử đó: do một năng khiếu nhạy cảm đối với vận mạng mất còn của tổ quốc, một năng khiếu được biểu lộ rất sớm ngay từ thượng cổ, nhân dân muốn giải thích lý do thất bại của An dương vương: An dương vương mất nước không phải vì mình hèn yếu, không phải vì mình kém tài giỏi, thiếu khí giới lợi hại, nhưng đã thất bại vì nhẹ dạ, cả tin, chủ quan, tự mãn vì muốn khuyến hòa với đối phương. Còn quân địch đã thắng ta không phải vì hùng mạnh, tài giỏi hơn ta, nhưng là nhờ tráo trở, lừa dối, gian trá, địch đã thắng ta bằng những phương tiện phi anh hùng, phi

chính nghĩa.

Qua tấn bi kịch mất nước đầu tiên trong lịch sử ta, nhân dân đã ca ngợi sự thành công của sự nghiệp hiền hách An dương vương rồi thì giải thích lý do thất bại của vua, và ý định rõ ràng là giải thích đề ca ngợi và đề cao người anh hùng trước mưu mô hèn hạ của bọn ngoại xâm. Nhưng không phải chỉ ca ngợi đơn thuần mà không phê phán.

Qua truyền thuyết ta còn tìm thấy "ý nghĩa giáo dục ý thức cảnh giác chống tính nhẹ dạ, thiếu thận trọng trong những vấn đề cơ mật của quốc gia và chống tính chủ quan tự mãn, ỷ vào sức mạnh sẵn có mà không lo giữ gìn bồi đắp thêm sức mạnh cho càng ngày càng vững chắc. Cả một sự nghiệp lớn lao như thế có thể tan thành mây khói chỉ vì một phút xa cơ thất thế" (1).

2. Lồng vào trong câu chuyện An dương vương dựng nước và mất nước là thiên tình sử éo le bi đát của Mị Châu Trọng Thủy. Ở đây có vấn đề ca ngợi tình yêu chung thủy không? Quả thật giữa Mị Châu Trọng Thủy có một mối tình lứa đôi thắm thiết. Điều đó đã được xác nhận. Nhưng gọi đó là tình yêu chung thủy, và hơn nữa cho là có sự ca ngợi tình yêu đó là điếm phải xét lại.

Cái chết bi thảm của đôi lứa ấy có ý nghĩa gì? Nguyên nhân khách quan của sự đổ vỡ tình yêu chính là mưu mô xâm lược, là chủ trương chia rẽ dân tộc và thù hằn dân tộc. Ngày nào trên thế giới còn tư tưởng xâm lược công chính sách để quốc thì bi kịch Mị Châu-Trọng Thủy vẫn còn xảy ra: Cái chết của họ có một ý nghĩa xã hội lớn lao, ý nghĩa phản kháng chiến tranh

vì chiến tranh làm tan vỡ tất cả và mọi người đều là nạn nhân của chiến tranh; chiến tranh là hậu quả của xâm lược và thù hằn chớ không phải chỉ là hậu quả của sự thiếu cảnh giác của An dương vương mà thôi. (2).

Nhưng đằng khác bi kịch tình yêu đã xảy ra cũng vì nguyên nhân chủ quan là nhược điểm của bản thân Mị Châu Trọng Thủy ngay trong quan niệm yêu đương của hai người. Ở đây khó mà sự có ca ngợi; làm sao ca ngợi người làm mất nước hay ca ngợi người đi cướp nước? Ở đây cái nhìn của truyền thuyết là cái nhìn phê phán, tuy nhẹ nhàng nhưng thấm thía.

Trọng Thủy vừa là kẻ gián điệp sửa soạn kế hoạch xâm lược vừa là con người chung tình. Trọng Thủy đã quá ích kỷ vì vừa muốn được người yêu lại vừa muốn cướp nước người yêu. Trọng Thủy đã mù quáng khi cho rằng tình yêu và xâm lược là hai cái không dính líu gì nhau nhưng trong thực tế chính cái này đã làm cái kia tan vỡ: «Trọng Thủy không nhận thức được quan hệ giữa hạnh phúc cá nhân và vận mệnh xã hội như thế nào, Trọng Thủy muốn tách tình yêu ra ngoài thờ cuộc» (3).

Còn Mị Châu, không những nàng không có ý thức cảnh giác chống

(1) Phan Nhân, Vấn đề khai thác truyện dân gian và cải biên truyền thuyết Mị Châu Trọng Thủy Nghiên cứu Văn học số 9/1961, tr. 78

(2) Đỗ Hữu Tấn, Nên khai thác và đánh giá truyện Mị Châu-Trọng Thủy như thế nào? N.C.V.H. số 5/1961, tr. 78

(3) Đỗ Hữu Tấn, bài đã dẫn, trang 79-80.

ngoại xâm mà nàng lại còn thiếu cả ý thức chính trị, nàng không biết phân biệt được bạn và thù ngay cả lúc quân thù vất vả: nà và xuất đầu lộ biệt: Khi Trọng Thủy đã rõ rệt trở thành kẻ thù của cha nàng và của tổ quốc, nàng vẫn còn rắc lông ngỗng để mong gặp lại người yêu. Như vậy, dù đất nước có bị dày xéo, dân tộc có lâm nguy nàng vẫn có thể yêu Trọng Thủy và tìm được hạnh phúc! Cũng như Trọng Thủy, nàng muốn xây dựng hạnh phúc bên lề thực trạng bi đát của thời cuộc, nàng không thấy được rằng cứu cánh tình yêu mật thiết liên quan đến vận mệnh dân tộc. «Vi bảo vệ tình yêu, nàng đã vô tình làm hại tổ quốc và như thế cũng là làm tan vỡ tình yêu. Vô tình nàng đã phạm tội lớn: phản nước, phản cha. Và nàng đã phải chết để đền tội. Cái chết của Mị Châu cũng là một hình thức phê phán của nhân dân đối với Mị Châu về tội lỗi của nàng đối với tổ quốc, nh ợc điểm của nàng trong tình yêu». (1).

Còn lại hai hình tượng cuối cùng và ý nghĩa nhất của truyền thuyết: rùa vàng rẽ nước đưa vua xuống thủy cung và ngọc trai rửa trong nước giếng thì trở nên trong sáng. Đây là sự «phán xét cuối cùng» của công luận dân tộc. Vì An dương vương chủ quan, thiếu cảnh giác nên đã thất bại, nhưng An dương vương không chết. trước sau vua vẫn là người anh hùng có công lao đối với dân tộc, mà người anh hùng phải là thần thánh của dân tộc, bất diệt trong trí nhớ và niềm tin của dân tộc. Còn Mị

SÁCH BÁO MỚI

Bách Khoa vừa nhận được :

— **Phật-học tinh-yếu** (thiên thứ nhứt) của T.T. Thích-Thiền-Tâm do Huệ Nghiêm xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 436 trang gồm 12 chương, từ Xã-hội Ấn-độ trước khi Phật ra đời» « tới Sự phát triển của Đại-thừa ». Bản đặc biệt không đề giá.

— **Hoa-thiền Xuân Bính-Ngo**, của Tăng-sinh Phật-học viện Huệ-Nghiêm chủ trương biên tập, do Ban Giám đốc Phật-Học viện gửi tặng. Báo khổ 21 x 27 dày 80 trang, giá 35đ.

— **Lịch-sử văn-học công-giáo Việt-Nam** cuốn 1 của Võ-long-Tê do nhà Tư-Duy xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 408 trang, 32 phụ bản, giá 90đ

— **Khung cửa hẹp** nguyên tác «La porte étroite» của André Gide, bản dịch của Văn Mông, do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 180 trang, khổ 10 x 19, giá 45đ

— **Toán nhiệt** của G. Dévoré, do Việt-Nam Đại-Học Tùng thư, của ô. Phạm Long Điền phiên dịch, xuất bản và gửi tặng. Sách in ronéo hai mặt, khổ 21 x 26, trình bày sáng sủa, rõ ràng, dành cho các chúng-chi: Toán lý hóa, Toán vật-lý, Lý-hóa nhiên, dày 56 trang, Giá 25đ.

(*) Đồ hữu Tẩn, bài đã dẫn, tr 79-81

Châu Trọng Thủy có tội thì phải đền tội, nhưng vì cả hai cũng là nạn nhân của chiến tranh, của căm thù, nên cái phần trong trắng, ngây thơ, oan uổng trong con người của họ phải được đền bồi.

Không phải nhân dân ca tụng tình yêu chung thủy của hai người: trong lãnh vực tình yêu họ đã vấp phải những nhược điểm căn bản và đã gây nên tội lỗi tày trời. Thật ra hình ảnh ngọc trai - nước giếng, xét cho cùng chỉ là tiếng nói của lòng nhân đạo: Trọng Thủy gây ra tội ác vì ích kỷ, vì mù quáng và tham vọng, nhưng Trọng Thủy đã hối hận và đã đền tội, vậy nhân dân rộng lượng tha thứ cho Trọng Thủy và muốn rằng cả Mị Châu nữa, Mị Châu cũng nên khoan hồng với Trọng Thủy. Dưới tuổi vàng hai linh hồn đã thông cảm giao hòa đã tha thứ, giải oan cho nhau; họ không được sống hạnh phúc trọn vẹn ở đời thì họ biến thành ngọc trai nước giếng để mãi mãi gắn bó trong sạch bên nhau.

oOo

Nói tóm lại, thông qua thành công

và thất bại của An dương vương thông qua cuộc tình duyên bi thảm của đôi lứa Mị Châu - Trọng Thủy, truyền thuyết An dương vương đã ca ngợi và đề cao dân tộc mình, một dân tộc anh hùng mà nhân đạo, đồng thời nêu ra bài học dựng nước và giữ nước trong ý thức đề cao cảnh giác chống chiến tranh xâm lược, trong tư tưởng phản kháng chiến tranh nói chung, trong ý niệm phê phán những ai mơ hồ về lập trường chính trị giữa thời quốc biến, nhất là phê phán sự vô ý thức trong thái độ tách rời yêu đương ra khỏi thời cuộc xã hội, phê phán ảo tưởng của những ai muốn xây dựng hạnh phúc riêng tư ở ngoài vận mệnh mất còn của dân tộc.

Đó là những bài học có tính cách muôn thuở mà chúng ta có thể tiếp thu qua bi kịch tình yêu của Mị Châu Trọng Thủy lồng trong một bi kịch về vận mệnh của tổ quốc, bi kịch mất nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mà cũng là một trong những bi kịch mất nước xưa nhất của lịch sử loài người.

L.V.H.

ĐẦU NĂM, MỚI VỀ NHIỀU SÁCH HAY,
GIÁ ĐẶC-BIỆT (GIÁ I. C.)

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách :

VIỆT - BẢNG

(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về : Chính - trị, Triết - học,
Văn - học, Khoa - học, Nghệ - thuật v. v...

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trú

SAIGON

Tel. 25764 — 21497

CHOLON SUB-BRANCH

130-132 Đại-lộ Khổng-Tử

CHOLON

Tel. 38254



HEAD OFFICE : *Plapplachai, Bangkok*

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 59-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

oTokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.*

Taipei : *No 24, 2nd Sce. Chung San Road North Taipei.*

Hongkong : *26-30, Des Voeux Road West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *55 New Bridge Road.*

Kuala Lumpur : *105 Jalan Bandar.*

New York Representative

Office : *44 Wall Street New York 10005 N.Y.*

● NGUYỄN-HIỂN-LÊ



(Xin xem từ BK.TĐ số 218)

Đầu thế chiến thứ nhất ông nhập ngũ, mới đầu phụng sự trong Quân y, rồi sau qua cơ quan Tình báo của Anh (Intelligence Service). Ông chép lại thời đại đó trong truyện *Ashenden or the British agent*.

Năm 1915, khi núp trong hầm ngoài mặt trận Flandres ở Pháp, để quên cảnh rên siết ở chung quanh, ông sửa bản thảo cuốn *Of human bondage* mà nhiều nhà phê bình khen là tác phẩm quan trọng nhất của ông. Ông bắt đầu viết nó từ mấy năm trước. Nhiều gánh hát yêu cầu ông soạn kịch cho họ, ông từ chối hết, chuyên chú viết tập bản tự truyện đó để trút hết những ký ức đau khổ trong thời niên thiếu nó cứ ám ảnh ông hoài, làm cho ông không yên được.

Tôi đã đọc tác phẩm đó tới ba lần, lần nào cũng thấy thích và khi dịch tôi lại càng thấy thích hơn nữa.

WILLIAM SOMERSET MAUGHAM

(1874 — 1965)

Nhiều người cho nó là rườm (tác phẩm dài trên sáu trăm trang) động tác biến chuyển chậm chạp, nhất là trong phần đầu. Lời chê đó đúng. Chính Maugham cũng nhận rằng ông viết cuốn đó chỉ để tự giải thoát, nghĩa là ông viết cho ông hơn là cho độc giả, vì vậy nhiều đoạn chỉ có nghĩa với ông mà độc giả không thấy thú.

Những đoạn tả phong tục Anh trong gia đình mục sư Carey, hoặc trong trường học King's School, quả thật là không hấp dẫn đối với độc giả Việt Nam. Nhưng bỏ những đoạn đó đi — và trong bản dịch « *Kiếp người* », chúng tôi đã cắt đi khá bộn — thì tác phẩm rất cảm động, lời cuốn ta rất mạnh và tiết ra một nhân sinh quan khoáng đạt, giản dị, vui đời, lành mạnh.

Truyện gồm năm sáu chục nhân vật, mà nhân vật nào — dù là rất phụ, chỉ

xuất hiện trong vài trang — cũng có một tính tình riêng, một ngôn ngữ riêng, không lẫn với nhân vật khác được. Đặc biệt nhất là nhân vật Mildred, Sally và bà Carey, vợ một mục sư, bác gái của Philip.

Bà già Carey thực là một bà già Á Đông. Lần nào đọc truyện, tôi cũng liên tưởng tới bà Ngoại tôi, các bà cô tôi. Không có con, len lén sống bên cạnh một ông chồng ích kỷ, bủn xỉn gần như tàn nhẫn, bà không hề than thân trách phận, khi đón đưa cháu chồng là Philip về nuôi, bà cưng nó như con. Nhưng nào Philip đâu có hiểu nỗi lòng của bà, chỉ đòi đi cho kỳ được, qua Đức học mấy năm, chẳng nên chuyện gì rồi trở về nhà.

« Bà mục sư ôm chầm lấy cháu, vui quá, phát khóc. Philip vừa cảm động vừa ngượng. Không ngờ bác gái yêu mình đến thế.

— Vâng con, bác cô độc quá.

Rồi e lệ, run run, bà hỏi :

— Về nhà, con thấy thích không ?

— Dạ thích lắm chứ.

Mặt bà nhăn nheo quá, và thân thể khô đét như lá mùa thu tưởng như gió thổi bay đi được ».

« Dạ thích lắm chứ ». Nhưng mới chưa hết một vụ hè, chàng lại dời đi nữa, lần này đi Ba Lê học vẽ. Ông mục sư ngăn cản, nhất định không cho tiền. Chàng chẳng cần, định bán những di vật của cha để có tiền đi.

« Bà Carey làm thỉnh, lên gác đội chiếc nón đen rồi lại ngân hàng.

Một giờ sau bà về, đưa cho Philip một bao thư.

— Cái gì đó, thưa bác ?

Bà mỉm cười, e lệ :

— Chút quà mọn cho con.

Chàng mở bao thư ra, thấy mười một tấm giấy mười đồng và một gói nhỏ bằng giấy đầy tiền vàng.

— Bác không thể để cho con bán đi vật của ba con được. Tiền đó là tiền bác gửi ngân hàng. Hết thấy được khoảng hai trăm đồng.

Philip đỏ mặt lên, rung rung nước mắt.

— Chao ơi ! Bác thương cháu quá, nhưng cháu không thể nhận được.

Hồi về nhà chồng, bà Carey có sáu trăm đồng và bà trân tàng số tiền đó để chi phí những lúc bất ngờ, làm những việc thiện, mỗi năm mua quà tặng chồng và Philip, lần lần số tiền hao đi.

— Sao lại thế con ? Bác ân hận rằng đã tiêu pha quá nhiều, nay chỉ còn bấy nhiêu thôi. Con nhận đi cho bác vui.

— Nhưng bác cũng cần dùng tiền chứ ?

— Không đâu. Bác giữ nó để phòng lúc bác trai mất trước bác (...); nhưng bác chẳng còn sống bao lâu nữa đâu, con ạ ».

Và ít lâu sau bà cụ mất, không được thấy mặt cháu.

Tâm lý đó không có gì lạ : các bà già thường hy sinh cho con cháu, nhưng trẻ bao giờ cũng nghi tới tương lai của mình trước hết, không hiểu được lòng người già ; vậy mà lần nào đọc lại những hàng trên tôi cũng bùi ngùi.

Nhân vật Mildred còn được tác giả khắc bằng những nét bén nhọn hơn nữa. Bà Carey hy sinh bao nhiêu thì ả ích kỷ bấy nhiêu. ả trơ trẽn, đến cái mức vô liêm sỉ. Chỉ quý tiền và khoái lạc. ả phản bội Philip mấy lần. Lần đầu bỏ Philip đi theo một người Đức đã có vợ con, bị hấn bỏ khi ả có mang; ả trở về với Philip, Philip tha thứ cho hết, bao bọc ả tới khi ả sanh xong, lại coi đứa con riêng của ả như con mình. Lần thứ nhì ả lại phản bội nữa, và đau đớn thay, với một bạn thân của Philip, lần này chàng cũng lại tha thứ cho cả hai. Khi ả thành một con điếm, bệ rạc, lại vác mặt dày lại nhờ vả chàng. Chàng lại bao cho cả mẹ lẫn con. Được ít lâu, sau một chuyện xích mích do ả gây ra, trong lúc chàng đi học, ả phá tan tành hết đồ đạc trong nhà, rồi bỏ đi. Lần thứ tư bị bệnh nặng, ả lại tới nhờ cậy chàng, chàng vui vẻ giúp, còn muốn cứu vớt ả ra khỏi chỗ nhơ nhớp nữa, nhưng ngựa đã quá quen đường cũ, chàng không sao cản được.

Vậy mà mấy năm sau, giữa một phố đông có lần thoáng gặp một người hình dáng giống ả, Philip vẫn còn hồi hộp. Có lẽ trong tất cả các truyện của Maugham không có nhân vật chính nào xấu xa như Mildred và cũng không có nhân vật nào dễ có cảm tình của ta bằng Philip. Nhưng đọc hết truyện, ta cũng không ghét Mildred. Ta thấy những trắc trở, phản bội đó như do số phận của hai người cả. Nếu Mildred không bị gã sở khanh gốc Đức kia bỏ rơi, hoặc được sống với người tình nhân thứ nhì, bạn của Philip, thì có lẽ ả không đến

nổi sa đọa, bị òi như vậy. Mà nếu Philip yêu được nàng Norah thì đời của chàng tất sẽ sung sướng. Do cái duyên phận cả. Cho nên ta chỉ thương họ mà không ghét họ. Cứ xét tâm lý nhân vật Philip, tôi có thể đoán rằng Maugham đau khổ nhiều nên mới thường có giọng chua chát, nhưng vẫn có một tấm lòng đa cảm, thương người, mà cũng không bi quan hẳn.

Philip sau được một gia đình bình dân, chất phác mà tốt bụng, cứu giúp, gia đình Athelny. Gia đình này nghèo, có bữa sáng lo bữa tối, nhưng vui vẻ và đoàn kết, cả vợ chồng con cái đều coi Philip như người nhà, bao bọc cho, kiếm việc cho làm. Nhất là người con gái lớn, nàng Sally, thực dễ thương. Nàng tận tâm lo cho cha mẹ và các em, yêu Philip một cách đậm thắm mà kín đáo, tới cái mức gần như quên mình mà chỉ lo hạnh phúc cho chàng. Nhờ hưởng được chút gia tài của ông bác, chàng tiếp tục học xong Y Khoa, và thấy tấm lòng quý hóa của Sally, chàng bỏ cái mộng viễn du, mà chàng ấp ủ từ mười năm trước, để sống với nàng, làm một viên y sĩ trong một miền quê gần biển, giữa đám dân chài chất phác:

« Cần gì Y Pha Nho với các châu thành Cordova, Toled, Leon, cần gì những ngôi chùa ở Miến Điện, những đảo san hô ở Nam Hải, Chẳng Châu Mỹ thì đừng ! Từ trước tới nay chàng chỉ đeo đuổi một lý tưởng (...) Cứ sống hoài trong tương lai như thế thì hiện tại luôn luôn trôi qua kẽ tay chàng thôi. Chàng nghĩ tới cái tham vọng vẽ một bức tranh rắc rối tuyệt đẹp bằng hàng hà sa

số những cái vô nghĩa trong đời; sao chàng không nhận thấy rằng bức kiêu mẫu giản dị nhất — tức cuộc đời một người sinh ra, lớn lên làm việc, có vợ, có con, rồi chết — có lẽ lại là bức kiêu mẫu hoàn toàn nhất. Có thể rằng chịu khuất phục hạnh phúc là tự nhận rằng mình thua đấy, nhưng bại trận như vậy còn hơn nhiều cuộc thắng trận khác.»

Nghĩ vậy rồi chàng hỏi Sally :

« — Anh tình hỏi cưới em.

— Em cũng hơi ngỡ như vậy, nhưng em không muốn làm cản trở các dự định của anh.

— Có cản trở gì đâu?

— Thế còn những cuộc du lịch Y Pha Nho và đâu đâu đó nữa của anh?

— Nhưng em có muốn lập gia đình với anh không?

— Có lập gia đình thì chỉ với anh thôi chứ còn với ai nữa.»

Sally cũng là một thiếu nữ của phương Đông nữa, nàng có thể sinh ở Hà Đông, ở Sa Đéc, và cái triết lý của Philip cũng là triết lý bình dị, yêu đời của phương Đông. Vì vậy mà tôi thích *Of human bondage*. Nó trong trẻo như trời hè sau một cơn mưa. Nó không làm cho ta thắc mắc như trong *The moon and six pence*, nhất là trong *The Razor's Edge*. Nhân vật trong hai tác phẩm này xa lạ với ta quá, kỳ quặc quá, ta phục tác giả là khéo phân tích tâm lý, khéo tạo tình tiết, nhưng ta không yêu được những nhân vật đó.

Bà Carey, Sally, mới là bà con với chúng ta. Họ lặng lẽ sống, khoan hồng mà hy sinh, họ không rửa đời, không trách người, phân phát tình thương cho người khác mà không đòi hỏi lại một chút gì, chính họ mới tạo hạnh phúc cho nhân loại, và xã hội nào có được nhiều con người như vậy mới là một xã hội văn minh. *Of human bondage* được coi là một tác phẩm cổ điển của thể kỷ, một bản ca « Chúc phúc » quả là đáng.

oOo

Nhưng chính Maugham thì không được hưởng hạnh phúc của Philip. Năm 1915, ông cưới cô Wellcome, một thiếu nữ quý phái lố lửng, ông bà sanh được một cô con gái, Isabelle và năm 1927 li dị nhau.

Từ khi có tiền, ông đi du lịch khắp thế giới. Cũng như Philip, ông rất yêu phong cảnh Y Pha Nho, yêu miền Mã Lai và những quần đảo ở Thái Bình Dương. Năm 85 tuổi ông đi thăm lần cuối cùng các nước Viễn Đông, có ghé nước ta. Năm 90 tuổi, ông còn ước mong được thăm lại Capri, Đế Thiên Đế Thích và Marakech ở Maroc. Có lần một người hỏi ông thích ở nơi nào hơn hết, ông do dự giữa Nhật Bản và Tahiti. Rốt cuộc ông lựa Nice, tại mỏm Saint-Jean-Cap Ferrat; ở đây trời biển cũng xanh, cây cối cũng xum xuê gần như các đảo trên Thái Bình Dương.

Đi tới đâu ông cũng nhận xét để viết truyện. Tàu ghé một bến nào là ông lại có thêm đề tài với cảnh vật cho tác phẩm của ông. Về Y Pha Nho, ông lưu

lại được hai cuốn hay : The land of the Blessed Virgin và Don Fernando. Qua Trung Hoa, ông viết cuốn The painted veil mà một số người cho là tác phẩm kỹ thuật cao nhất, xây dựng chặt chẽ nhất của ông. Các quần đảo Thái Bình Dương đã gợi hứng cho ông rất nhiều. Những truyện ngắn và dài bất hủ như Rain, The fall of Edward Bernard, L' étang, Le fugitif... đều ghi được những cảnh đẹp thiên nhiên của trời biển bao la. Văn ông tả miền đó cũng rất nên thơ :

« Nhưng nơi chàng — Lawson — thích nhất là một cái đầm cách Apia một hai cây số (...)

Một dòng sông nhỏ, nước chảy mạnh, sủi bọt trên những hòn đá rồi sau khi tỏa thành một làn nước sâu, nó thoát ra, nhẹ nhàng và trong suốt, vượt một chỗ cạn lội qua được, có nhiều phiến đá lớn mà thổ dân thỉnh thoảng lại giắt gĩa hoặc lặn hụp. Những cây dừa thanh lịch phù phiếm chằng chịt dây leo, chen chúc nhau trên bờ và soi hình trên làn nước xanh (...) (tiết ra) cái ẻo lả và khoái lạc thơm tho làm mê lòng người (...)

Tại đó chàng gặp Ethel lần đầu (...) Nàng lội khoan thai, tự nhiên, làn tóc xõa ở phía sau. Chàng nhìn nàng lội qua cái đầm rồi lên bờ. Như tất cả các phụ nữ bản xứ, nàng quấn khăn choàng mà tắm, và chiếc khăn ướt dán vào người, lam nổi bật thân hình yểu điệu của nàng. Nàng quấn tóc lại. Trông nàng đứng, thản nhiên như vậy, người ta phải liên tưởng tới những nữ thần của rừng, của suối (...) Chàng có cảm tưởng lạ lùng rằng mình là

vật vô hình. Những đoạn thơ đã quên mất một nửa hiện lên trong óc chàng, những đoạn thơ về xứ Hi Lạp mà hồi ở trường chàng đã học qua loa.

Khi quấn chiếc khăn choàng rồi, nàng lạnh lùng đi về, và chàng thấy ở chỗ nàng đứng một bông bọt đỏ. Bông đó dùng để trang sức mái tóc, nàng đã gỡ ra khi lội xuống nước rồi quên đi, bỏ đi. Chàng cầm bông lên ngó, lòng xao xuyến lạ. Mới đầu chàng định giữ làm kỷ niệm nhưng sau nghĩ cái thói đa cảm đó con nít quá, chàng liệng đóa hoa mà lòng hơi thất lại, khi thấy nó biến mất trong dòng nước ». (1)

Thực là đẹp như mộng. Cảnh đó là cảnh thường thấy ở nước ta. Tôi còn nhớ một lần làm việc ở thác Khône (Lèo) đã gặp một cảnh y hệt vậy, và khi đọc Maugham cái thú của tôi tăng lên một lớp nữa.

Trong những truyện ngắn đó, Maugham phân tích ảnh hưởng của khí hậu các đảo miền nhiệt đới trên Thái Bình Dương tới tâm lý tính tình người da trắng. Người thì tìm được ở đó một hạnh phúc mê hồn như Edward Bernard — chàng mê cảnh mê người đến quên cả vị hôn thê nết na, sang trọng trung tình ở Anh, quên cả tương lai của chàng — kẻ thì chịu những đau khổ tủi nhục ê trề sau một thời gian sung sướng như Lawson trong L'Entang — nhưng hầu hết đều đời tính, mất cả nghị lực, chí phấn đấu mà đồng hóa ít nhiều với thổ dân. Có người ngờ ông ghét văn minh phương Tây mà đề cao lối sống thiên nhiên là vì vậy.

(1) L' Etang.

Mũi nhọn cây viết của ông chia thẳng vào bọn truyền giáo với bọn quan cai trị Anh. Họ tự phụ, gài dối, hẹp hòi, phách lối, tàn nhẫn nếu không trụy lạc say bí tử, lúc nào cũng kè kè cái ve huýt-ki, rồi chết một cách thê thảm như trong truyện *Before the Party*.

Toàn là truyện bịa cả. Chính ông cũng nhận vậy. Ông bảo một lần gặp một cặp vợ chồng trong một bữa cơm thường: Chồng làm một nhân viên hành chánh trong các thuộc địa Anh; vợ có vẻ tầm thường, lẳng lơ, khoe rằng đã làm cho chồng chữa được tật nghiện rượu. Chỉ có vậy thôi mà ông xây dựng thành một truyện thê thảm kinh khủng, truyện *Before the Party*: ông cho cô vợ trong cơn giận dữ cầm chiếc máy cạo cạo chồng ở Bornéo rồi thản nhiên tuyên bố rằng chồng đã tự tử trong một cơn say.

Hoặc như truyện *Rain*. Ông thấy một con điếm vội vã xuống một chiếc tàu. Vợ chồng một ông mục sư cũng đi chuyển tàu đó. Tới Pago-Pago, họ lên bờ rồi phải ở lại vì trong đảo vừa phát bệnh sởi, nhà cầm quyền không cho ai ra khỏi đảo. Maugham tưởng tượng thêm một trận mưa day dứt hằng tuần chưa hết mà viết nên một bi kịch bất hủ. Mới đầu ông đặt cho truyện cái nhan đề là *Sadie Thompson*. Viết xong ông coi là truyện tầm thường, không nhớ tới nữa; rồi một hôm đưa cho một người bạn đọc, người này thích quá khuyên ông soạn thành kịch. Ông nghe lời, không ngờ thành công ngoài sức tưởng tượng, kịch đó,

đem lại cho ông khoảng bốn triệu bạc Việt Nam.

Truyện tuy bịa nhưng tác giả khéo xây dựng, khéo phân tích tâm lý, thêm thắt chi, tiết nên ai đọc cũng tưởng như thật, cũng bị truyện lôi cuốn. Nếu ông không viết gì khác ngoài những truyện ngắn đó ra thì cũng đủ nổi danh rồi. Jack London, Stefan Zweig cũng viết về các quần đảo ở Thái Bình Dương nhưng cả hai đều kém ông về phương diện đa dạng, về phương diện đào sâu tâm lý, nhất là về bút pháp dí dỏm một cách tế nhị.

Chẳng hạn, trong *Rain*, mục sư Davidson mấy đêm liền, xuống phòng ở điếm Thompson đề cầu nguyện cho anh, an ủi anh cho tới khi mệt là mới về phòng mình, mới chợp mắt đã mộng thấy những cái kỳ dị. Bà vợ kể lại với cặp vợ chồng bác sĩ Macphail:

— Sáng nay ông ấy bảo tôi rằng ông ấy mộng thấy dãy núi Nebraska.

Bác sĩ Macphail bảo:

— Kỳ quá ta.

Ông Macphail nhớ lại có lần ngồi xe lửa đi ngang qua Châu Mỹ, ngó qua cửa sổ thấy dãy núi Nebraska. Núi đột khởi giữa một cánh đồng, tròn và nhẵn, tựa những hang chuột chũi vĩ đại. Ông ngạc nhiên sao thấy nó giống vú đàn bà quá.»

Từ khoảng 1930, ông lại ở miền Nice, mỗi ngày viết đều đều bốn giờ buổi sáng, không hơn không kém.

Ông đã bỏ việc soạn kịch, nghĩ rằng, theo ngành đó, không thể phát triển

hết tài năng của mình được, và ông chuyên viết tiểu thuyết.

Ông viết *The moon and six pence*, *Cakes and ale*, *Theater*, *Christmas Holiday*, *Up at the villa...*

Đầu thế chiến thứ nhì, ông rời Pháp, qua Mỹ, viết được hai truyện *Then and now* — một lịch sử tiểu thuyết về Machiavel và Césa Borgiar, — và cuốn *The Razor' cedge*.

Sau thế chiến thứ nhì, ông viết *Rencontres et Hasards* và nhiều truyện ngắn. Người ta đã dùng nhiều truyện ngắn đó để dựng nên phim *Trio*, phim *Quartet*, và đưa truyện *Of human bondage* lên màn ảnh. Nhưng ông không thích viết truyện phim, mặc dầu những phim kể trên đã đem lại cho ông một số tiền lớn, đủ cho ông mua được những họa phẩm mà ông thích.

Năm 1947, ông viết truyện *Catalina* bối cảnh là Y Pha Nho đề mĩa mai những kẻ buôn Chúa.

Theo Georges Reyer trong tạp chí *Paris Match* 25-12-65, thì về già ông vẫn còn hận đời. Viết cuốn *Of human bondage* ông chưa rút hết được những ấn ức đau xót, ông còn viết thêm một tập ký ức chua chát nữa : *Looking back* trong đó ông kể lại tất cả những bi thảm trong đời ông : Cưới vợ rồi li dị, kiện con gái... Ông phàn nàn rằng chỉ có người thư ký của ông, Allan Searle là thương ông thôi, là chịu chia xẻ cảnh cô độc của ông thôi.

Ông đã định truất phần gia tài ba triệu quan của con gái để cho hết Allan

Searle, nhưng luật sư hai bên khéo dàn xếp để ông bỏ ý định đó đi.

Truyện đó làm tôi nhớ tới Léon Tolstoi. Tolstoi mấy năm trước khi chết rất bất bình về vợ, cũng viết di chúc để hết những văn phẩm và nhật ký cho một môn đệ thân tín. Những tài liệu đó, một nhà xuất bản chịu trả một giá kinh khủng là một triệu « rúp », khoảng 100 triệu bạc ngày nay. Nhưng sau vụ đó cũng thu xếp được.

Lạ lùng hơn nữa là trong *Of human bondage*, viết từ hồi 1915, cũng có một nhân vật ở trong hoàn cảnh Maugham lúc về già, Bác sĩ South cũng đã du lịch khắp thế giới, cũng chỉ có một người con gái, cũng xích mích với con gái và chàng rể, cũng ở cô độc tại một nơi gần biển rồi khi Philip tới giúp việc thì ông ta mến như con, hứa sẽ để hết gia tài lại cho Philip. Nếu South là một nhân vật hoàn toàn do Maugham tưởng tượng thì ta sẽ phải ngờ rằng ngay từ hồi trẻ ông đã có một linh giác về hậu vận của mình.

Từ năm 1938, ông định không viết truyện nữa, tự biết rằng có viết thêm thì chỉ làm « dơ thêm những bức họa cũ » của ông thôi, nên ông vui lòng « nhường chỗ của mình cho người khác » một chỗ mà ông đã chiếm non nửa thế kỷ. Để độc giả hiểu mình hơn, ông viết những tập cáo luận : *The suimng up* và *Points of view*.

Ông tự xét mình một cách rất sáng suốt. Như trên chúng tôi đã nói, ông nhận Maupassant là thầy, nhưng ôn

phục nhất Balzac, Dickens, Dostoevski, và Tolstoi.

Ông cho Balzac là tiểu thuyết gia vĩ đại nhất, mà «Chiến tranh và Hòa Bình» là tiểu thuyết vĩ đại nhất của nhân loại vì nó mênh mông, gồm có rất nhiều nhân vật, chép một thời đại quan trọng trong lịch sử bằng một nghệ thuật rất cao : mô tả cực kỳ khéo léo, gợi được hình ảnh trọn vẹn của một đời người trong một quốc gia rộng lớn. Mặc dầu có nhiều đoạn chán, chẳng hạn đoạn Pierre Békhouzov vào hội Tam Điểm, tác phẩm đó đáng gọi là một thiên anh hùng ca.

Còn chính ông thì ông chỉ cho rằng mình đứng đầu bọn tiểu thuyết gia hạng nhì thôi : « Có một vài hài kịch của tôi sẽ được người ta nhắc nhở trong một thời gian, và một số ít truyện ngắn hay nhất của tôi sẽ được đưa vào các tuyển tập ! Tôi nhận rằng bấy nhiêu chẳng nhiều lắm gì, nhưng có còn hơn không. »

Đành rằng chính những văn hào như Stendhal, Voltaire, A.E. Housman cũng chỉ được ông sắp vào «bàn nhì» như ông, nhưng có lẽ ông đã hơi nhũn khi ông quên kể những truyện dài của ông. Sẽ còn nhiều thể hệ ham đọc *Of human bondage*, *The Razor's Edge*, *The moon and six pence*, *The painted veil*...

Ông lại có một thái độ khoáng đạt : khi một nhà xuất bản xin phép ông cắt bớt nhiều đoạn trong *Of human bondage* để in vào loại Sách bỏ túi, ông vui vẻ chấp thuận liền, không một chút do dự. Ông bảo :

« Tiểu thuyết gia nào mà nghĩ rằng mỗi chủ của mình viết ra đều có tính cách thiêng liêng, rằng hễ bỏ đi một dấu phết, đổi chỗ một dấu chấm phết thì tác phẩm sẽ hỏng, là nhà ấy điên khùng. Một tiểu thuyết không phải là một công trình khoa học, cũng không phải là một công trình kiến trúc ».

xXx

Từ mấy năm nay, lòa và gần như điếc, ông sống cô độc ở Cap-Ferrat.

Năm ngoái, buổi tối ngày sinh nhật của ông, một bà bạn già lại thăm, hỏi ông thích cái gì nhất. Ông đáp :

— Cái gì cũng thích : một món ăn ngon, một thứ rượu ngon. Dù rượu không cũ lắm nhưng hễ ngon là được. Tóm lại, cái gì cũng thích ! Mà gặp được chị đây, tôi cũng thích lắm !

Chín mươi tuổi, mà cũng vẫn có lúc ham sống như vậy. Nhưng cuối năm ngoái, khi ông đau nặng, phải vào dưỡng đường Anh — Mỹ ở Nice, chính bà bạn đó vô thăm, hỏi :

— Anh Willie, anh thích gì ? Hoa hay trái cây ?

Ông nhăn mặt đáp ;

— Hoa ư ? Sớm quá. Còn trái cây thì trễ quá rồi !

Biết mình sắp chết mà ông vẫn còn cái giọng hài hước.

Nói xong rồi, sức nhận ra rằng đã thốt ra câu đó trơn tru, không hề cà lăm, ông chưa chát tiếp :

— Chị thấy không ? Chung cục tốt đẹp đấy nhỉ. Khi gần chết thì tôi hết cà — cà lăm rồi.

Và ông chết với một nụ cười chua chát : lời đó là lời cuối cùng của ông. Suốt đời, ông không quên cái tật cà lăm của mình, cả những thời danh vọng lên tới tột đỉnh, được cả thế giới ngưỡng mộ gọi ông là nhà quý phái Nam Hải » (gentleman des mers du sud) mà ông vẫn đau khổ vì nó. Nhưng chính cái tự ti mặc cảm đó đã làm cho ông cương quyết chiến đấu ba phần tư thế kỷ, chiến đấu trên một khu vực gay go nhất, khu vực văn chương, khu vực kịch và tiểu thuyết, và ông đã thành công ngoài sức tưởng tượng của ông. Sau này tất sẽ có nhiều người nghiên cứu đời ông mà viết thêm được nhiều trang về mặc cảm tự ti trong các bộ tâm lý học.

oOo

Trong truyện The painted veil, bà

Mẹ Nhất tu viện Mei-tan-Fu khuyên Kitty :

— Này con, không thể tìm được sự yên ổn tâm hồn trong công việc hay trong vui thú, ở ngoài đời hay ở trong tu viện đâu. Phải tìm nó trong nội tâm mình.

Lời đó thực sâu sắc. Dù cầm cò viết lách, dù du lịch khắp năm châu, Maugham cũng vẫn không tìm được sự yên ổn tâm hồn. Ông đã biết rằng phải tìm nó ở trong nội tâm mà suốt đời tìm vẫn không được. Phải chăng cái kiếp người nó như vậy ?

NGUYỄN-HIẾN-LỆ

(1) Báo chí đăng tin : Ông nằm ở đường đường Nice năm ngày ; các bác sĩ không chữa nổi, người ta chở ông về biệt thự La Mauresque ở Cap-Ferrat. Ông mê man cho tới khi mất, ngày 16-12-1965,

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORNEI

(S. D. A. E. D.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trung-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE

— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

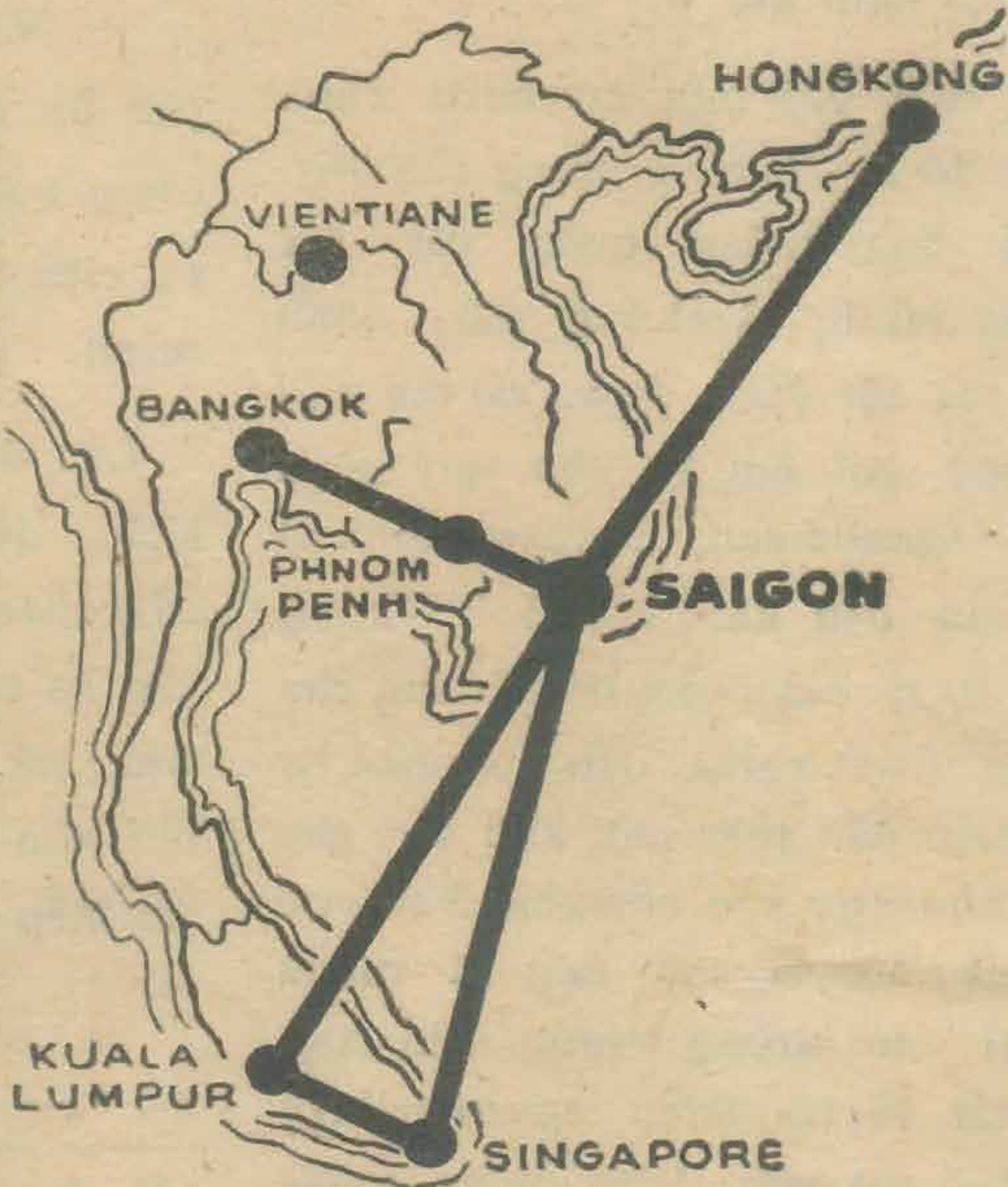
V
i
e
t

N
a
m

H
à
n
g

K
h
o
n
g

TRONG ĐÔNG-NAM Á



A
I
R

V
I
E
T
N
A
M

**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGỌAN**



bằng
của
ĐƯỜNG BAY

Caravelle
PHÂN LỰC CƠ TRẠNG LỆ NHỨT THẾ-GIỚI

Hasen VIỆT-NAM 

- ★ NHANH CHÓNG · 800 CÂY SỐNGÀN MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI · MÁT-MÈ · ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN · ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM  **HÀNG-KHÔNG**
116. NGUYỄN-HUE. SAIGON. 21.624-625-646

Dưới đất có gì hay ?

VÕ QUANG YẾN

Vào lúc vệ tinh liên tiếp được bắn ra khảo sát không trung, thăm dò cung trăng, sao Hỏa, tìm hiểu quả đất phải chăng là chuyện lạ ? Thưa không. Trong lúc bỏ công thăm viếng láng giềng, ngoài ngõ, tưởng cũng nên đề ít thì giờ xem xét nhà cửa ta ở ra sao. Các nhà bác học cũng đã nhận thấy như vậy nên đồng thời với những chương trình thám hiểm không gian, những kế hoạch khảo cứu vỏ ruột quả đất cũng đã hoặc sắp được thực hiện.

Ta biết gì về vỏ quả đất ?

Từ xưa lâu, người ta đã nhận thấy càng đào sâu xuống, đất càng nóng thêm. Trong các mỏ than, cứ xuống 50 thước thì nhiệt độ tăng thêm một độ. Người ta đoán xuống khoảng vài chục cây số thì tất nhiên phải gặp nòi lửa thiêu đốt ! Đáng khác, nếu quả đất phát nhiệt ất phải nguội dần và co rút lại. Từ đấy người ta suy ra vỏ quả đất dồn ép để gây ra núi, đồi. Ngày nay, quan niệm này hết còn được chấp nhận. Từ ngày biết được ruột quả đất chứa đựng những chất phóng xạ luôn luôn sản xuất nhiệt lượng, người ta hoài nghi không biết quả đất đang nguội dần hay đang nóng lên. Nhiều

nhà bác học thì tin rằng nhiệt lượng sản xuất lớn hơn nhiệt lượng bị mất. Theo họ, vỏ quả đất không co rút mà chính nhiệt-lượng đã tạo ra trong vỏ quả đất những luồng nhiệt-động (coorant de convexion) tương tự như trong một nồi nước sôi, luồng nước nóng chạy từ đáy nồi lên mặt nước, và từ đấy gây ra thế đất trầm trội.

Một nhà địa-chấn-học người Nam-tư, ông Mohorovicic, chứng minh ngay ở dưới vỏ quả đất có một lớp phản chiếu lại vào bên trong những luồng sóng động đất. Người ta đã lấy tên ông để gọi lớp ấy : Moho. Sau này, một lớp khác tương tự cũng đã tìm ra được trong ruột quả đất. Từ lúc ấy, quả đất được hình dung như một cái trứng trứng trong nước sôi vài ba phút. Ở ngoài cùng, vỏ quả đất mỏng mảnh như vỏ trứng. Ngay dưới vỏ quả đất, một lớp tương tự như lòng trắng trứng đóng cứng nhưng còn mềm dẻo và rất nóng, gọi là bao đất (manteau). Cũng như lòng trắng và vỏ trứng không có cấu chất giống nhau, bao đất gồm có những nham thạch khác hẳn và nặng hơn vật liệu ở vỏ quả đất. Phần còn lại là ruột quả đất vô cùng nóng, có thể ví như lòng đỏ

trứng chưa đóng cứng. Người ta còn đưa ra giả thuyết ở trung-tâm ruột quả đất còn có một cái nhân cứng ..

Nhưng tìm hiểu « nhân » quả đất chỉ đang còn là một chuyện lý thuyết. Đến nay, người ta đang ở thời kỳ khảo sát vỏ quả đất. Vỏ quả đất không đều hòa : dưới đại-lục thì dày và nhẹ, dưới đại dương thì lại mỏng nhưng nặng. Vỏ quả đất dựa ngay trên bao đất và như tưởng trôi nổi chứ không dính cứng. Thật vậy, bao đất không có vẻ là hóc đá cứng rắn mà là một chất nóng chảy luôn luôn biến động. Đại-lục nhẹ tất nhiên nổi lên bềnh, còn đáy đại dương nặng thì chìm lắng xuống, cho nên mới bao phủ được các chỗ trống. Ở bên những nước Thụy-na-đan và Gia-nã-đại, người ta đã nhận thấy mức đại lục lên xuống tùy với sức nặng đã đè nén lên mặt đất. Sức nặng này là những khối nước đá dày khoảng 2000 thước, ngày nay đang bao phủ Bắc-cực và trước đây đã trùm lấp mặt đất những nước ấy. Nhiều vết tích hiện

nay đã giúp người ta suy đoán cách đây khoảng 10 ngàn năm, một sức nóng đột nhiên đã làm tan chảy một phần khối nước đá ấy. Mặt đất nhẹ đi thì nổi lên. Ở miền bắc Phần-Lan, người ta đo thấy mỗi năm đất trồi lên một phân. Đáng khác, nước đá tan chảy thì làm tăng mức nước biển, ước lượng lên đến 50 thước, Phải chăng đây là nguyên do những truyền thuyết như đại hồng-thủy hay đại-lục Atlantide bị mất tích ?

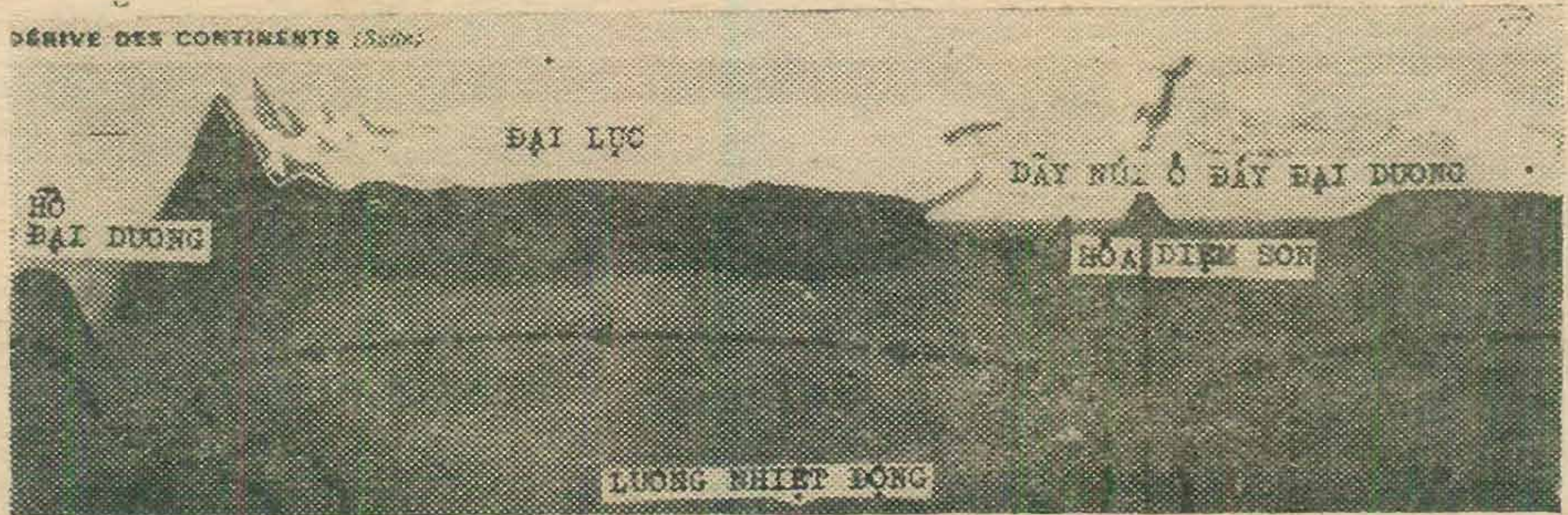
Nếu chịu nhận vỏ quả đất trầm trôi thì cũng có thể tin mặt đất lần lần trượt qua lại. Đây là đề nghị của nhà khí-tượng học người Đức Wegener. Ông ta đề ý thấy bờ biển Bắc Mỹ và Nam Mỹ phía Đại tây dương rập theo hình thềm phía tây châu Âu và châu Phi. Đồng thời những lớp nham-thạch, vật hóa-thạch đôi bên hoàn toàn giống nhau. Từ đấy ông đưa giả-thuyết lúc trước mặt đất chỉ có một đại-lục, dần dần chia sẻ và trôi giạt xa nhau. Nếu lúc đầu giả thuyết hoàn toàn bị gạt bỏ, thì ngày nay nhờ nhận xét những liên quan trong đất đai, nhiều nhà địa-chất học đã bắt đầu chịu xét đến.



Lúc trước mặt đất chỉ có 1 đại lục



...dần dần chia sẻ và trôi giạt xa nhau



Còn một giả thuyết nữa cũng đáng được chú ý là giả thuyết núi đồi chồm mọc. Các nhà địa-chất học nhận thấy núi cao thường nằm ven bờ biển. Đứng khác những nhà hỏa-sơn học thì lại chứng minh hóc đá từ một trăm cây số ở ruột đất phun ra có thể dồn dập đóng thành núi cao. Gần đây người ta lại tìm ra được ở đáy Thái-bình-dương một dãy núi dài 3000 cây số, cao 3000 thước. Sau đây, một dãy núi khác ở dưới đáy biển cũng đã được tìm ra dọc theo Đại tây dương, vòng quanh châu Phi, băng qua Ấn-độ-dương để đạt đến Nam Úc và đồ qua Nam Mỹ. Trên dãy này, nhiều hòn đảo đã là những trung-tâm hỏa diệm sơn trước kia. Islande, Açores Ascension, Tristan de Cunha, Kerguelen, Pâques. Theo những ý tưởng táo bạo nhất, cách giải thích sự cấu thành núi non và lục địa là như thế này : Từ bao đất, những luồng nhiệt động chạy lên vỏ quả đất gây ra những hỏa diệm sơn ở dưới đáy biển, núi lửa tắt đi, những luồng nhiệt động xô đẩy chúng thành ra những

dãy núi ở các đại dương. Trên địa-lục, mặt đất nhẹ cũng bị các luồng nhiệt động xô đẩy dồn dập về một phía sinh ra những cuộc động đất. Ở chỗ những luồng nhiệt động này trở về lại bao đất, đại-lục tụ tập thành núi cao, còn đáy biển thì sụt xuống thành hố sâu. Những hố này đã tìm ra được cạnh Nhật bản, Phi luật tân, Antilles.

Kế hoạch đào sâu xuống ruột đất.

Như vậy, khảo sát ruột quả đất, tìm hiểu những luồng nhiệt động thật là chuyện quan trọng. Năm Địa cầu vật-lý học là bước đầu của cuộc học hỏi này. Nhưng đây chỉ là những nhận xét trên mặt đất : những phương pháp khảo sát cách trang trải nhiệt độ và áp lực trên mặt đất và nhất là nghe ngóng những cuộc động đất gọi là chấn-động-học. Những tài liệu gom góp được đã cho người ta biết vài tính chất vật-lý-học của những nguyên liệu ruột đất nhưng không trình bày được sự cấu tạo của những nguyên liệu ấy.

Vậy thì muốn biết rõ hơn cần phải thay đổi phương pháp. Bao đất dày khoảng 2900 cây số nhưng người ta tin chỉ có 1000 cây số ở sát vỏ quả đất là hoạt động. Chính ở đây mà những chuyển động đã phát sinh, nảy nở, gây ra những thay đổi khối lượng vật chất và từ đây gây ra trên mặt đất những hoặch UMP và đồi hình. Năm 1960, kế chuyển động ra đời (Upper Mantle tức là Project) kế hoặch khảo cứu lớp trên bao đất. Đây thật là một cuộc hợp tác giữa nhiều ngành khảo cứu : địa-lý học, địa-chất học, địa hóa học.

Môn địa chất học là ngành khảo cứu sự cấu tạo và tiến triển bên trong quả đất xưa nhất. Nhưng phương-pháp địa-chất học chỉ khảo-sát được có vài cây số bề sâu. Sau này hai ngành địa lý học và địa hóa học đã lại giúp sức. Hai ngành này hiến cho môn địa chất học những tài liệu về bao đất. Trái lại hai ngành này cũng cần môn địa-chất học để biết được hậu-quả trên mặt đất của những cuộc biến động trong bao đất. Dự định của kế hoặch UMP là đem so sánh cấu tạo và tiến triển của lớp trên vỏ quả đất, một tầng với cấu tạo lớp dưới vỏ quả đất, một tầng với cấu tạo lớp trên bao đất.

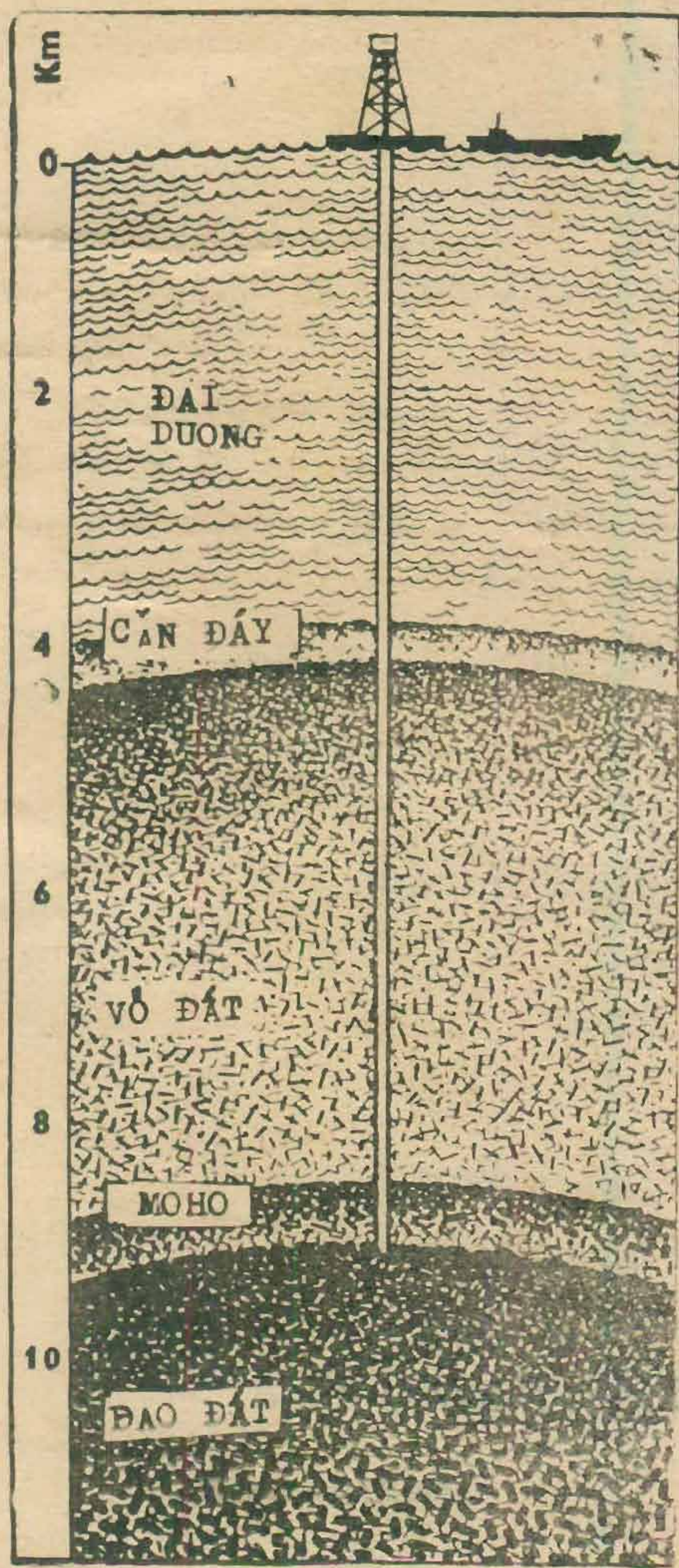
Vỏ quả đất không phải thuần nhất mà gồm có nhiều lớp, biểu tượng cho những giai đoạn của cuộc tiến triển. Lúc ban đầu, tất cả vỏ quả đất rất linh động, đất đai rất dễ bị dồn ép. Cách đây khoảng 1.500 triệu năm, nhiều chỗ dính cứng lại và dần dần lan rộng

ra, sau rầy lập nên đại-lục. Từ lúc ấy núi non mới mọc lên, căn-nguyên của những dãy núi lâu đời nhất : Tien chan, Pamir, Tây tạng...

Nhưng vỏ quả đất không được cấu tạo khắp nơi giống nhau, có nơi mau, có nơi chậm, gây ra những vùng địa cầu khác nhau nằm liền bên cạnh. Đem so sánh được những vùng này với nhau là một lợi ích lớn cho cuộc khảo cứu. Những hiện tượng ở trong lòng sâu vỏ quả đất nhờ đây sẽ được đưa ra ánh sáng.

Đi xuống sâu hơn nữa, từ lâu người ta tin bao đất thuần nhất. Thật ra bao đất gồm có một lớp mềm nằm kèm giữa hai lớp cứng. Chính ở trong lớp mềm này mà những cử động thay đổi khối lượng vật chất đã thành hình. Lớp mềm này ở dưới đại-dương dày hơn ở dưới đại-lục (300 và 150 cây số) và ảnh hưởng rất nhiều lên vỏ quả đất. Muốn hiểu rõ ảnh hưởng này cần phải đào sâu xuống đất, tận mắt nhìn thấy. Công việc này tốn kém rất nhiều và chỉ có những nước thật giàu mới có phương-tiện lập kế hoặch. Các nhà bác học Nga muốn đào ở đại-lục nhưng không biết ở chỗ nào (ở chân núi Caucase, ở Oural, Carelie hay ở cạnh biển Caspienne). Những lỗ đầu tiên sẽ sâu khoảng 12 đến 15 cây số. Các chuyên gia Mỹ thì tính chỗ đào ở đáy đại dương, gần đảo Hawaii. Họ tính độ 4 cây số thì đạt được lớp Moho, cho nên đặt tên kế hoặch là Mohole (tiếng Anh hole nghĩa là cái lỗ).

Từ lâu người ta đã biết đào sâu ở đáy biển để tìm mỏ dầu hỏa nhưng nước chỉ sâu 10 20 thước. Bây giờ muốn đào ở chỗ nước sâu 5000 thước thì cả là một vấn đề kỹ-thuật. Người ta dùng bốn chiếc máy tàu thủy giữ vững một máy đào ở chỗ đã định. Xung quanh máy đào có đặt nhiều máy radar (dùng luồng sóng điện) và máy sona (dùng âm thanh)



để kiểm soát máy đào luôn đứng đúng chỗ. Những cuộc đào thử với chiếc tàu Cuss-1 đã đem lại kết quả khả quan: ở chỗ sâu 900 thước, hồ đã đào sâu được 300 thước. Nhưng một vấn đề hiện đang làm trở ngại cuộc tiến hành là tài chánh. Từ 1961 đến 1964, kế hoạch đã tăng lên 450% ! Dù sao máy đào sẽ đóng xong cuối 1966 và người ta dự định vào khoảng mùa Đông 1967 máy sẽ được vận dụng. Và cũng phải ba năm mới đào xong. Tiền dùng tính đến lúc bắt đầu đào sẽ vào khoảng 60 70 triệu Mỹ kim !

Từ thuở xưa xa vời, những người Hy-lạp đã từng hằng mong tìm hiểu mặt đất. Ngày nay càng ngày người ta càng muốn hiểu biết thêm vỏ, ruột quả đất. Dù một ngày nào con người phải đi thám hiểm ở khoảng không-gian xa xăm trở về lại quả đất là một chuyện di nhiên. Chính vỏ ruột quả đất đã hiển cho ta biết bao nguyên-liệu quý báu dùng làm nguồn cho mọi năng-lượng, từ than đá, hơi khí cho đến dầu hỏa, các chất phóng xạ. Công chuyện tìm hiểu quả đất lúc này quan trọng không kém gì công chuyện tìm hiểu cung trăng, sao Hoả.

VÕ-QUANG-YẾN

Tài liệu : G. Lacoste (Sciences et Avenir 7-59)

J. T. Wilson (Le Courrier

V. Belousov 1-63)

Y. Rebeyrol (Le Monde 22-7-65)

Chín cụm hoa vàng

*em tìm đến hoa vàng dăng chín cụm
trên quê hương chìm nổi những đau buồn
trăm lời nói mang trăm lời kêu gọi
như máu nào không muốn trở về tim*

*ôi cao quý thay một loài hoa trắng
nở bên trời phủ dụ tình yêu thương
biên đạo lý ai ngăn ? tay nào chặn ?
em âm thầm mang đến những làn hương*

*thế cũng đủ cho hồn làng nửa mảnh
khỏi thẹn lòng phải đối diện cô đơn
hoa thời đại nở đều trong sương lạnh
đề sáng trời hồng nắng nở môi hôn*

*xuân đã lại hoa đã vàng xức sớ
quê hương mình súng nở mấy mươi năm
mong em đến vá lành bao đồ vỡ
đề mẹ hiền, em đại thở môi thơm*

*tôi đón chờ em như niềm ân sủng
với mùa xuân tiếng súng quê hương sâu
tình gói ghém trong nghìn trang cao vọng
trong nghìn trang — lòng đã mến thương nhau*

THÀNH TÔN

Lên cao

EUGÈNE IONESCO

NGUYỄN-KIM-PHƯƠNG dịch

Madeleine hỏi tôi :

— Sao hồi ấy anh không đi khai là nó chết rồi? Hoặc ít ra thì anh cũng tổng khứ cái thầy ma đi quách cho rồi. Chừ làm sao?

Chao ! tôi mệt mỏi quá rồi, lười nhác, rời rã bởi chẳng làm được chi cả. Tôi không nhớ nổi đồ đạc để ở đâu, ở đâu... Mỗi lần tìm một cái gì là bươi tung học bàn học tủ, bò xuống gầm giường, lục cả buổi trong nhà kho, trong phòng chứa... Bao nhiêu việc, làm nửa chừng, tôi bỏ dở, rồi lại bắt đầu lại ! Bao nhiêu dự định tôi để cho trôi qua... Thực không còn sức lực ý chí, bởi không có một mục đích chi trong đời nữa cả. Nếu không vì của hồi môn của vợ tôi, và đồng lương ít ỏi của nàng, thì,..

— Anh đã để cả mười năm trôi qua ! Thầy ma bắt đầu hình hình rồi đó ! Hàng xóm họ đánh hơi và hỏi mùi chi ở đâu rồi đó ! Chắc cuối cùng rồi họ cũng biết chứ chẳng không ! Chỉ tại anh thiếu sáng kiến một chút mà gây ra cơ sự ! Rồi anh xem, sẽ rắc rối cho coi ! Chỉ còn có cách là chừ mình chứng minh thế nào cho họ thấy rằng cái thầy ma đã chết 10 năm nay rồi. Luật lệ qua mười năm là hủy án. Hồi ấy nếu anh khai sớm nó chết, thì phải chừ mình khỏe không ! Mình đã được yên thân ! Có mô phải trốn trách lảng giềng và không ai tới nhà như thế này !

Tôi muốn trả lời Madeleine ngay rằng : « À, nếu em muốn khai sớm thì theo luật mình đã bị ở tù rồi, e khi bị xử tử rồi chứ nói ! ». Nhưng, ai hơi đâu lý luận với đàn bà ! Thành thử tôi để nàng nói gì đó thì nói, giả vờ không nghe thấy.

Madeleine than thở :

— Tại cái thầy ma ấy mà mình chẳng làm ăn chi được, mọi việc hư hỏng cả

— Đấy là em nói vậy chứ ! Anh không tin !

— Nó lại còn chiếm mất gian phòng đẹp đẽ của mình, gian phòng làm lễ cưới ngày xưa ! Phòng trước đó !

Cả ngàn lần, hễ tôi định xuống phòng tắm, thì không hiểu sao tôi lại rẽ qua phòng trước ấy, đến nhìn cái cây ma !

Tôi mở cửa phòng. Thật là tuyệt vọng : nó không chịu biến đi ! Lại lớn hơn nữa chứ ! Không bao lâu e phải thêm cái ghế dài cho nó nằm nữa ! Râu nó mọc dài ra, tới đầu gối. Móng tay cũng dài, nhưng vì Madeleine cắt mất, nên còn ngắn. Mà hễ tôi đứng nhìn chưa được bao lâu thì nghe bước Madeleine tới sau lưng. Không hồi nào tôi tìm cách đứng một mí h với cái cây ma được cả. Madeleine như rình mò đâu ấy ! Không hồi nào để tôi tự do thở ; nàng theo tôi như cái đuôi.

Tôi bị chứng mất ngủ. Nàng thì không. Nàng hễ ngủ thì ngủ say, cho dù chúng tôi đang gặp chuyện buồn, vận rủi trong nhà.

Thế nhưng, có những bữa khuya, ngờ nàng ngủ mê, tôi se sẽ xuống giường nín thở, nhẹ nhàng mở cửa đi ra. Nhưng lạ, tôi vừa đặt tay nơi quả nệm là y như đèn ngủ trong phòng bật sáng, Madeleine vừa thò chân bước xuống vừa gọi với theo tôi :

— Anh đi đâu vậy ? Anh đi xem « nó » đấy à ? Đợi em đi với !

Lại có nhiều khi, tôi tưởng nàng bận việc dưới bếp, vội vàng bưng tới phòng có cây ma, hy vọng rằng ít ra cũng được vài phút một mình đứng nhìn « nó ». Thế mà, đã thấy Madeleine ngồi nơi trường kỷ đợi tôi đến, tay nàng nắm vai cây ma lắc lắc.

Bởi vậy, lần này, tôi không ngạc nhiên khi biết Madeleine theo tôi bèn gót, để sẵn sàng trách tôi đủ thứ.

Khi tôi bảo nàng hãy để ý đến đôi mắt của cây ma sao mà sáng như 2 ngọn đèn, nàng trách tôi :

— Đó, tại trong mười năm nay mà anh không vuốt mắt cho nó nhắm lại.

— Ờ hỉ ! Anh bận quá !

— Thực anh cầu thả vô tâm ghê ! Đó, anh lại tìm cớ nói với em rằng anh bận bịu ! Cả ngày anh có làm chi đâu nào !

— Nhưng làm sao bảo anh nghĩ tới đủ thứ chuyện !

— Anh nghĩ chi đâu nào ?

— Thì thôi ! Cả trăm lần em đều nói anh không nghĩ ngợi gì. Anh nhận vậy.

— Anh nhận vậy, sao anh không chịu sửa đổi !

— Tự em vuốt mắt cho nó thì tốt biết mấy !

— Em bận nhiều chuyện, đâu có phải lúc nào cũng theo chân anh được, để lượm những đồ anh làm rớt, làm nốt những gì anh bỏ mứa, sắp đặt những đồ anh bừa bãi. Thì giờ của em là lo trọn cho trong nhà, nấu ăn ; em giặt giũ, may vá lau dọn. Em thay nệm giường cho « nó », cho anh. Em quét tước, rửa ráy, em làm thơ gửi đăng báo để kiếm thêm vào lợi tức tức ít ỏi của chúng mình. Dù lòng lo buồn em vẫn cười hát cho thiên hạ khỏi nghĩ là nhà mình bê bối. Đó anh thấy, nhà mình không thuê được đũa ở. Anh xem, không có em ở đây với anh, anh làm sao ?

Tôi chịu không nổi nữa, nói to :

— Thì anh biết rồi mà.

Và tôi ra khỏi phòng thầy ma.

— Anh đi đâu đấy ! Anh lại quên không vuốt mắt cho « nó » đi !

Tôi quay lại. Đến gần thầy ma. Thầy ma đã già hơn xưa nhiều. Người chết mau già hơn người sống ! Ngày nay ai còn nhận ra nó là con người trẻ đẹp cách nay mười năm, một đêm kia đến thăm vợ chồng tôi, rồi nó đâm mê vợ tôi, lợi dụng lúc tôi vắng mặt, bắt tình với nàng.

— Anh này, phải chi hồi ấy anh đi khai ngay với nhà chức trách rằng anh giết hấn trong một lúc giận hờn, ghen tuông, thì biết đâu mình đã được yên rồi ! Một tội phạm vì yêu đương thì nghĩa gì ! Biết đâu họ chẳng xếp hồ sơ qua một bên ! Chỉ cần anh khai sự thật là rồi ! Bởi tại anh trể nải nên chừ chúng mình mới bị phiền phức thế này. Mỗi lần em bảo anh đi khai báo, anh cứ hẹn : đề mai, đề mai, đề mai.. Những lần đề mai của anh giờ cộng lại đã mười năm rồi. Chừ mình như thế này có phải lỗi tại anh cả không ?

— Thì thôi đề mai sớm anh đi khai ngay !

Tôi nói vậy để yên cho rồi, muốn nàng đi khuất mắt.

— Thôi ! em biết, anh hiếm mà đi ! Với lại, đến nay thì trể quá rồi. Sau mười năm, ai còn tin anh giết hấn vì giận ghen nữa ! Đề qua mười năm mới khai, tất là họ nói mình mưu một sự gì ! Em cũng chẳng hiểu bây giờ mình ăn nói làm sao ! Hấn già thêm rồi ! Chẳng lẽ anh nói hấn là cha anh ! Và anh mới giết hấn hôm qua ? Rứa lại càng tội nặng. Giết cha thì ai tha thứ !

Tôi lăm thăm tự nhủ :

— Không ai tin chúng ta ! Không ai tin tưởng chúng ta.

Tuy tôi không còn ý chí nhưng tôi còn lý luận rành mạch. Chứ Madeleine thì thiếu lý luận, và ý kiến của nàng không mấy khi tôi chịu đựng nổi.

— Thôi mình qua phòng khác đi !

Tôi vừa nói vừa bước ra khỏi phòng thầy ma.

— Đó, anh lại quên vuốt mắt cho nó rồi ! Tại sao anh chẳng chịu để ý gì đến lời nói của kẻ khác cả khi họ nói với anh ? Anh chi đâu !

Lại hai tuần lễ trôi qua. Thầy ma già mau và lớn trưởng lên cũng mau kinh khủng. Cái bệnh gì của thầy ma đã làm nó lớn ra vậy ?

Không bao lâu cái ghế nó hiện nằm không còn vừa nữa. Chúng tôi phải khiêng nó để xuống đất vậy. Thừa cái ghế ấy ra, tôi có dịp được ngủ yên, đỡ bị Madeleine rầy rà ! Sau mười năm, được một giấc ngủ yên !

Nhưng không !

— Anh điếc à ! — nàng thét lên ! — anh không lo nghĩ gì cả ! Anh ngủ, ngủ suốt ngày !

— Vì ban đêm anh không ngủ được !

— Anh làm như trong nhà mình không có chuyện chi cả sao !

Chợt lúc ấy tôi nghe tiếng gậy rắc rắc trong phòng thầy ma. Có lẽ vôi trên trần rơi xuống. Căn phòng như rung chuyển. Cửa các phòng đều kêu kót kót như một chiếc thuyền trôi trên nước. Một cánh cửa sồ bật ra vỡ loảng xoảng.

Madeleine sợ hãi kêu lên :

— Chết ! hàng xóm họ sẽ nghĩ gì ?

— Để xem sao !

Chúng tôi vừa định bước qua xem, thì cái cửa lớn của căn phòng thầy ma bật tung, nhào xuống. Cái đầu thầy ma lớn khổng lồ nằm trên nền nhà, mắt ngó trừng trừng lên mái !

Madeleine kêu to :

— Mắt nó còn mở trừng anh ơi !

Hai con mắt thầy ma to tròn và sáng như hai cái đèn rọi, chiếu cả căn phòng một ánh sáng lạnh người.

Tôi trấn an Madeleine :

— May, cái cửa bật tung nên nó có chỗ nằm. Cái phòng trước còn rộng mà ! Nó thò qua được.

— Anh khi mô cũng đùa! Ngó kia!

Nàng rùng đôi vai sợ hãi. Tôi thấy hoàn cảnh lúc ấy cũng rắc rối thật.

Cái thầy ma lớn trông thấy! Tôi lấy cục phấn làm dấu. Một phút sau là thấy nó trương quá chỗ làm dấu rồi!

Tôi bảo lớn:

— Phải ra tay cho rồi! Không chần chờ được nữa.

— Chừ em mới thấy anh tỉnh ngộ! Chắc chừ anh mới hiểu. Phải anh ra tay ngày xưa, đã đỡ!

— Chưa trễ mà.

Tôi cũng thấy mình sai lầm. Tôi run lên. Và tôi xin lỗi.

Madeleine như muốn giúp tôi can đảm, nàng nói:

— Thôi mà. Anh ra tay lẹ đi!

Nhưng tôi không thề ra tay trước khi trời tối. Chúng tôi đang ở vào giữa tháng sáu, còn chờ lâu trời mới tối. Thời gian mấy giờ đồng hồ thực là lâu kinh khủng. Nếu không có Madeleine bên cạnh, bối rối và sức động, thì tôi đã nằm xuống nghỉ ngơi, tư tưởng đến bao việc khác, hoặc ngủ một giấc ngon lành.

Đằng này nàng cứ sát bên tôi, thỉnh thoảng làm tôi điên lên: « Em đã bảo mà »... « Em bảo anh thế này này », và luôn luôn nàng muốn nàng có lý.

Cái đầu thầy ma thì cứ tiếp tục trườn tới trước, qua hết phòng kế cận, gần đến phòng ăn. Tôi buộc lòng phải tháo cánh cửa phòng ăn cho nó trườn cái đầu qua.

Khi chạng vạng, sao bắt đầu mọc, thì cái đầu thầy ma đã trườn ra tới ngạch cửa. Tuy nhiên chúng tôi phải đợi, vì ngoài đường còn lắm người qua lại. Tới giờ cơm nhưng chúng tôi chẳng thấy đói. Tôi khát nước, nhưng ly tách đều để trong nhà bếp, muốn lấy, phải trèo qua thầy ma rúc qua cửa. Tôi chịu!

Chúng tôi không bật đèn; vì đôi mắt của nó đã đủ chiếu sáng.

Madeleine nhắc tôi:

— Anh đóng cửa trước lại anh!

Và chỉ cái đầu thầy ma đang như trườn tới nữa, nàng bảo tôi:

— Hình như nó muốn bùng cả cái nhà anh à!

Đầu thầy ma đã tới tấm thảm để phủi chân vào phòng trước. Tôi nhắc đầu nó lên đặt trên tấm thảm.

— Ri cho êm, mi đừng phá hư tấm thảm.

Tôi thấy trong người mệt nhọc. Suốt bao năm với câu chuyện này ! Giờ phải a tay làm một cái gì ! Tôi lại thấy ray rứt trong trí. Mồ hôi đượm hai bên thái dương. Tôi run người.

Madeleine than thở :

— Thực chịu không nổi ! Sao lại có những chuyện thế này ! Và tại sao lại nhằm chúng ta mà xảy đến !

Tôi nhìn khuôn mặt đau khổ của nàng, tự nhiên thương hại. Tôi âu yếm đến gần và bảo Madeleine :

— Nếu chúng mình thực sự thương nhau thì những việc rắc rối này có hề gì đến tình yêu.

Nói đến đây, tôi nắm tay nàng và dịu dàng bảo :

— Chúng mình yêu nhau nghe em. Em biết không, tình yêu đem lại cho chúng ta hy vọng, tình yêu làm ta chịu đựng được bao nhiêu sự khó nhọc ở đời, tình yêu thay đổi cuộc sống chúng ta. Em, em có hiểu anh không ?

Tôi muốn hôn Madeleine. Nhưng nàng tránh, đôi mắt vẫn nhìn vào tôi.

Tôi nhỏ nhẹ, mê say :

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIES — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
 Tai Nạn Hỏa Hoạn Hàng Hải Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHÔNE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
 — Hongkong — Tananarive — Tamatave — Addijan — Douala

— Anh tin tình yêu là vậy. Em có nhớ những ngày xưa ! Buổi bình minh huy hoàng, chúng mình như đứng trước cuộc đời rộng mở ! Vũ trụ như tắm trong ánh sáng. Chúng mình như bơi trong ấm êm. Cuộc đời như không còn những hệ lụy, và được sống thật là hạnh phúc. Đó là tình yêu, là tuổi trẻ. Nếu trong thâm tâm chúng mình muốn vậy, thì có gì ngăn cản được chúng mình ! Chúng mình ca ngợi niềm vui.

Madeleine đẩy tôi ra :

— Đừng tán nhảm chuyện đó nữa. Ngó này, tình yêu ! tình yêu có tổng khứ được cái thầy ma đi không ! Thù hận và tình yêu không làm được gì trong hoàn cảnh này. Anh có biết không ?

Hai bàn tay tôi buông thõng và đáp :

— Thôi, để anh tổng nó đi cho em.

Tôi rút vào trong góc, ngồi xuống ghế. Im lặng. Madeleine cũng ngồi xuống. Đôi mày nàng nhíu lại. Và cặm cụi may vá...

Tôi ngẫm cái đầu thầy ma. Mấy phút qua nó già thêm nhiều nữa. Lạ thay bây giờ chúng tôi thấy quen thuộc với nó. Tôi nghiệm ra rằng mình buồn bã khi nghĩ đến lát nữa đây nó không còn nữa. Nếu nó đứng lớn động lên, thì chúng tôi có thể giữ nó lại ít lâu, hoặc giữ mãi cũng nên. Thế mà nó lại cứ lớn thời lên ngay trong nhà chúng tôi. Dĩ nhiên như thế không chịu được.

Lòng người là vậy. Tự nhiên ta bỗng trở nên quyến luyến với bất cứ thứ gì gần gũi lâu với ta. Tôi nghĩ đến sự trống vắng của nhà mình khi tổng thầy ma này đi rồi. Hẳn nó đem lại cho chúng tôi niềm nhớ !

Nó là chứng nhân lặng lẽ của quá khứ cuộc đời, một quá khứ không phải bao giờ cũng dễ chịu và trọn vẹn. Mà không trọn vẹn cũng vì chính nó. Nó làm cho chúng tôi bất hòa ! Ai cũng biết, đời không vui vẻ trọn vẹn bao giờ.

Tôi mơ hồ nhớ rằng mình đã giết nó. Hay nói cho nhẹ hơn, tôi đã xử tội nó, trong một lúc giận dữ, uất ức. Nếu mọi việc đưa ra ánh sáng thì bên nào cũng có tội cả. Những ngày sau đó tôi ngẫm hiểu là mình thực ra vô tội. Song tự nó, nó đã quên hết tội nó chưa ?

Medeleine ngắt ngang dòng tư tưởng của tôi :

— Cái đầu nó đung xông. Anh ra tay đi cho rồi.

— Ừ.

Tôi đứng dậy, mở cửa sò, nhìn ra ngoài. Khoảng

chừng 2 giờ khuya. Đêm mùa hè thực đẹp. Ngoài đường không có bóng người, và cửa sổ mọi nhà đều tối đen. Mùi hoa soan bay thơm trong không khí. Giữa trời cao, mặt trăng tròn đầy và một vì sao linh động. Giải Ngân hà mờ mờ... Những vì sao chồi bay ngang đường trời, những giòng sáng bạc lung linh... Trong khu vườn trời từng chùm hoa sao trắng. Những đồng cỏ và rừng xanh trên trời.., Không gian cao ! Không gian vô-tận...

Chợt Maileine gọi tôi :

— Anh đang mộng mơ chi vậy. Ra tay đi anh. Không có ai thấy mình đâu. Đề em ra xem có ai không.

Nàng leo qua cửa sổ, chạy ra chỗ góc đường, nhìn tới nhìn lui và ra dấu cho tôi

— Rồi, ra tay đi anh.

Con sông cách nhà tôi gần 300 thước. Muốn đến nơi, Tôi phải băng qua 2 con đường và khu phố T. Khu này thường có các Ông Cậu Linh Con vô ra bất ngờ trong tiệm nước và nhà chứa gái. Rồi thì còn phải tránh mấy chiếc xà lan cập bến đậu sát bờ sông. Nghĩa là phải đi vòng một đoạn. Thật là mệt. Rắc rối. Song nhất định phải ném cái thây ma. Và chắc rồi tôi sẽ phạm tội !

Sau khi nhìn lướt ra đường, tôi nắm tóc thây ma, kéo cái đầu lên, kê trên bực cửa sổ. Rồi nhảy ra lề đường. Tôi đứng ở ngoài cố kéo cái thây ma ra. Tôi có cảm tưởng như lôi cả phòng ngủ, phòng khách, phòng ăn, và cả cái nhà, và cả đồ đạc theo nó. Và tự dưng tôi có cảm nghĩ như tôi đang lôi từ họng tôi ra nào là ruột gan, tim, phổi, nào là những tình cảm đen tối, những ước vọng nghẹn tức những tư tưởng xấu xa, bao hình ảnh ứ đọng, bao quan niệm hư nát rã rời, những đạo đức rã mục, những hình tượng độc hại, những khí chất bản thủ... tất cả những gì bám víu nơi lục phủ ngũ tạng của tôi như loài cây chùm gửi...

Tôi cảm thấy đốn đau. Kiệt lực. Tôi toát mồ hôi, chảy nước mắt, và sây sát máu. Ôi ! tôi còn phải sống với cuộc đời quý giá. Nhưng khó khăn sao ! Sợ đến cuối đời còn gặp bất ngờ !

Tôi đã lôi được cái đầu nó ra khỏi cửa sổ. Rồi tới cái cõ, cái thân Tôi đã tới ngang cửa nhà bên cạnh mà cái chân thây ma còn ở trong phòng nhà tôi ! Madeleine phụ lực với tôi. Nàng run lên vì sợ hãi. Tôi vẫn cố lực kéo. Cố sức để khỏi bật lên tiếng thở mệt nhọc. Vừa đi giật lùi vừa kéo.

Madeleine nói :

— Không có ai cả anh à. Cửa sổ nhà nào cũng tối đen.

Tôi kéo tới chỗ góc đường, quẹo qua, lại băng qua một đường nữa. Chợt thấy ma xóc lên một cái. Rồi, ra khỏi nhà rồi đó. Chúng tôi đang ở ngay vào giữa khu T. đèn sáng như ban ngày. Tôi thở hồn hèn. Có tiếng xe chở hàng rồ ầm ỹ đầu phố. Một con chó sủa vang. Madeleine đánh bỏ. Nàng bảo tôi :

— Bỏ nó đây, mình về đi anh

— Bậy. Thế càng nguy. Thôi được đề anh làm cho. Em về đi, nếu thấy yên thì trở lại.

Tôi ở lại một mình. Tôi ngạc nhiên thấy thấy ma sáng lên. Nó lại lớn lên nữa. Dài ra nên trông ốm. Mà ốm thật vì nó có được nuôi dưỡng chi đâu !

Tôi vừa xoay một vòng, định trở tay cho gọn, thì cái thấy ma bỗng cuốn quanh lấy tôi, như một cái thắt dây bằng vải ! « A ! như thế này thì dễ đem ra sông »

— Tôi nghĩ vậy.

Trời ơi, khi nó cuốn và cái đầu lêu tới ngang hông tôi, thì nó chợt rít lên, rên một tiếng dài của người sắp chết.

Thế là tứ phía nghe vang. Cảnh sát chạy tới. Chó sủa, xe dồn tới, các cửa sổ trong khu phố bật đèn. Đầu người lơ nhố ra. Các ông cậu lính con từ trong nhà chứa ôm gái chạy ra.

Hai cảnh sát viên thối còi inh ỏi. Họ chạy đến. Tôi biết là mình đã thua. Đã mất.

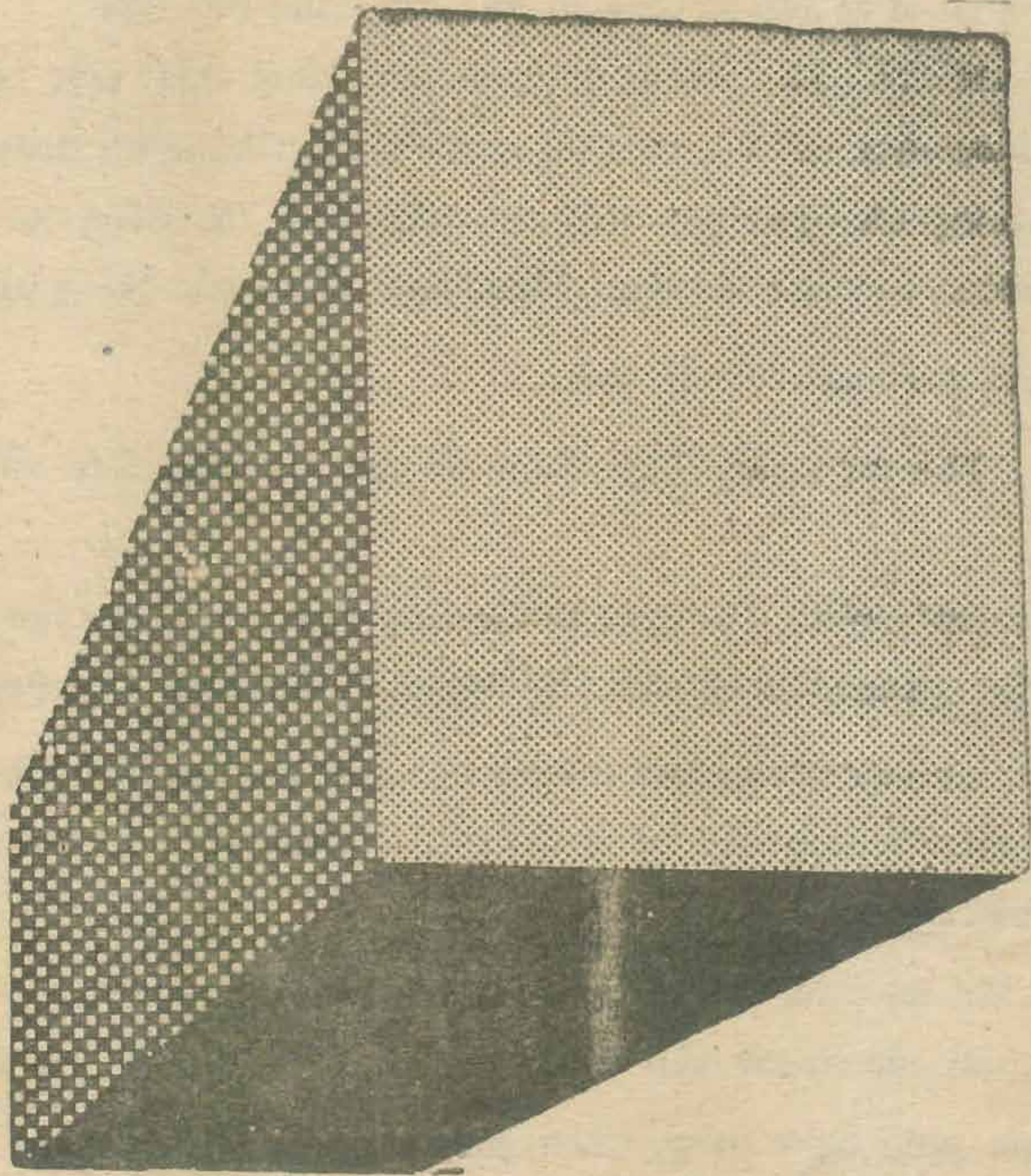
Bỗng dựng chòm râu của thấy ma mở xòe như một cái dù và và nhá: tôi lên khỏi mặt đất. Một cảnh sát viên nhảy lên chụp cái chân tôi. Nhưng hắn chỉ chụp được 1 chiếc giày. Tôi ném luôn chiếc kia xuống. Máy cậu lính con chụp ảnh liền. Tôi lên cao thật mau, Cảnh sát chỉ tôi và kêu to : « Thằng ăn cắp ! Tên bất lương ! » Từ các cửa sổ có tiếng reo hò, hoan hô. Chỉ có Madeleine đứng nơi cửa sổ nhà tôi, đưa mắt nhìn tôi và hét lên khinh khỉnh :

— Anh không bao giờ đứng đắn ! Anh lên cao trên trời chớ không lên cao trong niềm cảm phục của tôi !

Các người Mỹ ngữ tôi đang phô diễn một trò thể thao gì, kêu to : « Hoan hô ! Hoan hô cậu ! ». Tôi liệng áo quần và thuốc điếu của tôi xuống đất. Cảnh sát chia nhau lấy. Rồi chỉ còn những con đường mờ sáng trên trời, tôi bay lên cao xa đó, bay lên cao, bay lên cao.

NGUYỄN - KIM - PHƯƠNG

(Dịch từ bản đăng trong *Best Stories from Mademoiselle*
từ trang 333 đến 342)



une nouvelle dimension en vitaminothérapie B 12



après la cyanocobalamine

le **Docélan**

(hydroxocobalamine)

fixation optimum - stockage maximum

traitement électif des : **anémies**
neuropathies
dénutritions

Boîte de 2 ampoules de 1 ml. titrées à 1000 microgrammes
d'Hydroxocobalamine. VOIE INTRAMUSCULAIRE

De 1 ampoule par jour à 1 ampoule tous les deux ou trois jours
Traitement d'une semaine ou plus

LES LABORATOIRES ROUSSEL - 35 Bd des Invalides - PARIS 7^e - SOL. 93.28

Những thanh-thiếu nhi lâm-nguy (*)

TRẦN - THỨC - LINH

Không ngày nào, báo chí không loan tin du-đăng dợt giầy chuyễn, cao bồi cướp xe, phá tiệm, côn đồ hành-hung nhân-viên công-lực, v.v.. Dù đáng trách cứ, các việc kể trên cũng là chuyện thường phạm pháp há chẳng là hệ-luận tất-nhiên của đời sống xã-hội ?

Nhưng gần đây, trong một buổi nói chuyện ở LION'S CLUB, ông Tổng Giám đốc Cảnh sát cho hay : Chỉ trong vòng 6 tháng đầu năm 1965, mà số thanh thiếu niên bị bắt giải tòa đã vượt hơn cả tổng-số trẻ em phạm pháp trong suốt năm 1964. Đó mới là điều đáng ngại, vì mức độ phạm pháp bội tăng là triệu chứng bất tường báo-hiệu một xã hội quá tật bệnh.

Sau khi tốn công bốc thuốc trị bệnh mà kết quả vẫn còn mỏng manh, các lương y đều đi đến kết luận : chữa bệnh không bằng phòng bệnh. Và lúc này, người ta cũng đặc-biệt lưu-tâm đến những trẻ em, nếu không sớm được giúp đỡ, sẽ sa vào vòng phạm pháp. Đó là các thanh thiếu nhi lâm-nguy.

Lâm-nguy, các em là những ai ?

Nói chung, các em này thuộc lớp lên 9, lên 10 tới 20, 25 tuổi, thường bỏ nhà, bỏ trường, bỏ xưởng, lang thang ở ngoài đường. Không thờ thần ngấm người qua lại, không dán mũi vào tủ kính các tiệm, các em thường tụ-tập với các trẻ khác, cùng lứa tuổi, cùng tâm trạng. Bị hắt-hủi tại gia-đình, cảm thấy bơ vơ giữa cha, anh, các em tìm thấy ở bầy, một tình bạn thắm thiết, một sự chở-che cảm-động. Ăn chung miếng bánh, mặc chung áo quần, nói năng cùng luận-điệu, đi đứng cùng dáng dấp, tóc tai cùng một kiểu, các em la cà tiệm trà quán nước, phòng thụt bi-a, rạp chớp bóng thường-trực.

Nếu có những bầy, đảng, kết-hợp ở những xóm lao-động, ở những khu nhà ổ chuột, thì cũng có những bè, nhóm, gồm những con nhà tử-tế. Nhưng dù ở giai-tầng nào, các trẻ em lâm-nguy cũng mang, hầu như một tâm-trạng : khinh bỉ, oán-ghét xã-hội người lớn, chán-nản, căm-hờn.

* Bài đã được nói trên Đài phát thanh Saigon đêm 26-2-65

Không cảm-hồn sao được khi-theo lời học-giả Alfred Sauvy — nhìn vào cả hệ-thống luật-lệ của ta, bọn trẻ chỉ thấy mọi đường sống của chúng bị bít hết. Lời James Dean, qua miệng một nhân-vật trong phim «Thiếu-niên nổi loạn»: «Làm sao thiếu-nhi có thể hành-động tốt được, khi xã-hội người lớn đẩy dầy những gương xấu?» Âu cũng là lời tuyệt-vọng nói lên phần nào nguyên-nhân tạo nên lớp trẻ lâm-nguy mà những ai hữu-trách nên lưu ý đề-đừng tô-đen hơn nữa bức tranh xã-hội.

Đành rằng, các điều-hiện kinh-tế, xã-hội, những nhà ÷ chuột, những lớp học quá đông, những gia-đình bất-hòa, v.v.. là những nguyên-nhân khiến các trẻ em đang độ cần hướng-dẫn, bị bỏ bơ-vơ, phó mặc cho các gương xấu. cho sách báo đồi-trụy, hình ảnh tai hại, xâm nhập tâm-hồn ngây-thơ trong-trắng.

Gương xấu còn có thể ở ngay trong nhà, hằng ngày đập vào mắt của những con người mới lớn lên vì thái-độ của các cha anh, nhiều khi, thường là một thái-độ từ-chối nhiệm-vụ rất đối-thương tâm. Những người bị cùn-quã, vì sinh-kế, bị dày-vò vì lo âu, mấy ai còn hơi sức đâu lo việc giáo-dục con-cái? Những kẻ chỉ cốt sượng-thìn mình muốn được rảnh rang để rượu chè, cờ-bạc, áp-phe, bôn-tàu... nên đã từ bỏ nhiệm-vụ làm cha-mẹ. Cũng có những người quá thắm-nhuần những tư-tưởng lệch-lạc, cho mình chỉ giả-vờ làm cha, anh; có những người hiểu lầm giáo-dục tự-do là phó-mặc, phóng-túng; có

những người, phản-ứng lại, nên giáo-dục nghiêm-khắc thuở thiếu-thời, quá nuông chiều con em, lúc nào cũng tự coi là bè-bạn, tôi-mọn của chúng, có ngờ đâu, chúng luôn luôn muốn cha mẹ phải là những hái-sơn, Bác-đầu, hướng-dẫn, chở-che chúng.

Riêng ở VN, vốn đã chậm tiến lại bị triển miên từ trên 30 năm nay trong một cuộc chiến tranh tàn khốc do ngoại-nhân nuôi dưỡng. các nguyên-động-lực phác họa trên còn ảnh hưởng sâu đậm và khốc liệt hơn mọi nơi khác mà cuộc đã trở lại nếp sống bình thường. Cho nên, phần lớn các trẻ em lâm nguy là những lớp chào đời với tiếng súng Nam-Bộ kháng Pháp, mở mắt trong cảnh tản-cư, di-cư, bom rơi, đạn lạc, lớn lên để nhận ngay bài học chỉ có bạo-lực là đáng kể, chứng kiến ngay những cảnh tàn sát dã-man, mạng sống con người không bằng con run, cái dế. Bị chiến-tanh tàn phá xóm làng, chúng còn là lớp trẻ trôi dạt lên những xóm lao-động tại các đô-thị. tánh-tình đã bị bùng-thả, lại hằng ngày va chạm với đủ hạng người sống ngoài lề xã-hội... Vậy trách chi, nếu có, vỡ lòng học lấy những nghề-nghiệp hay.

Chúng ta có thể làm gì để giúp trẻ em lâm-nguy?

Không thể kể hết các biện-pháp sửa-tri, phòng-ngừa, trong khuôn khổ một buổi nói chuyện, ta chỉ gắng tìm kiếm một đường-hướng hoạt-động.

Ở những nước tân tiến, ngoài các chương-trình cải-tiến dân-sinh, người

ta tổ chức các câu-lạc-bộ phòng ngừa, các cơ cấu bảo vệ thanh-thiếu-nhi, các hội anh Hai, chị Hai, v.v... với những đoàn Cảnh-sát đặc biệt, trợ-tá xã hội, diu dắt, hướng dẫn, giúp đỡ các em xét ra giáo-dục quá thiếu sót.

Ở Việt-Nam, về phương diện luật lệ, ta chưa có một văn kiện nào cho phép thi hành các biện pháp giáo hóa đối với những trẻ em lâm-nguy. Với luật ngày 24-7-1889, truất-phụ quyền những cha mẹ có lỗi, với luật ngày 5-7-1958, thiết lập Tòa-án Thiếu-nhi, chúng ta bị bó tay đối với những cha mẹ không có gì đáng trách, và đối với những các em chưa có hành động nào vi phạm luật hình.

Vả lại, trừng trị để thị uy cũng không mang lại một lợi ích gì. Tù tội chỉ làm cho con người thêm sa đọa, xã hội thêm nguy cơ. Các biện pháp đặc biệt nghiêm khắc đã ban hành, đã được áp dụng, mà tình trạng nào có thêm phần sáng sửa?

Trừng trị lại còn tỏ ra bất công, và do đó, gây thêm-bất mãn cùng chống đối, vì, lọt lòng ra đã sống trong cảnh ly loạn, không biết chút gì về một xã hội bình thường, lỗi nào ở các em, nếu các em có một nhận quan khác-biệt. Rồi, dù có bị ảnh hưởng sách, báo, phim ảnh... thì sách, báo nhằm nhí, ai viết? Phim ảnh vũ trường ai khai thác? Các gương xấu, ai bày ra? Chiến tranh tàn khốc, ai gây nên?

Về phương-diện xã-hội, người ta cũng đã nghĩ đến các chương trình cải thiện đời sống dân nghèo, giải-tỏa các khu lao động, xây-dựng trường học, mở

bệnh viện, thiết lập các nơi giải trí lành mạnh, bài trừ cờ bạc, rượu chè, hạn chế ca lâu, tửu quán, chóp bóng, vũ trường... Nhưng, đến nay, các chương trình ấy thực hiện thế nào? Kết quả ra sao? Ta cứ nhìn vào đời sống thật tế hằng ngày, tất rõ.

Về phương-diện tâm-linh, nhiều người có thiện chí rắp đem ánh sáng đạo lý hướng dẫn các em lạc nẻo. Đó là một quan niệm đúng và đã đem lại phần nào kết-quả.

Nhưng một vị Giám mục Việt Nam bã than thở với đức giám mục Jean Rhodain : « Trong giáo khu của tôi, mỗi tuần lễ, tôi mất từ 1.500 đến 2.000 con chiên, nạn nhân của chiến tranh. »

Trong cảnh-huống ấy, với những hồi chuông Giáng-Sinh đem lại tin mừng cho các dân tộc vang dội trong lòng ta, lâm li nhưng thiết thực, những lời kêu gọi của đức Giáo Hoàng tại Đại Hội-Đồng Liên-Hiệp-Quốc, vạch đúng hướng cho mọi cố gắng xây dựng hòa bình cũng như mọi công việc giúp đỡ trẻ em lâm nguy :

«Đừng chiến tranh. Đừng bao giờ còn chiến tranh nữa... Người ta không thể yêu thương lẫn nhau, khi tay còn cầm vũ khí tấn công.»

T. T. L.

TRẬN HỎA-HOẠN
CỦA THỜI-ĐẠI CHÚNG TA

Lửa chọt bùng lên cất cao tiếng hú
Từng thân-phận cô-đơn những bó đuốc xây thành
Chúng ta mê-mạn trong đấu trường dã-thú
Lửa ngút trời lửa trong mỗi em anh

Này em tắm thân rạ rơm khô mục
Nỗi buồn tro than âm ỉ rã-rời
Cuộc chiến quá lâu trò chơi tiếp tục
Không còn gì, cả tiếng khóc trong nôi

Đám lửa càng to tiếng reo hò bốc nóng
Gió đăm-mê ngàn ngút xoáy thân hình
Mỗi người tiến lên đốt tan-tành cuộc sống
Trên giải đất này ma-quái lung-linh

Lớp lớp ùn lên những con người máy
Con người không tim trong tâm thân trần
Ngòi nổ bản năng bão-bùng đốt cháy
Ôi hết rồi Đông Nam Á hỏa-thân.

• NGUYỄN NGU Í

Sống và Viết


với

HỒ-HỮU-TƯỜNG

— Chú không có chuyện gì gấp chớ ?
Vậy chú ngồi xem báo chơi, độ nửa giờ
nhà tôi dậy.

— Chắc hồi hôm, anh lại không ngủ
được ?

— Nhà tôi dạo này ngủ được. Nhưng
tối qua, tôi chợt tỉnh, thấy đèn còn sáng
mà đã khuya lắm rồi, tôi định nhắc nhà
tôi đi ngủ, thì thấy nhà tôi gục đầu trên
xấp giấy. Tưởng nhà tôi mệt quá, ngủ
quên, tôi rón rén lại, toan lay nhẹ nhà
tôi, chừng ấy mới hay là nhà tôi khóc.
Tôi hết hoảng; mấy chục năm sống với
nhau, đây là lần đầu tôi thấy nhà tôi
khóc. Trước, nhà tôi từng gặp nhiều
cảnh đau lòng, nhưng không bao giờ sa
nước mắt. Nay, chẳng biết việc gì. Nhưng
chắc là nhà tôi khổ tâm lắm. Tôi chưa
biết phải làm sao, thì nhà tôi ngừng
đầu lên. Sau đó, tôi mới biết nhà tôi vừa

viết xong một bức thư công khai (1) gửi
cho Jean-Paul Sartre. Đọc lại, nhà tôi
càng tức cái giới trí thức quốc tế đã có
thái độ đầu hàng trước thể chiến thứ ba
mà cái ngòi là chiến cuộc ở nước ta, càng
xót xa cho thân phận bi đát của dân tộc

Thế là nhà tôi khóc...»

Sáng mùa hè năm nay, (2) tôi được
biết người bạn đàn anh gan lì và hay

1) Bằng Pháp văn, nhan «Paroles d'un revenant»
(Lời nói của kẻ trở về) đăng chung với bốn bức
thư công khai khác của thượng tọa Nhất-Hạnh,
Tam Ích, Bùi Giáng, Phạm-Công-Thiện gửi cho
bốn nhà văn hóa thế giới dưới cái tên chung
Dialogue (Đối thoại) do Lá Bối xuất bản tháng
6-1965, Các bạn có thể đọc tóm lược năm
bức thư này trong Tin Sách số 42, bài của Ng.
Văn Xung, tuần báo Thiện Mỹ và nguyệt san
Tiền Phong số 1 tháng 7-1965 có đăng bản
dịch Paroles d'un revenant. (2) 1965.

bông đùa này đã âm thầm khóc trên một bức tâm thư, lúc một mình với bóng. Điều này làm tôi nhớ lại hai lần thấy anh...

xXx

Một đêm mùa hạ, năm 1954. Anh sắp sửa lên đường sang Pháp để rồi đi Genève vận động cho "Trung lập chế", tôi ở lại chơi với anh có hơi khuya, và bởi căn phố anh ở hẻm Frère Louis ấy tối đến muỗi khá nhiều, nên chúng tôi chui vô mừng trò chuyện. Bỗng anh hỏi tôi có đọc *Phong kiến Xuân Thu* ? Tôi gật đầu.

— Thế anh phục ai ?

— Tôi đọc lúc lên mười. Đúng hơn là đọc cho bà chủ trọ nghe trong những ngày nghỉ học. Không nhớ mình phục ai, song thương ai thì lại nhớ rõ !

— Ai vậy ?

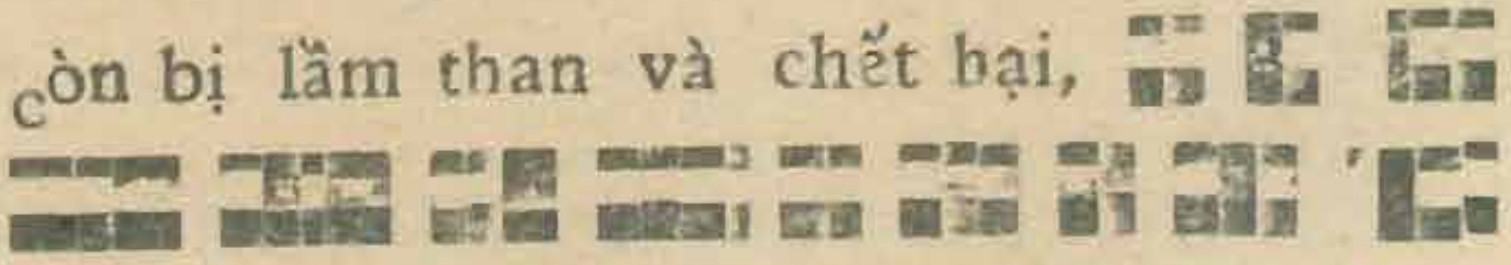
— Tôn-Tấn.

— Chắc vì Tôn-Tấn bị chặt cụt chân

— Vì nạn ấy thì ít mà vì Tôn-Tấn quá thương mẹ, quá yêu tổ quốc mình mà đem hết sức tài chống lại nhà Tần, tuy biết rằng « số Trời » đã định Tần-Thỉ Hoàng sẽ gồm thâu lục quốc.

Anh im lặng một hồi, rồi chậm rãi :

— Trường hợp bi đát của Tôn-Tấn ám ảnh tôi từ thuở nhỏ. Và bây giờ, tôi càng thông cảm cái nỗi bi đát ấy của họ Tôn. Tâm sự với anh một chút trước khi đi. Từ cuối năm ngoái, tôi được biết Pháp và Việt-Cộng đã bí mật điều đình với nhau : chia hai đất nước mình. Như thế là một đại họa cho dân tộc. Miền Bắc Cộng sản sẽ bị áp bức và bóc lột nặng nề; miền Nam Quốc gia sẽ

bị Cộng sản dùng sách thuật "thả sâu vào quả" mà chịu cảnh nội chiến triền miên. Thế là sau mười năm máu lửa, nước mình không được thống nhất, dân mình còn bị lầm than và chết hại,  « số Trời » định thế đó, tôi nghĩ ra biện pháp "Trung lập chế", thuyết trình trước một số thỉnh giả chọn lựa, đăng lên báo Phương Đông (3) rồi sắp đích thân đi vận động ở Genève, là tôi muốn « cãi số Trời ». Như Tôn-Tấn thuở xưa.

Im lặng một chập.

— Tôi có khi đâm ra lẩn quẩn. Không tin rằng dân tộc ta đã dùng sắt máu để tiêu diệt dân Chàm, mà đã đồng hoá họ nhờ văn hóa cao hơn, thế mà sao đôi lúc tôi nghĩ rằng tổ tiên ta đã « làm sao ấy » đối với họ cho nên con cháu ngày nay phải trả cái « nợ » nặng nề kia. Có vùng vẫy đến đâu rồi cuộc rồi bi đát cũng hoán bi đát !

Và tôi nghe một tiếng thở dài. Nhưng liền sau đó :

— Nhưng đã là con thần lần đã chọn nghiệp (4) thì « cãi số Trời » cứ cãi cho đến hơi thở cuối cùng xem sao !

xXx

Một trưa mùa thu năm 1946, ở thủ đô Hà-Nội. Tôi ngừng ở lại đầu thang gác. Anh đang chăm chú sửa ấn cảo một cuốn sách, trông anh có vẻ một học giả

3) Số 2 ngày 13-3-1944

4) Con thần lần chọn nghiệp, tên một truyện ngắn triết lí của anh đăng ở tuần báo « Mới » số 28, ngày 16-5-1954, sau đăng lại trong quyển « Nợ tình thần », 1965. Bạn thân thường gọi đùa là « Thần lần chưa chọn nghiệp ».

lừ đừ hơn là một chiến sĩ say sưa hay một công nhân lanh lẹ, hai hình ảnh quen thuộc của anh lúc ở trong Nam. Tôi ngừng lại ở đầu thang gác vì lần đầu bắt gặp ở anh hiện thân của sự đau buồn : cái lưng khom khom như mang gánh nặng vô hình, đầu tóc dài kém trật tự như không hề làm bạn với cái lược cái gương, đôi mắt có vẻ mệt mỏi, có dáng nặng nề, gương mặt hằn nổi âu lo của một người luôn luôn phải đối phó, ở trong căn gác im lìm bày biện sơ sài,

Tiểu sử HỒ-HỮU-TƯỜNG

Sanh ngày 8-5-1910 tại làng Thường-Thạnh, quận Cái-Răng, tỉnh Cầu-Thơ (Nam - Việt) trong một gia đình tá điền nghèo.

- Nhờ may mắn, được sang Pháp học lúc 16 tuổi ; Kết bạn với Tạ-Thu-Thâu, Phan-Văn-Hùm, vào đảng Đệ Tứ quốc tế.

- 1930, dự bị thi thạc sĩ Toán học, song lại bỏ về nước để hoạt động chánh trị.

- Từ 1931 đến 1939, làm lí thuyết gia cho phái Đệ Tứ ở Việt-Nam. Dạy tư, viết báo và hoạt động chánh trị.

- Điều khiển báo bí mật (như *Tháng mười* : 1931-1932, *Thường trực Cách mạng* : 1934-1937, *Quần chúng* : 1937-1938) và công khai (như *Le militant* : 1936, *Tháng mười* : 1938, *Tia sáng* : 1939) của nhóm, viết nhiều sách mỏng đề phụng sự chủ nghĩa như « Vấn đề phòng thủ Đông-Dương », « Vụ án Moscou »...

- Giữa 1939, rời hàng ngũ Đệ Tứ và đoạn-tuyệt chủ nghĩa Mác-Lê. Sau đó, bị nhà cầm quyền Pháp bắt đày đi Côn Đảo với một số chánh trị gia chống lại thực dân, như Nguyễn-An-Ninh, Phan-văn-Hùm, Tạ-Thu-Thâu.. ; đến cuối 1944, được trả tự do.

- 1945, Nhật lật Pháp, ra Hà-Nội để sang Tàu, bị kẹt ở đây với Tạ-Thu-Thâu. Có đề nghị với Hồ-Chí-Minh nên để Việt-Nam trung lập, nhưng không được chấp nhận.

- 1946, được mời vào phái đoàn đi dự hội nghị Đà-Lạt, song chẳng góp ý kiến gì. Giúp bộ Giáo dục trong việc lập chương trình, soạn và in sách giáo khoa bằng tiếng Việt cho bậc Trung học.

- 1947, bị quân đội Pháp bắt trong lúc tản cư ở Kẻ-Sặt ; về Sài Gòn, viết báo.

- 1949, sang Pháp ; 1951, chủ trương tạp chí *Pacific*, thử vạch « đường lối thứ ba » cho các nước Á-Phi vừa chỗi dậy.

• 1953, về nước chủ trương nhật báo *Phương Đông*, đưa ra biện pháp «Trung lập chế» và sang Genève vận động cho biện pháp này khi hội nghị «đang họp».

• 1955, kẹt trong «Mặt trận Thống nhất toàn lực quốc gia (Cao-Đài, Hòa Hảo, Bình-Xuyên) chống lại Ngô-Đình-Diệm, bị bắt ở Rừng-Sác, bị kết án tử hình, và đưa ra Côn-Đảo.

• Được trả tự do sau khi chế độ Ngô Đình Diệm bị lật đổ (30-1-1964).

• Cộng tác với nhật báo *Ánh sáng*. Xét lại biện pháp «Trung lập chế» và đưa ra giải pháp «Siêu lập»:miền Nam trở nên lãnh thổ của Liên-Hiệp-Quốc.

• 1965, cộng tác với tuần báo *Hòa-dồng* để phát huy văn minh tổng hợp ; làm phó viện trưởng viện Đại học Vạn-Hạnh, dạy khoa EOMIR.

Tác phẩm.

Đã xuất bản: *Xã hội học nhập môn* (1945), *Kinh tế học và Kinh tế chánh trị nhập môn* (1945), *Tương lai Kinh tế Việt-Nam* (1945), *Rhong kiến là gì?* (1946), *Vấn đề dân tộc* (1946), *Muốn hiểu chánh trị* (1946), *Tương lai Văn hóa Việt Nam* (1946), *Rhi Lạc sang Tàu* (1949), *Thu Hương* (1949), *Chị Tập* (1949), *Nỗi lòng thẳng Hiệp* (1949), *Lịch sử Văn chương Việt Nam* (quyển I, 1950), *Phép nói và viết Hời, Ngã* (1950); *Em học tiếng mẹ* (1950), *Em tập đọc* (1951), *Nghề làm báo* (1951), *Tam-Quốc-Chí* (dịch quyển I 1951), *Quả trứng thần* (1952), *Phi-lạc não Hoa-Kỳ* (1964), *Kế thế* (1964), *Thuốc trường sanh* (1964), *Trăm tư một tên tội tử hình* (1965), *Nợ tình thần* (1965), *Nói tại Phú Xuân* (1965), *Kể chuyện* (1965), *Luận lâm*, (1965).

Đã đăng báo : *Lá một mùa thu*, *Phi Lạc bốn Nga*, *Tiểu Phi-Lạc não Sài Gòn*, *Thằng Thuộc con nhà nông*, *Diễm-Hồng xuất giá*.

cạnh chiếc nôi mà thỉnh thoảng anh với ay dầy nhẹ. Mấy người bạn đường cũ, nay cỏ đã xanh mờ, riêng anh ngồi đây, giỡn chữ, đưa con.

— Người chưa chết đang làm gì đó ?

Anh quay lại, tròn đôi mắt, mỉm cười.

— Đang sửa di chúc đây.

Tôi bước lại gần anh.

— Di chúc để lại cho ai ?

— Chịu khó đọc vậy.

— Tương lai văn hóa Việt Nam «tặng X. L. độc giả vị lai của quyền này..

Tôi nhìn «đứa con đỏ» đang nằm ngủ trong nôi, rồi nhìn anh.

— Để cho hai chục năm về sau ?

— Ba chục năm.

— Tam thập nhị lập... A anh khinh người đồng thời mà trọng kẻ đến

sau. Anh «làm phách» thế mà «thiên hạ» chưa cho anh mò tôm nhá!

Anh không đáp, chỉ cười, một cái cười buồn, rất buồn.

oOo

Từ cái cười đến cái thờ dài, biết bao cảnh đoạn trường anh đã phải trải qua từ ấy tới nay để lòng thồn thức trào ra rướn mắt.

Cỗ võ các nước Á-Phi vừa chỗi dậy nên theo «đường lối thứ ba», bởi vì hai đường lối trước, một là dựa vào thế lực của kim tiền, hai là dựa vào thế lực đảng trị tuy hướng về hai nẻo khác nhau, song cũng chung một tính cách: tính cách ấy là từ phương xa đâu đưa lại cưỡng ép họ phải đi theo... Nhưng họ nào có vui theo bên này, hay theo bên kia! » thì được những người nhận thế giới chỉ chia làm hai phe không tiếc lời mắng: ba phải, ba hoa, bá láp, bá xàm. Đưa ra biện pháp «Trung lập chế» để mong đem lại hòa bình cho đất nước, thì lại rước vào mình những tiếng: khùng, điên, viển vông, không tưởng. Kẹt trong Mặt trận Thống nhất toàn lực quốc gia, (gồm có Cao-Đài, Hòa-Hảo, Bình-Xuyên) chống lại Ngô-Đình-Diệm, bị bắt, bị án tử hình..., bị phần đông dư luận xem như một kẻ làm chánh trị xu thời, tiếp tay cho «bọn Bình Xuyên» làm việc ác. Biện pháp Trung lập chế đã lỗi thế, trình bày thuyết «Siêu lập» (5) để mong chấm dứt nạn binh lửa kéo dài đang làm mỗi mòn dân tộc: miền Nam sẽ là lãnh thổ của Liên-Hiệp-Quốc thì gặp

phải sự thờ ơ lạnh lẽo. «Đã mang lấy nghiệp chánh trị vào thân, thì có bị hiểu lầm, bị mỉa mai, bị bôi nhọ, âu cũng là sự thường. Nhưng trong khi người ta tranh đấu cho dân tộc trường tồn, được thế, là mãn nguyện rồi, anh lại cố sao đem vinh quang cho nòi giống, và tin rằng ngày ấy sẽ đến, thế mà nay, hiện tình đất nước khiến anh phải nghẹn ngào, đây quả là sự bất thường rồi vậy.

oOo

« Tôi muốn cất tiếng mà kêu to. Kêu thật to để ai nấy cùng nghe. Tôi muốn có một giọng tha thiết. Thực tha thiết để ai nấy cùng cảm « Tôi muốn có những luận điệu danh thép. Thực danh thép để ai nấy cùng tin ».

« Nghe, cảm, tin... Để cùng tôi đem một cái vinh quang chưa hề có trên quả địa cầu về dân tộc ta, dân tộc Việt.

Những dòng trên đây in trong «*Tương lai Văn hóa Việt Nam*, năm 1946, đã khiến một số người tin tưởng, chờ mong mà cũng đã làm lắm người lắc đầu, cho rằng khoác lác. Tác giả biết trước số phận tiếng gọi đàn của mình, nên nói liền, sau đó:

« ... dù có hét to đến bực nào, dù có một
« giọng tha thiết như thế nào, tiếng gọi đàn
« của tôi cũng sẽ là tiếng kêu trong sa mạc
« Tung lên trời, nó chạy thẳng, đuổi theo
« cái vô biên, không một tiếng vang, không
« lời đáp lại ... Mà lòng thồn thức, không
« thể nào dãn. Phải cất giọng to mà lên

(5) Báo *Ánh sáng*, loại đặt biệt, số 2, ngày 16-11-1964.



Anh chị Hồ-Hữu-Tường chụp năm 1951
tiếng gọi đàn. Ấy là đề cời lòng, nếu không
« đem lại tất cả những kết quả của tôi
« trông thấy.

« Ngài không làm như lời tôi bày vẽ,
« thì ngài hãy tin giùm. Ngài không tin
theo lời tôi bày vẽ, thì ngài hãy cảm giùm.
« Ngài không cảm lời tôi bày vẽ, thì ngài
« hãy nghe giùm. Nghe cho nốt tiếng gọi
« đàn, để giúp cho tôi khỏi cái đau khổ của
« một kẻ phải thét to trong sa mạc. »

oOo

Xét lại đời anh trong hai mươi lăm năm nay, hết thất bại này đến thất bại khác. Anh thì chắc sau những phen mệt mỏi, chán ngán không tránh khỏi sẽ, tiếp tục con đường « cãi sổ Trời » của mình đến hơi thở cuối cùng, « để xem sao ». Nhưng còn người bạn đời mà tù đày đã giành mất phân nửa thời gian chung sống với chồng ?

— Chị có thất vọng về anh không ?
Chị nhìn tôi, như chưa hiểu câu tôi hỏi.

— Anh cứ đuổi theo những mộng mà thiên hạ cho là khó thành, để mình chị gánh bao nhiêu là bôn phận, hẳn chị có lúc cũng thấy ông chồng « kì khôi » của mình làm mình thất vọng phần nào.

— Tôi hiểu chú muốn gì rồi. Tôi có những lúc khổ vì nhà tôi thật, mà không thất vọng. Vì ba mươi bốn năm về trước, khi nhận lời làm vợ nhà-tôi, thì nhà-tôi là một anh chàng công-nhân, mà tôi không biết tên thật là gì.

Thu 1941

Lá thu lác đác, giọt thu rơi,
Cảnh ấy tình đây ruột rời rời.
Con đại liu chịu thân gió bạt,
Mẹ già lụm cụm tóc sương phơi.
Tuổi chàng đang thắm : vùi lao lí,
Duyên thiếp còn xanh : khóa mộng đời.
Li cách, lại rồi li cách nữa
Trùng phùng tưởng đến lệ đầy vơi.

Nhớ nhau (1959)

— Nhớ chàng... thôi cách trùng dương,
— Nhớ nàng... lối cũ cố hương mộng về !
— Thân chàng : sóng gió tư bề
— Phận nàng : ấp bóng trăng thề mà mơ.
Chàng đi cho thỏa nước cờ
Quản chi thiếp đợi bên bờ tử sanh
Côn-Sơn đất nước có lành ?
Dung người phước mỏng chưa thành chí
ngang.
Dù cho duyên kiếp lỡ làng
Non sông mà được Vinh quang thiếp đành.
(2 bài thơ của chị Hồ-Hữu-Tường)

— Sao lạ vậy chị ?

— Lúc đó chúng tôi là đồng chí, hoạt động trong bí mật.

— Việc cũng li kì. Nếu chẳng có gì bí mật, chị có thể cho biết sơ qua cái thuở ban đầu gặp gỡ ấy...

— Năm ấy, tôi hoạt động trong một chi bộ ở Cà-Mau, thì được lệnh lên Sài-Gòn. Bắt được liên lạc với người đồng chí cao cấp ấy rồi, tôi kín đáo theo anh xuống dưới gầm cầu Móng. Gặp một đồng chí lạ, mặc áo công nhơn. Đó là đồng chí Năm, mà tôi phải sống chung làm một cặp « vợ chồng đối phó » để tiện bề hoạt động.

— Vậy anh chị đóng vai vợ chồng giả trong bao lâu thì thành « vợ chồng thật » ?

— Ba tháng sau, chú à.

oOo

Năm đã hầu tàn. Anh có phần rồi rãi. Tôi lợi dụng khoảng thời gian anh hết bận rộn vì chức vụ phó viện trưởng và giáo sư viện Đại học Vạn-Hạnh mà quấy rối anh.

— Nhờ anh cho biết anh bắt đầu viết lúc nào.

— Lúc tôi mười sáu tuổi, đang theo học đệ Nhị niên trường Trung học Cần-Thơ. Tôi viết báo, báo tay, với anh em cùng lớp. Chủ bút là người anh biết, Trúc-Hà Trần-Thiêm-Thới ; trong bộ biên tập, có hai anh này sau sẽ đi xa : Nguyễn-Văn-Tây và Ung-Văn-Khiêm. Lâu quá, tôi quên tên tờ báo học trò ấy.

Nhưng tôi không quên việc treo căng ngông này : báo quốc ngữ, mà anh em giao tôi mỗi kì cổ « rặn » cho ra một bài xã thuyết bằng tiếng Tây. Đố anh biết đề chi ? Đề rui báo có bị tịch thu thì ông đốc Tây biết ngay đại ý tờ báo muốn nói gì.

— Chắc bài này không kí tên.

— Có chớ. Kí biệt hiệu Tây đảng hoàng. *Vu-Tren!*

— *Vu-Tren?*

— Nói lái là *Ventru*. *Ventru* nghĩa là « Bụng bự ». Lúc đó bụng tôi to hơn mức bình thường, anh em gọi đùa tôi là « *Tường bụng* »

— Hồi đó, mà anh đã tỏ ra « rắc rối » rồi ! May mà anh chưa biết biện chứng pháp... phổ thông ! Không thì bạn học còn « ngán » anh đến đâu ! Tờ báo tay ấy có thọ không, anh ?

Anh lắc đầu :

— Nhân vụ án Nguyễn-An-Ninh, thì chúng tôi tham gia phong trào bãi khóa,

NGUYỄN - VĂN - CHÂU

ĐÓNG SÁCH VÀ MA CHỮ VÀNG

SẢN XUẤT :

Giấy Bông, Giấy Da và Giấy Cầm Thạch v. v. . . Làm Đèn Giấy đủ kiểu.

50, Lê-văn-Duyệt

SAIGON

và bị đuổi. Sang Pháp, tôi lại viết báo... bằng tiếng Pháp lần nữa, và ở một trường hợp đặc biệt. Anh Thâu đang viết loạt bài « *Après Yên-Bái que faire ?* » (3) trong tờ *Vérité*, thì bị trục xuất vì dự cuộc biểu tình trước điện Élysees phản đối việc xử tử Nguyễn-thái-Học với mười hai liệt sĩ Việt-Nam-Quốc-dân-đảng. Tôi và anh Hùm nhờ lệ chân trốn sang Bỉ nên khỏi bị đuổi về nước. Tôi thay anh Thâu viết tiếp loạt bài bỏ dở.

— « *Après Yên-Bái, que faire ?* » kí tên ai ?

— Kí : *Un émigré indochinois* (7).

— Thế bao giờ anh mới bắt tình với báo Việt ?

— Năm 1931. Khi ở Pháp về. Anh Thâu có người thầy cũ rất thương anh, ông Nguyễn-Văn Bá, lúc ấy nghỉ dạy và trồng nom tờ *Công-luận*. Anh Thâu đưa tôi lại thăm thầy cũ, và trò tài hùng biện để kéo thầy cũ theo chủ nghĩa của mình. Anh nói nhiều, không để thầy nói bao nhiêu. Làm ông Bá bực. Còn tôi vốn trầm lặng, ít nói, nên ngồi làm thinh mà nghe Ông Bá hỏi, tôi mới trả lời; ông có cảm tình với tôi ngay và mời tôi cộng tác. Tôi nhận lời, và bút hiệu Bửu-Liên của tôi xuất hiện từ đó.

— Báo Tây, báo Ta, báo công khai... giờ nhờ anh cho biết về báo.. bí mật, thứ báo chẳng thấy trưng bày trong cuộc triển lãm 100 năm báo chí vừa qua ở nhà Văn-hóa.

— Tôi chắc anh em bây giờ không

ai còn giữ được số nào. Có trên ba chục năm rồi, và biết bao nhiêu phen máu lửa xảy ra ! Họa may Công-an còn giữ số nào chẳng, nếu được thực dân Pháp không chở về Tây để làm của quý ! Anh nhờ nói đến việc này, là anh làm tôi trẻ lại như hồi mới hai mươi ! Viết bài, thì tôi viết. Anh Đ. H. L., chữ tốt, đóng vai trò « thợ sắp chữ », nghĩa là ảnh chép lại những bài của tôi bằng mực tím đậm rồi giao cho « nhà in », tức là những nữ-đồng chí có nhiệm vụ « in » ra trên xu xoa. Anh chắc cũng biết qua lối « in » này. Úp bản cái lên mặt khuôn xu xoa, vuốt cho đều tờ giấy, để đó mười lăm phút cho mực thấm vô xu xoa, vuốt cho giấy sát. Rồi gỡ bản cái ấy lên mình có bản chánh « in » ngược trên xu xoa. Giờ chỉ còn lấy giấy để lên mặt xu xoa, vuốt giấy cho sát, để chừng một phút, gỡ ra. « In » độ năm mươi bản thì chữ mờ.

Tôi có nghĩ ra một cách có lợi cho việc « in xu xoa » này. Thói thường là nấu xu xoa, đồ vô một cái khuôn, và chỉ dùng được có mặt xu xoa ở trên mà thôi. Tôi cho cắt những tấm kiếng bằng nhau để trong khuôn, tấm này cách tấm kia độ một phân (giữa hai tấm kiếng ở hai đầu, có cây canh cao chừng một phân), đồ xu xoa vô, thì mỗi lớp xu xoa có hai mặt, mặt trên in cũng được, mà lật lại mặt dưới, in cũng được. Ví như ta có năm tấm kiếng, thì ta có

(6) « Sau Yên - Bái, làm gì đây ? »

(7) Một người dân Đông - Pháp kiều cư .

năm miếng xu xoa tức là mười mặt xu xoa in được.

— Chẳng khác nào trước ta có một máy in, mà giờ ta có mười máy in vậy. Thế mà anh chẳng làm đơn xin bằng phát minh cũng ưông ! Chúng tôi cùng cười. Rồi a h tiếp :

— Đến khoảng 1935, chúng tôi có ý chẳng ngu này : làm sao báo bí mật của đoàn thể mình « in » bằng chữ nhà in, mà gạt được bọn mật thám Tây. Nghĩa là làm sao cho chúng nó bảo nhau báo này không thể in ở Việt-Nam được, mà in ở bên Pháp ; được thế, chúng không tìm ở bên này, mà lo kiếm ở bên Pháp để làm cho ướt ngòi từ Mẫu quốc.

« Chúng tôi tổ chức một cuộc ăn cắp. (Anh mỉm cười) Chuyện đã xưa rồi, bây giờ khai ra đây, chắc không ai bắt thường bắt tội mình đâu. Chúng tôi tổ chức một đám con em, xin vô làm nhà in Ardin, học nghề sắp chữ. Anh còn nhớ nhà in Pháp này ở đường Catinat chứ ? Nhà in lớn, có chú hạch gác cửa, giờ về, chú khám thợ thuyền, sợ ăn cắp chữ. Thế mà không khỏi tay... các « tiểu đồng chí » của chúng tôi. Mò túi, rờ lưng, chú hạch chẳng bắt được gì. Thế mà về đến cơ quan, các em nộp « chiến lợi phẩm » cho chúng tôi : trung bình mỗi ngày bốn gói, mỗi gói độ vài chục chữ. Đố anh biết các em làm sao qua mặt chú Chà-Và gác đàn kia không ? Chữ ăn cắp, các lẽm giấu trong... ghi đông xe đạp. Kiến tha lâu đầy ổ. Rồi một ngày nào đó, chúng tôi « đủ sức »

dựng một cái « nhà in » bí mật. Nói dựng nhà in cho oai, chứ thật ra là cất một cái chòi, để các em đó ở. Ban ngày, lại nhà in thực dân, học, ban đêm, về nhà in của mình, thực hành. Tôi còn nhớ anh bạn phụ trách « nhà in » này, anh tên X hiện ở Paris. Sắp chữ xong xuôi, « mi » rồi, là võ. Công phu nhất là phần việc chót này. Võ cho cần thận, cho khéo léo, thì tờ báo xem y hệt như là in máy vậy. Tờ « *Thường trực Cách mạng* » in bí mật theo lối này, làm bọn mật thám bắt đầu bắt cổ. Số in à ? Thường thì vài trăm. Gặp trường hợp đặc biệt, tới mấy ngàn.

Và mắt anh như mơ màng. Chẳng biết anh nhớ đến một thời, hay những bóng hình ai.

Tôi thì nhớ dịp kỉ niệm trăm năm báo chí, nên chưa muốn rời địa hạt này. Huống hồ chi lại định nói anh về tờ báo đã từng đóng một vai trò lịch sử trong công cuộc chống thực dân và phong kiến, mà đời hoạt động cách mạng của anh lúc đầu « ăn chịu » nhiều với báo.

— Anh bật mí báo chí bí mật do anh điều khiển, bao nhiêu đó cũng tạm đủ. Nhờ anh cho biết về tờ báo công khai La Lutte. Máy anh dính líu mật thiết với nó đã bị Đệ Tam sát hại cả, chỉ còn có mình anh. Gợi kỉ niệm xưa, chắc anh buồn, nhớ những bạn đồng hành xấu số, nhưng anh lại giúp cho anh em đến sau một số tài liệu sống của người trong cuộc.

Anh hơi mỉm cười :

— Nói ra, thì khó tin, nhưng nguyên nhân ra báo là một trò « giỡn chơi ». Mà giỡn chơi với nhà cầm quyền Pháp. Số là sắp có cuộc tranh cử Hội đồng Thành phố. Anh em có ý đưa ra một số đối lập với các số tay sai thực dân. Lấy tên là số Lao động, gồm có mười hai người. Nguyễn-Văn-Tạo, Trần-Văn-Thạch, Lê-Văn-Thử, Lê-Văn-Lương, Huỳnh-Văn-Tài. Đứng trong số Lao động, nên nghề nghiệp anh em đưa ra đều có màu sắc Lao động cả, trái lại với các ông điền chủ nhà giàu. Tạo làm nghề viết báo, Thạch làm nghề dạy học. Thử với « chức » : thợ nhà in, Lương : thợ máy, Tài : lon ton. Có số rồi, phải có báo, vì có báo ai mà dám cõ động cho bọn tay làm hàm nhai này. Ra báo tay cho khỏi phải chịu chế độ kiểm duyệt. Chúng tôi nhờ ông Ganofsky làm quản lí. Ông là một nhà báo, có tinh thần cấp tiến, nên vui lòng tham gia vào « trò chơi » này. Anh em thì nghèo mà số đầu cần ra gấp, tiền chạy chưa đủ. May thay, ông huyện Cửa, chủ nhà in Union và cũng là chủ tờ báo kỉ cựu *Lực-Tinh tân văn*, vui lòng cho in chịu. Báo chạy. Trả nợ nhà in và lo tiền cho số kế, *La Lutte* đợt đầu chỉ ra có bốn số, trong thời vận động tranh cử. Đến số bốn, mới có tôi

— Thế lúc ấy, anh ở đâu ?

— Tôi bị kẹt trong tù. Kẹt sáu tháng. Về tội... « báo bí mật ». Và lãnh ba năm tù treo. Sẵn đây, tôi kể anh nghe vì sao

tôi từ bí mật ra hoạt động công khai. Cũng do một người bạn « giỡn chơi. » Vừa ra tù, tôi đi dự một cuộc họp ở rạp hát thầy đội Có ở Tân Định, do các ứng cử viên đối lập với số Lao động tổ chức để vận động cử tri. Những cuộc họp thế, có chất vấn, có tranh luận, nên mở đầu là giới thiệu người vào Chủ tọa đoàn. Anh Nguyễn-Bá-Tường (giờ là một nhà triệu - triệu phú, một trụ cột của xưởng thuốc điếu Bastos) muốn phá tôi chơi, bèn giới thiệu tôi làm thị sự (ascenseur). Tôi đành phải bước lên diễn đàn. Thính giả cười ồ. Vì tôi mới ở khám ra, « cái đầu trọc lóc như trái dừa khô ». Anh bạn nhơn đó bồi thêm một chương : « Đây là một nhà chánh trị thứ thiệt. Thành tích chống thực dân ở ngay trên đầu. Đề đồng bào tiện bề kiểm soát ! » Cả rạp vỗ tay. Từ trước tôi hoạt động trong bí mật, có viết bài ở báo công khai, thì đều kí biệt hiệu, nên đại chúng chẳng biết tôi làm chánh trị. Lần này vì bạn phá chơi, tôi kẹt, mà phải ra công khai từ đó. À, tôi quên nói là việc xảy ra năm 1933. Còn có điều đáng nói là trong những buổi tổ chức như thế, anh em trong số Lao động thường « cướp diễn đàn ». Nhờ kinh nghiệm quần chúng, nhờ tài hùng biện, nhờ tài xoay sở. Người ta tốn của mướn rạp, tốn công mời công chúng mình chỉ có chờ cơ hội là nhảy ra bắt bí diễn giả đối lập, làm họ tắc tị, hay khiến họ làm trò cười cho thính giả, rồi mình lôi cuốn công chúng về phe mình, và tha hồ tuyên truyền, cõ động cho « gà » nhà. Người

ta dọn cỗ sẵn đề mình ăn !

Anh như toan nói gì thêm, nhưng lại dừng. Sao tôi lại đoán rằng anh định nói :.. Sân khấu chánh trị ba mươi năm về trước coi vui nhộn hơn bây giờ nhiều. »

— Theo anh, thì ra *La Lutte* đợt đầu là đề « giỡn chơi » trong mùa tranh cử Hội đồng thành phố Sài Gòn — Chợ Lớn, nhưng còn qua năm sau, các anh cho ra lại *La Lutte*, cơ quan binh vực quyền lợi giới lao động, thì lần này là « làm thiệt » chớ ?

Anh gạt đầu.

— Vậy vì nguyên do nào ?

— Hơi dài dòng đó. Năm 1934, phái đoàn Cộng sản Pháp do Gabriel Péri cầm đầu qua xem xét tình hình, thấy hàng ngũ Đệ Tam tan nát gần hết. Péri mới tìm Nguyễn An-Ninh để bàn bạc (Anh Ninh vốn là một chiến sĩ thuần túy quốc gia, nhưng anh không ngần ngại gì bắt tay với các tổ chức quốc tế để chống lại thực dân, nên có cuộc đối thoại mà tôi rút gọn như sau :)

Péri : Thất bại trong bí mật, sao Đệ Tam không tìm cách ra công khai ?

« Ninh. — Vì không đủ tài.

« Péri. — Không đủ tài thì bước đầu hợp tác với những người có tài. Rồi sau sẽ tùy cơ ứng biến. Nhóm nào có năng lực ?

« Ninh. — Nhóm Tờ Rốt Kít.

« Péri. — Có đông không ?

« Ninh. — Năm, sáu đứa.

« Péri. — Họ bằng lòng hợp tác ?

« Ninh. — Tụi nó dễ chịu lắm.

Thế là Péri chuyển đề nghị qua Moscou. Moscou chấp nhận. Paris mới đưa chỉ thị cho Sài Gòn, Anh Ninh làm mối lái: Anh em chúng tôi bằng lòng : nhóm *La Lutte* thật sự ra đời sau đó. Nó gồm có những phần tử Đệ Tam, Đệ Tứ và những phần tử chân chánh quốc gia như Nguyễn-an-Ninh, Trịnh-Hưng-Ngẫu. Tờ *La Lutte* lại ra đời, đánh số 5 ngày 4-10-1934. Qua tháng hai năm sau, nhóm quyết định đưa người ra tranh cử Hội đồng Quận hạt. Bản tuyên ngôn của nhóm (Aux électeurs des classes moyennes : Gõ cử tri các giai cấp trung lưu), Thâu và tôi thảo. Anh em bảo tôi ra, tôi không chịu, vì không thích, mà cũng vì tôi trẻ nhút trong đám anh em, thiếu hai tuổi để làm ứng cử viên. Nhưng anh em cứ biên đại tên tôi, đứng cùng số với Phan-Văn-Hùm và Nguyễn-Văn-Nguyễn, ra quận 1, gồm những tỉnh Bà-ri-a, Biên-Hòa, Thủ-Dầu-một. À, chút nữa qua Côn Nôn nữa.

Tôi cười :

— Quả là tiền định. Ba anh ra ứng cử cái quận có Côn-Nôn, nên về sau, anh nào cũng nếm mùi Côn-Đảo. Còn anh vì thiếu hai tuổi..., nên duyên nợ với nó đến hai lần. Mà này, như thế, thì hai Đệ Tứ và một Đệ Tam ra ứng cử. Đệ Tam chịu lép vế sao ?

— Đâu có, còn số thứ nhì : Dương-Bạch-Mai, Nguyễn-Văn-Tạo, Trần-Văn-Thạch ra ứng cử quận nhì (tức Sài Gòn)

Chợ lớn, Tân-An, Mi-Tho). Nam-Kì lúc đó chia ra làm năm quận bầu cử.

— Nhưng chuyển «xuất quân» đầu tiên ấy thắng hay bại ?

— Bại. Chúng tôi thất cử vì bị ăn gian thăm.

— Trong thời làm báo *La Lutte*, có gì vui không anh. ? *Tranh đấu*, thì có lúc bại, lúc thắng, khi buồn, khi vui...

— Tôi còn nhớ hai cái khoái. Một là ủng hộ Trần-Văn-Trạch trong việc mở mục *Petits clous* (Đinh cúc), và góp ý với anh để anh dùng giọng văn trào phúng mà viết mục bài phong kiến, đả thực dân này. Anh Thạch viết Pháp văn rất cử và có duyên, nên mục *Đinh cúc* được độc giả hoan nghinh. Anh biết hạng độc giả nào đọc mục châm biếm này nhiều nhất không ? Ba phần tư là... người Pháp. Thực dân Pháp ghét cay ghét đắng tờ *La Lutte*. Nhưng lại thích đọc mục *Petits clous* (có những người mua *La Lutte* để chỉ đọc có mỗi mục này), và buồn cười, là họ lại cho chúng tôi tuy-dô để viết bài «hạ» đồng bào họ nữa chớ. Đó là cái khoái thứ nhất. Cái khoái thứ nhì là việc hạ uy tín Nguyễn-Phan-Long ở phe Lập hiến. Bọn chúng tôi biết được hiện tượng kì cục này : thiên hạ phục Nguyễn-Phan-Long chẳng phải vì đường lối chánh trị của ông, mà vì ông viết tiếng Tây hay. Vậy muốn hạ con «Rồng» có uy tín với đồng bào này, thì tìm cách chứng minh rằng ông ta viết tiếng Pháp...sai mọ. Anh em đọc thật kĩ các bài của ông Long, hề thấy lỗi là mách cho

anh Thạch. Anh Thạch bèn viết bài bắt bẻ Gờ-ram-me ông Long. Vai lần, là ông Long mất mặt với độc giả. Uy tín riêng của ông — và cả uy tín của đảng Lập hiến — sút đi vì vụ này. Các bạn trẻ bây giờ hẳn không tin đó là sự thật. Phải sống vào thời kì ấy, mới thấy có lúc không thể lấy cái «lô-gíc» (logique) mà giải thích một hiện tượng xã hội.

« Lại còn một điều tức cười này. Tòa soạn *La Lutte* ở 99 đường Lagrandière giờ là đường Gia-Long. Chắc chắn đó là tòa soạn nhỏ hẹp nhất của báo... công khai. Nửa căn phố thôi, mà phân nửa đầu bị cái thang lầu chiếm gần hết. Nhỏ, hẹp lại bất tiện, nên chẳng ai thèm mua. Phố của chú Hỏa. Chúng tôi chỉ phải trả tiền phố tháng đầu. Những tháng sau — mà chúng tôi ở đó tới hai năm — chú Hỏa không dám thuê tiền phố chúng tôi. »

— Không dám? Anh chủ quan rồi đó. Chú Hỏa cũng thuộc về đám... thực dân da vàng, thì còn sợ gì đám dân lao động bị trị các anh. Chẳng qua là chú Hỏa biết các anh nghèo, nên thương tình, không nở thuê tiền phố đó thôi. Và lại người Tàu vốn thấy xa, nên chú tư bản này bắt đầu thực hiện khẩu hiệu : « lao tư hợp tác » mà các anh vì say cái thuyết tranh đấu mà chẳng hiểu cái «lô-gíc» ấy !

Chúng tôi cùng cười.

— Bây giờ, hỏi anh đôi cái bí mật trong nghề đây. Tuần báo *La Lutte* mỗi kì in bao nhiêu số.

— Một ngàn.

— Cái vốn để ra báo...

— Anh em chúng tôi góp tiền kẻ ít người nhiều. Rồi các nhà trí thức hảo tâm giúp đỡ, nên phần tài chánh cũng

SÁCH MỚI

Bách-Khoa thời-đại đã nhận được:

Hành trình đi vào Triết học của Trần văn Toàn do Nam-Sơn xuất-bản và nhà xuất-bản gửi tặng Sách dày trên 210 trang, gồm 5 phần lớn. Bản đặc-biệt không để giá

— **Vàng ý cha** kịch của Fritz Hochwalder bản Việt-ngữ của Diễm Châu và Thế-Nguyên do Nam Sơn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 100 trang, dịch từ bản pháp văn « Sur la terre comme au ciel » của R. Thieberger và J. Mercure giá 60đ

— **Động bóng chiều** tập thơ của Quách-Tấn do Nam-chi Tùng-Thứ ấn hành và gửi tặng Sách dày 114 trang gồm 108 bài thơ, trình bày trang nhã, giá 50đ

— **Những bài tình đầu, tập 2: Hoa cô độc**, tập thơ của Nguyễn Đức Sơn, do Mặt Đất xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 26 trang gồm 17 bài thơ giá 40đ.

— **Triết-lý cuộc cách-mạng** của Gamal Abdel Nasser, do Trần-Thủy dịch, Sinh-viên Tự-do xuất bản và gửi tặng. Sách dày 116 trang, giá 45đ. Trân trọng cảm ơn tác giả và các nhà xuất bản trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc BK TĐ.

nhẹ lo. Hơn nữa, lần lần tờ báo tự túc được.

— Làm báo mà khỏi lo «chạy tiền» là các anh thành công trên mặt thương mại rồi đó.

— Nhưng làm báo để tranh đấu, thành ra vẫn cứ «chạy tiền» như thường. Cần tổ chức những cuộc đình công, bãi thị để chống thực dân, thì phải sẵn tiền để giúp đỡ anh chị em cơm nước hoặc thuốc men trong suốt thời gian tranh đấu.

— Anh còn nhớ mỗi lần tổ chức một cuộc tranh đấu như thế, cần bao nhiêu tiền ?

— Một ngàn. Nhưng ngàn đồng lúc đó lớn hơn ngàn đồng bây giờ nhiều. Anh muốn hỏi «chạy» đâu ra một số tiền lớn thế ? Thì đi quyền. Những người bạn hay quen biết giàu có mà ghét thực dân, không phải ít. Họ luôn luôn sẵn lòng. Kê công người của !

— Như thế, cũng khá hiểu anh về mặt làm báo tranh đấu thời thuộc Pháp. Có chút thắc mắc này, vừa dính đến báo lại dính đến sách. Có vài người nói quyền «Phong kiến là gì?» của anh Kí Duy-Minh, do nhà Minh Đức xuất bản năm 1946 ở Hà-Nội, là gồm những bài báo trước đăng ở Công luận, kí Phan-Văn Hùm. Chẳng hay chị Hùm — Mai-Quỳnh Hoa — (8) có tìm anh đề hỏi đầu đuôi câu chuyện chưa ?

Anh «À» lên một tiếng.

NGUYỄN - NGU - Í

(8) Gọi dài dòng thế, vì có tới hai chị Phan-Văn-Hùm, chị Hùm trên đây vừa là bạn đời vừa là bạn văn của tác giả « Nỗi lòng Đồ Chiểu ».

(Còn tiếp 1 kỳ)

Kính họa bài Nguyễn Đán Bằng Trình

của thi sĩ ĐÔNG-HỒ gửi tặng

Tang tóc giăng hồn mặt đất
Khắp trời khói lửa đêm ngày
Thắng bại nung cuồng sóng mắt
Lợi quyền vùn vụt thay tay

Ai đem tin yêu ngời mắt
Chảy theo nhịp sống gieo vần
Ai lên đường tơ khoan nhất
Kết niềm thương giữa tha nhân

Ánh Xuân ngắt lịm hồn mây
Băng tuyết đặc nguồn mong nhớ
Tháng năm phủ ngợp tim gầy
Bóp chết mộng Xuân chớm nở.

Vạch đời gai góc tìm thân
Giọt tình bốn phương thánh thót
Hứng từng nhả, nhủ, van, cần
Uống những dòng thương đau
xót

Trùng dương mấy dòng gặp gỡ
Nhả người quen lạ biên cương
Đôi ngổ tim hồn rộng mở
Hương về dân tộc quê hương

Năm châu chờ tia nắng ngọt
Thơm lành tỏa sáng tuổi xanh
Vườn xuân êm vang tiếng hát
Chim non điệp khúc thịnh bình

Sử xanh máu nhuộm từ chương
Thế hệ áo quan chôn chặt
Đời xuân rơi rụng khắp đường
Hồn thơ từng cơn nghẹn thắt

Áo tuyết đón Xuân trắng nốt
Vườn lòng héo cánh hoa trinh
Sầu quê trần trở lòng Xuân mới
Thao thức hồn mơ cánh vệ tinh

Balê Xuân, Bình Ngô 1966

MỘNG-TRUNG kính họa

Y UYÊN

mùa xuân qua đèo

(Xin coi từ BK 218)

Suốt ngày mừng một tết, Hồ hết ngồi ở bàn bên này cắn hạt dưa, ăn mứt lang, mứt me, mứt bí nói chuyện với Hòa lại lên nhà trên chơi các-tê với đám thằng Tưóc. Bà má đi chúc tết mọi người, kéo Hà đi theo. Chập tối, sau bữa cơm chiều mỗi người đều uống một ly rượu nếp, gia đình bà má đi lễ chùa, Hồ đóng cửa phòng dưới, lên nhà trên bật đèn nằm đọc cuốn Kiều đã cũ Hồ mang về trả vợ. Sáng ngày mồng hai, Hồ định về chuyển xe đầu nhưng Hòa cản, sợ mình. Tám giờ sáng Hồ từ biệt mọi người sau khi đã điếm tâm bằng bánh chưng. Hồ lên xe, Hòa bảo :

— Có chiếc bánh chưng gửi anh mang về biếu chị để trong " sắc " anh đó.

Hồ lật đật ngoái lại, thấy Hòa đã kéo em vào nhà với những tiếng cười hỗn độn : « bánh chưng Trung Kỳ ». Hồ chắc bà má và Hòa sợ Hồ bị kẹt xe giữa đường không có thức ăn, thác cớ biếu vợ Hồ bánh, báo cho Hồ biết vào phút cuối. Những hạt mưa trái mùa ướt láng đường. Phố xá vắng vẻ như một giấc ngủ muộn. Vài người đi chơi tết đi dưới những mái hiên rải rác vỏ bong bóng, hạt dưa, xác pháo. Tới bến xe, Hồ mới biết hôm qua đã có chuyến xe chạy mở hàng. « Ngày lễ mà coi lành . Hai bên gặp nhau không thềm bấn, ngó lơ chỗ khác ». Một người lơ xe nói :

Lúc Hồ lên xe, xe đã chạt chỗ. Hồ ngồi giữa một ông già và một người đàn bà ăn mặc nửa như người buôn bán, nửa như người chơi bời. Một người lên xe muộn, hỏi lơ xe :

— Lúc này đường đi chắc lộn xộn dữ ?

Giọng người đó như đùa song không giấu được vẻ lo âu. Gã lơ xe nói :

— Hai chuyến gần đây nhứt không có gì.

Ra khỏi thị xã, mọi người bắt đầu yên lặng. Chiếc xe chạy như tìm tốc độ. Tài xế và lơ xe đều chăm thuốc hút. Những sườn núi như những đồng cỏ trên cao thuộc miền có ánh nắng. Hồ giở cuốn Kiều đọc mong tìm giấc ngủ. Xe càng chạy càng ít thấy những đồn binh và những chiếc G.M.C xá « ga » chạy ngược chiều. Bên có lúc chỉ còn thấp thoáng ở xa như một mặt hồ xanh thẳm sau những hàng cây và vách đá. Những làng mạc xanh lá cây, im ả dưới miền ruộng sâu. Những cánh đồng hẹp cỏ cháy và những cồn cát chạy dài như di tích thừa nước Việt có Đàng Trong, Đàng Ngoài. Chuyển xe như xa dần cuộc sống. Dấu vết con người và sinh hoạt như không hề có nếu không có những ngôi mộ mới rải rác trên những mảnh đất hoang. Một vài chòm khóm ở hai bên đường chỉ có những bờ tre nắng đốt khô trắng rợn mắt, không bóng sinh vật. Vài lò vôi rải rác không mái, vách đất nền mốc với những đầu củi cháy dở, những đồng san hô trắng toát.

Hồ « ợ » một tiếng, gấp sách, loay hoay chân một điếu thuốc. Gió như dồn trên cao xuống. Người đàn bà bên tay trái Hồ cúi xuống cái giỏ ni lông dưới chân lấy ra một tấm « voan » màu hoa đào buộc đầu. Vợ Hồ cũng có một tấm « voan » màu đỏ. Lần trước, khi ra ngoài này, lúc hai người chở nhau solex ra bến xe, vợ Hồ cũng bịt tấm « voan », trời cũng lất phất mưa. Những hạt mưa không đủ ướt bãi cát nhưng đủ làm mờ hồ những chông đá quây quần ở ngoài biển xa.

— Chị cũng về. .?

Hồ hỏi người đàn bà.

— Dạ.

Người đàn bà đáp không nhìn Hồ. Hồ nói :

— Đường bây giờ chỉ có những người liều mới dám đi.

Người đàn bà vẫn nhìn thẳng về phía trước, hai tay thủ bọc. Ông già bên tay phải Hồ đã ngửa đầu vào lưng ghế, há mồm ngủ sau khi uống nửa xị rượu mang theo. Hồ thấy dường như chỉ có mình mới xa lạ và thắc thỏm. Hồ nhớ lại ngô tối có nhiều trang thờ tối hôm giao thừa.

Xe qua một dốc núi, vào một cánh đồng nhỏ. Con đường không hề có bóng một chiếc xe khác. Hồ nói với người đàn bà :

-- Con đường này có lẽ dành riêng cho mấy chiếc xe này.

Người đàn bà không lên tiếng.

Chiếc xe đột ngột dừng trước một cây cầu gãy gập. Thành cầu bằng sắt luồn trong các cột xi măng, một đầu rớt xuống dòng nước cạn như một chiếc thang để nghiêng. Hành khách ồn ào thò đầu ra ngoài xe bàn tán. Người lơ xe nhảy xuống chạy lại gần cầu. Tiếng người tài xế la lớn :

-- Muốn giỡn với mình sao đó mầy ?

Ông già cạnh Hồ mở choàng mắt hỏi :

— Chi vậy ?

Mặt ông đầy vẻ lo lắng. Một vẻ mặt lo lắng để dành bây giờ mới lộ ra. Người lơ xe đi rảo theo bờ con sông cạn, loay hoay tìm kiếm.

Một lát, hần trở lại, hai ống quần lấm cát và ướt.

— Sao ?

Nhiều tiếng bật lên một lượt.

— Không phải trở lại đâu bà con đừng lo.

Hần nói, giọng hớn hờ.

— Bây giờ cảm phiền bà con xuống xe cho xe bớt nặng, qua sông được dễ dàng.

Mọi người ồn ào lục tục xuống xe. Người đàn bà bên cạnh Hồ xách cả chiếc giỏ ni lông xuống theo.

— Hên thật, đang mùa khô.

Người đàn bà nói. Người lơ xe nhảy xuống lòng sông nhô cát và cõ trước tiên. Hần dang hai tay và đi giạt lùi, vết chân hần trên cát. Chiếc xe lạch vọt lên trên bờ cõ rồi chúc mũi xuống. Hành khách lôi thôi theo sau. Hồ chống tay vào cái thang sắt sau xe bước từng bước dài. Nắng sáng cả bãi cát. Người đàn bà khăn màu hoa đào gọt một cái củ đậu, vừa đi vừa ăn. Suốt lòng sông hững hờ bãi cát nổi lên chạy dài. Nước hết còn luân lưu, đọng lại trong những vũng rải rác trông suốt đáy.

Hồ hỏi ông già :

— Thưa bác, xe sẽ dừng lại ở bên này hay bên kia đèo ?

— Chân đèo bên này.

— Sao họ không sang tới bên kia ? Đi bộ trên ba bốn cây số đường đèo cũng mệt lắm chớ ?

— Nẫu cấm.

Sang tới bên này sông, mọi người vội vã lên xe. Chiếc xe từ từ xa cây cầu sập và lòng sông phơi nắng, chạy song song với rặng núi dài quá tầm mắt. Hồ lấy cuốn Kiều, tìm giấc ngủ. Như thói quen ngủ trên xe ngày nay không còn. Ý định tìm lại sự bình thường thành bất lực. Có lúc Hồ nhắm mắt, tựa đầu vào thành ghế như ông già bên cạnh nhưng chỉ để thấy mình rất tỉnh táo trước nỗi lo âu của mình. Nỗi chết dường như không đáng sợ. Người chết tỉnh, yên lặng vô cùng. Nhưng cảnh chạy trốn hoặc chờ đợi cái chết là một náo loạn và tuyệt vọng. Mùi bánh ch rung ngậy ngậy chốc chốc lại dồn lên theo một tiếng « ợ » thiếu hơi. Tâm trạng Hồ lúc này biết đâu sau này sẽ lập lại theo mùi bánh. Mấy con bồ câu của ông già chốc chốc lại vỗ cánh phạch phạch trong chiếc giỏ tre để dưới gầm băng xe. Hồ mở mắt nhìn ra cửa xe và luôn luôn bắt gặp những sợi tóc vượt khỏi khăn « voan » của người đàn bà phất vào má. Vẻ đẹp của người đàn bà vừa buồn vừa gợi dục tình. Hồ ngỡ ngàng ngập có lúc chợt thấy mình nhìn má người đàn bà chăm chú trong khi người đàn bà vẫn ngồi bất động, nhìn thẳng phía trước hai tay thủ bợc.

— Đồng bào có giấy tờ chi giấu đi. Rủi mà bị xét, nẫu xé uổng.

Người lơ nói lúc chiếc xe lượn vào chân núi. Có nhiều người sờ lại túi, lục lại « sắc ». Hồ bắt gặp một bộ mặt đen sạm má phị ở băng đảng trước quay xuống nhón nhác. Đôi mắt đuôi nhiều nếp nhăn mở lớn nhìn khắp cả mà như không nhìn rõ ai. Đó là người đàn ông đứng tuổi, dềnh dàng ngồi bên cạnh vợ, lòng ôm một đứa con. Người đàn bà khăn hoa đào cười yên lặng. Hồ ngờ ngác. Trước mặt quang đường mất hút ở đầu dốc rậm rì bóng cây. Chỉ có tiếng xe nặng nề lên dốc. Trong xe có một tiếng « tách » nhẹ khô khan. Người ngồi trên mấy băng trước quay cả xuống. Người lơ xe ngựa mặt kéo một hơi thuốc nhả khói ra mũi, thông thả đóng cái nắp máy lửa. Hồ thấy cặp mắt mở lớn của người đàn ông ôm con thoáng vẻ phẫn nộ. Ông già bên Hồ cất tiếng ho và cuối xuống chân ngó giỏ chim. Ông cụ luôn luôn tỉnh ngủ đúng lúc. Có tiếng khóc ré của đứa con trong lòng người đàn ông vì cái bong bóng bay khỏi cửa xe. Người đàn ông ngoái cõ ra trông theo rồi cúi xuống dỗ dành đứa nhỏ. Người vợ đứng dậy chào người với cái « sắc » trên giá để hành lý. Người chồng đỡ cái « sắc » cho vợ ngồi xuống, lấy ra một cái kèn đồng sáng loáng đút vào cái miệng đang khóc của con. Đứa nhỏ mắt ráo hoảnh, phùng má thối. Nhiều cặp mắt đồ dờn vào cha con người đàn ông.

— Kỳ vậy. Bộ muốn chết sao chứ.

Một ông già vận áo len, mang kín ngồi phía dưới cầu nhàu. Người đàn ông lúng túng quay xuống, cười gượng như muốn phân trần. Thấy đôi mắt ông già gian dữ, cau có, người đàn ông vội quay lên cúi xuống nói gì với con. Bàn tay

thô lóa sau ống áo veste cũ nhàu khum khum trước miệng kèn. Xe như ở giữa một rừng cây có nhiều vách núi cao sừng sững quây tròn. Có những cành cây động đậy. Có người quần áo đen ngồi ôm súng trên mấy cái gióng bắc ngang lên mấy cành cây, mắt nhìn xuống đường. Có người cỡi trần lưng khoác lá dứa đứng trên một mỏm đá che mắt hướng về phía xe. Có chạng cây cao vút chằng chịt dây leo để lộ cái cảnh người đứng im, mang chiếc vớ thủng. Mọi người ngồi ngay ngắn, nom thẳng. Chiếc xe chạy thong thả nhiều lúc như chực ngừng. Cái bong bóng màu hồng thoát khỏi những ngọn cây, vật vờ bay lên một vách núi thẳng đứng nhuộm nắng. Chiếc xe ị ạch lượn vào sát những gốc cây tránh khúc đường đầy hố có xác một chiếc xe Jeep bẹp dúm lật ngửa bánh cháy đen thui. Người lơ bật lửa châm thuốc nghêu ngao nho nhỏ. Ông già mang mắt kiếng cau trán quay nhìn rồi lại ngồi ngay ngắn, yên lặng, Hồ muốn đập vào cái mặt xác xược của gã lơ xe. Hắn muốn lợi dụng nỗi sợ hãi của hành khách để được chú ý tới. Nhưng Hồ hiểu ngay không bao giờ mình làm được chuyện đó. Những điều Hồ làm được, ít khi do một ước muốn thôi thúc. Lòng nhát sợ như bắt nguồn từ chỗ không còn tình yêu để thấy công phần nhưng là sự cố gắng bám lấy đời sống thiếu những tha thiết với người khác,

Qua khỏi vùng cây, Hồ nom thấy hai chiếc xe nối đuôi nhau trở về. Người tài xế xe Hồ dừng lại, chặn hai chiếc xe ngược chiều.

Có chi trên đó không ?

— Đánh lớn bên kia đèo.

— Còn không ?

— Hồi xe này về súng còn nổ dữ. Đường chân đèo bên này hư rồi.

— Dài ngắn ?

— Từ Cầu Ông Luông.

— Chết cha... Khách đâu mà chạy ?

— Không có. Bà con ngồi đây là mấy người khách quay trở về.

Hành khách trong xe nhốn nháo, thi nhau quay sang xe bên kia hỏi. Ông già mang mắt kiếng nói lớn :

— Cho tôi quay trở lại.

Người tài xế bên kia vọng sang :

— Bà con chớ hãi. Mình là dân mà. Khách của tôi xuống đi bộ gần hết.

Người lơ xe nhìn ông già cười :

— Năm mới quay về xui xẻo thấy cha.

— Không lộn lại, theo mấy người bộ hên sao chớ ? Lấy giùm mấy cành mai trên nóc xe cho tôi sang xe không mất công người ta chờ.

Ông già lật đật xách giỏ bánh nhào ra cửa. Có tiếng người khôi hài :

— Quá tết rồi còn tiếc chi ba cái cành mai đó. Cho tụi tôi mang lên tặng nẫu.

Ông già sang xe bên kia. Người tài xế cầu nhàu cho xe chạy. Người đàn bà khăn hoa đào bảo Hồ :

— Đã nhát sao còn đi đường này.

— Những người trong xe không chắc đều là người bạo gan. Kẹt thì phải đi vậy.

Người đàn bà cười nhẹ yên lặng. Hồ khó chịu châm một điếu thuốc. Chị ta có vẻ quen con đường này. Chị coi thường nguy hiểm nhưng không có quyền cười nhạo người khác nhát sợ. Muốn những người có mặt ở đây coi những họng súng trong lùm cây, con đường đứt khúc, những trái nỏ trước mặt không là gì cả sao ? Muốn tất cả coi những người như những bộ máy bán giết không là gì cả sao ? Trong cuộc chiến tranh này đã không có lòng phẫn nộ, người dân lẽ nào còn phải bưng bít cả nỗi hoảng hốt tuyệt vọng của mình. Tôi có thể bò lết như một con chó què chân ở trước mọi người mà không đỏ mặt. Điều xỉ nhục lúc này đâu có phải vì mình bị đơn giản vào một con vật hời hợt, bần năng. Con chó chỉ thật là con vật khốn nạn khi nào nó có óc suy nghĩ để thấy mình không thoát được hình dạng cầm thú. Có một cuộc vui nào đủ chỗ cho bấy nhiêu người tham dự để được là những kẻ truy lạc quên đời. Thành phố xin hãy rọi về đây ít nhiều ánh sáng để chúng tôi từ những hầm hố, những bờ bụi nhảy ra, cào mặt mình bật máu tạo mê cuồng nhảy múa quên thôi.



Chiếc xe dừng lại trước một dòng sông rộng, tắt máy. Hành khách lao nhao hỏi nhau. Tiếng kèn «toe toé» của đứa con người đàn ông mặc veste nổi lên. Người tài xế tươi cười nói lớn :

— Bà con chớ hãi. Mình là dân, phi cơ nó ở trên mây nó cũng biết. Qua bên kia đèo, có xe Lăm-bét-ta, xe ngựa, bà con khỏi lo.

— Qua đèo cả năm sáu cây số chết cha nó rồi còn đâu mà đi xe.

— Đây tới chân đèo mấy cây ? Chân đèo bên này sang chân đèo bên kia mấy cây ?

— Đường đèo ba cây số là nhiều. Xuống dốc đi lẹ lắm bà con. Đây tới chân đèo... bà con coi, nom gần chút xíu.

— Gần gì, núi nào nom không gần.

Tiếng người ồn ào bàn cãi. Người tài xế hết biết nói sao, cười vợ vằn, ngồi gác chân lên bánh lái chằm thuốc hút. Trước nỗi xôn xao của mọi người, hẳn không còn dịp để biểu lộ nỗi thất vọng của mình. Đường từ đây tới chân đèo lại bị phá, khách nào còn dám băng từ chân đèo bên kia, đi bộ cả mười cây số tới đây đi xe. Trước kia chờ dưới chân đèo, máy bay tới còn có chỗ ẩn. Bây giờ, chờ vợ giữa cánh đồng. Chẳng lẽ trưng cờ trên mui xe. Làm sao trưng một lúc hai cờ.

Có người quả quyết xách đồ đạc xuống. Có người xuống tay không, nhìn về dòng sông trước mặt. Vợ chồng người đàn ông mặc veste đã lấy đồ để dưới chân nhưng vẫn ngồi bàn tính. Hồ chờ ông lão uống xong phần rượu còn lại, hỏi :

— Giờ mình xuống chớ bác ?

— Xuống chớ sao không xuống. Bụng mà ấm rồi, qua sông, qua đèo, bắt kè.

Ông lão cúi xuống lôi cái giỏ chim nhét cái chai vào. Mấy hộp sữa trong đó dính đầy phân chim. Hồ cúi mình, xách «sắc» bước xuống xe. Ở mạn sông, hồi nãy vắng im. Thấy xe hơi tới, từ trong những vòm cây rậm, có mấy người đẩy ghe ra chèo lại gần. Người đàn bà chít khăn màu hoa đào xuống trước tiên.

Vợ chồng người đàn ông mặc veste xuống xe sau cùng. Lúc thấy ông ta đặt con xuống mặt đường nhớp nước, đưa áo veste cho vợ, dỡ cái xe puch từ trên mui xe, Hồ dự đoán hai vợ chồng hồi nãy có vẻ ngần ngại vì quá nhiều đồ đạc. Thấy Hồ tò mò nhìn, người vợ lắc đầu than :

— Năm mới gì mà xui xẻo hết chỗ.

Người đàn bà mặt nhọn, da xanh, tay cầm cái áo của chồng một cách vụng về. Thấy ông già đã chạy lật đật lại bờ sông, Hồ đứng chờ vợ chồng người đàn bà. Vóc người cao lớn, khuôn mặt sạm đen có đôi má phị nhẵn nhúm của người đàn ông làm Hồ chú ý ngay lúc ở trên xe. Thân xác nặng nề đó như có điều giống Hồ. Lúc nào cũng loay hoay, lật đật. Hồ lại gần người đàn ông ôn tồn.

— Ông mang đồ hơi nhiều. Tôi có thể xách giùm ông cái va-li.

Người đàn ông vừa mặc áo veste, vừa nhìn Hồ dò hỏi. Có lúc ông ta như lạ lùng, có lúc như muốn cười gượng gạo. Người vợ mau miệng :

— Nhờ ông giúp cho một tay, may mắn cho chúng tôi quá. Xin cảm ơn.

Người đàn ông như mở to mắt nhìn vợ. Ông ta cười hai đuôi mắt dúm lại :

— Phiền ông quá... dạ, phiền ông quá...

Hồ đưa cái «sắc» của mình cho người đàn bà :

— Bà xách hai cái «sắc»... chắc cái «sắc» của bà cũng nhẹ ?

— Dạ không nặng lắm.

Hồ cúi xuống nhắc thử cái va-li. Đúng như Hồ dự đoán, chiếc va-li khá nặng. Người đàn ông dắt xe đi trước, Hồ và người đàn bà vai đeo «sắc» tay dắt đũa nhỏ đi sau. Trời mưa lất phất giống như lúc ở bến xe. Người tài xế đứng ở bậc lên xuống vẫy tay chúc mọi người may mắn.

— Nếu khúc đường này không hư, đỡ cực được một phần.

Người đàn bà nói. Hồ an ủi :

— Có người có ta, cũng không có gì đáng ngại lắm.

Ở bờ sông, nơi chân cầu gẫy, người đàn ông dựng xe, lấy chiếc khăn tay buộc đầu che mưa. Chiếc cầu đứt gọn một khúc giữa.

Thành sắt và xi măng còn nhô trên mặt sông cản nước xoáy. Một người đàn ông ở trần lực lưỡng, một mắt chèo ghe đậu sát trước mặt ông ta.

— Thầy qua sông ?

Gã đàn ông một chân trên bờ, một chân trên mạn ghe hỏi. Người đàn ông nhìn chiếc ghe nhỏ bé, còn đang phân vân thì gã chèo ghe đã nhắc chiếc xe mang xuống. Người đàn ông giơ tay ta hiệu cản lại, lúng túng :

— Tôi chờ chiếc ghe lớn bên kia sang. Tôi còn vợ, con tôi phía sau.

Gã chèo ghe như không nghe thấy đặt chiếc xe nằm vào mạn ghe chao chát.

— Đứt dây «côn» của tôi rồi. Chiếc ghe nhỏ xíu này làm sao chở hết bấy nhiêu người ?

Người đàn ông hốt hải la. Gã chèo ghe nhìn lên người đàn ông bằng con mắt độc nhất :

— Ghe này nhỏ vậy mà chưa khẳm lần nào. Nhiều người thì chở hai lượt có sao. Thầy sang trước đi rồi tôi lộn lại chở mấy người kia. Vừa nói gã vừa giơ tay ra dấu cho người đàn ông bám lấy đề gã kéo xuống. Người đàn ông lúng túng quay lại nhìn vợ rồi lật đặt nắm lấy tay gã chèo ghe bước xuống. Gã chèo ghe ngồi phệt xuống ghe, cầm mái chèo quơ nước ra giữa dòng. Người đàn ông tay giữ đầu sọ cái khăn tuột, tay nắm cái «ghi đông» xe, chốc chốc lại quay nhìn phía sau. Lúc thấy vợ con và Hồ xuống một chiếc ghe vừa chèo sang, ông ta vẫn có những lúc nhìn trở lại áy náy. Ngồi sát mặt nước đục lờ lờ, Hồ nhìn lên chiếc cầu đứt khúc càng thấy vẻ chơ vơ của nó. Những người phá hoại mỗi lần hoàn thành công trình của mình có dừng lại giây phút chiêm ngưỡng công trình đó không. Nếu không có những ly rượu đề trên những bàn cắm bông, bên một giàn nhạc, nếu không

có muôn vàn cánh tay cầm cờ vẫy hai bên đường có khái hoàn môn, nếu không có những vòng hoa quàng cổ, theo nghi-thức chiến-tranh, ít ra họ cũng có một cái võ vai của cấp trên, một lời khen lẫn nhau của những người cùng người cùng dự cuộc. Không nổi ngậy ngất nào rực rỡ như nổi ngậy ngất chiến tranh phía sau có lửa, phía trước có máu của mình.

Sang tới bên này sông, Hồ chuyển đồ đạc cho người đàn bà đứng trên bờ, rồi lấy tiền trả ông già chèo ghe.

— Nhiều đó bác ?

— Cho nhiều thì cho. Anh em mà.

— Bác cứ nói rõ giá. Mấy người kia lấy bao nhiêu ?

— Tôi đâu có biết. Tôi sống với nghề đánh cá đâu có sống nghề chở mướn. Ngồi nhà, thấy bà con kẹt lấy ghe ra chở bà con cho vui, tính chi giá cả.

Người đàn ông đứng trên bờ nói :

— Hồi này tôi trả ba chục. Hai chục xe, một chục người. Ông để tôi trả...

Hồ đưa cho ông già ba chục, ông già lắc đầu nhón lấy tờ giấy mười đồng :

— Đủ rồi.

Hồ nhìn ông già, cảm ơn rồi nhảy lên bờ.

Trên con đường từ bờ sông tới chân đèo, không có khúc nào bị đứt như bị xẻ dọc hai bên. Người đàn ông nhìn con đường, cúi xuống chiếc xe cầu nhàu :

— «Côn» đứt, làm sao mà chạy. Người chi mà dữ tợn hơn ăn cướp.

Ông ta nói vợ mắc hai cái «sắc» vào tay lái để bẻ đĩa nhỏ kêu mỗi luôn mồm rồi lững thững dắt xe đi trước. Hồ vừa bước vừa lắng tay nghe những tiếng sùng ròi rạc ở phía đèo. Qua được quãng đường đèo mới đi được nửa đường nhưng coi như đã bớt nguy hiểm. Bên kia, đồng rộng, xe nhiều trở ngại. Trước mặt Hồ người ta đi rải rác như một đoàn hành hương trong mưa xuân. Có những người đàn ông, những đĩa nhỏ mười lăm mười sáu, quần sà lỏn, áo đen xuất hiện chở những người con gái, đàn bà áo dài sắc sỡ. Người đàn ông nhờ hai chiếc xe đạp chở vợ con đi trước. Hồ nói :

— «Côn» đứt, ông cho máy nổ, đẩy cho có trớn, sang số 2 có thể chạy được.

— Đường này chạy mau nguy hiểm. Lỡ xe nhào xuống hố... Nghe nẫu nói, mấy cái hố trên đèo đều có mìn... mìn «pin».

— Đường còn rộng thế này, chẳng hề chi. Lên tới đèo, đường hẹp, dắt xe cũng không muộn.

Người đàn ông yên lặng dắt xe, bước những bước dài. Hai vạt áo veste gió thổi bạt ra phía sau. Chiếc khăn trên đầu người đàn ông đập lất phất. Hồ định mượn một chiếc xe đạp chở va-li nhưng ngại người đàn ông sợ mất đồ. Mặt Hồ ướt nước, càng đi càng thấy hai thái dương bốc nóng. Có lúc Hồ muốn châm một điếu thuốc lại sợ gọi sự chú ý của những người quần áo đen. Họ như những sinh vật còn tồn tại được, thích hợp với không khí bom đạn. Họ như sống ở những chỗ Hồ không thể đoán, không ở trong những làng mạc rải rác ở xa tiêu-diêu, buồn thảm. Nhìn cảnh vật quanh mình, Hồ thấy khó hình dung, lại cảnh căn nhà, khu phố vợ mình đang sống những ngày đầu năm.

Lúc Hồ và người đàn ông, hai người sau cùng, tới chân đèo, trời đã gần trưa. Trên mạn dốc, những người đi trước đang đứng dưới một vách đá có những khẩu-hiệu sơn đỏ đã đảo Mỹ nghe một cán bộ tuyên truyền. Hồ nghe có tiếng cười quen thuộc ở trên cao, trước mặt. Hồ ngạc nhiên thấy người đàn bà khăn hoa đào ngồi trên một khúc cây ở sườn núi, ăn củ đậu bên mấy người đàn ông cầm cúi kẻ khẩu hiệu.

Hồ thoáng chạm cặp mắt chị ta và bước mau lại vòng người như người mất hồn. Những người quần áo đen và những chiếc xe đạp mất dạng. Đứa con trai người đàn ông tay níu mẹ, tay cầm kèn mắt mở lớn nhìn người cán bộ làm điệu bộ. Thấy mình bị nhiều cặp mắt lạ quan sát, Hồ đứng sát lại sau mấy người đàn bà. Cả chuyến xe chỉ có hồ là thanh niên, lạc lõng xa lạ. Người cán bộ đang nói về một chiến công đầu năm ở địa phương. Từ trên đầu dốc, có hai người kéo một chiếc xe ngựa chạy xuống. Trong xe ngựa có một xác chết thò cẳng ra sau, không thấy đầu, bụng đầy ruột và tóc. Ở trên sườn núi có tiếng người xôn xao, Người đàn bà khăn hoa đào tay cầm củ đậu, mấy người đàn ông cầm chổi sơn đỏ đứng nhìn xuống. Người cán bộ giở cái mũ nan đưa mắt nhìn khắp mặt mọi người. Có nhiều bộ mặt ngơ ngác có vài người bắt chước, quay ra nom theo chiếc xe ngựa, giở nón. Vợ người đàn ông mặc veste vội dăng cái kèn khỏi miệng đứa con. Nó ngồi bệt xuống, đạp chân khóc lớn. Người đàn bà lật đật ngồi xuống làm bộ vắt mũi cho con, tay bịt mồm cho nó khỏi la.

Lúc trời nắng gắt, mọi người bắt đầu qua đèo. Người đàn ông nói với Hồ :

— Tôi đi trước với mấy người kia coi tình hình. Nhờ ông coi giúp cháu nhỏ.

Dốc đèo càng lên càng cao. Đường đèo từng khúc ngăn lại mắt hút sau vách đá, phía trước luôn luôn thấy khoảng trống của vực sâu. Người đàn bà luôn luôn đòi bên đứa nhỏ. Nhiều lúc bà ta hốt hoảng ôm chặt lấy con khi nó cựa cẳng ngã người chỉ trở. Hồ luôn luôn để ý tới những người đi trước mình tuy ít khi nom thấy họ. Họ mau chân bỏ những người đi sau một đoạn khá xa. Ở bên này đường

đèo nhìn qua bên kia, Hồ thấy người đàn ông dắt xe ông già xách giỏ chim như đang dò dẫm trên bờ vực. Càng đi tiếng máy bay tiếng bom dội từng chuỗi nghe càng vang vách đá. Người đàn bà bảo Hồ.

— Nhà tôi không biết có nghe ngóng hay cứ đi liều mạng.

Hồ cười nhếch nhác.

— Ông nhà cẩn thận lắm không có chi đáng ngại.

Vượt được hơn hai cây số đường đèo đám người đi sau đồng ý ngồi nghỉ một lát. Người đàn bà ngồi dựa lưng vào vách đá thở dốc hai tay vòng lấy bụng con. Hồ lấy khăn lau mặt lấy chiếc bánh Hòa cho bóc đưa mỗi người một miếng. Những bụi tranh sắc như lá mía ở hai bên đường gió thổi rạt từng hồi.

Người đàn bà ăn không hết miếng bánh đã kêu no đứng dậy đi xin nước uống. Hồ nằm dựa vào vách châm một điếu thuốc. Đoàn đi trước có người trở lại nói phía trước đang bỏ bom không đi thêm được. Sau một hồi bàn tán, mọi người quyết định vừa đi vừa dò đường. Hồ nhồm dậy xách va ly uể oải bước sau cùng. Nếu Hồ cứ ở lại ăn tết với bà má. Hồ không muốn hình dung lại cảnh mọi người đứng ngoài sân lúc giao thừa, Cảnh những đường phố thị xã như một giấc mơ ngủ muộn. Sống ở đó để mỗi một vì những ý nghĩ thì thà cứ đi thế này. Hồ về không vì tình yêu vợ nhưng do những ước muốn đã giúp Hồ sống được những ngày ở xa. Ước muốn đó có khi sẽ không là gì khi đã được bàn tay người ngưỡng vọng đặt lên. Nhưng nó đã khiến Hồ quay về mà không như người chạy trốn tuyệt vọng. Hồ mong lần này về sẽ có với vợ một đứa con.

Đám người đi trước đã ở quá gần chỗ dội bom. Những tiếng nổ rung chuyển chạy dài. Có vài chiếc máy bay lao qua lao lại trên không. Ông già xách lồng chim chạy ra đón đám người mới tới xin nước uống.

— Đường đèo liệu có bị dội bom không bác. Hồ hỏi.

Ông già lắc đầu :

— Chắc không. Êm êm một chút qua cây số nữa xuống tới chân đèo là nom thấy đường về. Về nhà còn kịp ăn tết mà.

— Không dội bom mình đi đại có sao.

— Đâu có được. Bom bỏ trên núi qua chân núi không sợ chết sao.

Một giờ qua nhiều người đã sốt ruột sửa soạn hành lý để băng nốt quãng đèo. Có một số người lại tình nguyện đi trước dò đường. Hồ nói với người đàn ông.

— Ông ở lại đi sau với bà nhà. Tôi đi trước một chuyến coi sao.

Người đàn ông cười gượng lắc đầu.

— Tôi có xe rui có điều chi mau hơn.

Dứt lời người đàn ông dắt xe bước mau theo mấy người đang đi rải trước mặt. Bọn người đó đi khuất sau những góc núi được một lát một người chợt nghe có tiếng súng liên hồi thật gần. Ba bốn chiếc máy bay âm âm từ đâu tới lao bổ xuống. Hồ vội kéo người đàn bà nằm xấp xuống chân núi. Có tiếng kêu hoảng hốt ở phía sau một người đàn bà quá hoảng sợ vừa vớt chiếc va li rớt xuống vực. Tiếng kêu hoảng hốt là tiếng một bà già lúc thấy chị ta bỏ ra bờ đường ngó xuống dưới sâu. Mấy chiếc máy bay vừa vụt đi, mọi người kéo nhau ùng ùng chạy về phía trước. Phía trước cũng vậy thôi nhưng không lẽ nằm yên ở chỗ bị đe dọa. Đi được một quãng quay lại Hồ vẫn thấy người đàn bà rớt va li tằm ngàn bên lề đường ngó đăm đăm khoảng không.

Người đàn ông đã quay trở lại với mấy người khác.

— Mấy người kia chạy nhào đi trước rồi. Tôi nằm tránh đạn mấy người đó vẫn chạy lúc nhồm dậy, không thấy họ đâu chắc họ đã thoát.

Đoàn người do dự một lát rồi lại tiếp tục đi. Họ như đã quen với mọi đe dọa. Lúc qua chỗ máy bay đang dội bom người ta chạy ủa theo sườn núi. Hồ ngạc nhiên dừng lại nhìn quanh quất ngơ ngác. Bên vệ đường cái giỏ của ông già ngồi cạnh Hồ trên xe bỏ lăn lóc. Mấy con bò câu đập cánh nhảy trên những hợp sữa tìm lối ra. Một nỗi hoảng sợ đến kinh dị chiếm lấy Hồ, Hồ cầm đầu chạy nhỏ đuôi theo đoàn người trước mặt. Lúc đã tới chân dốc, Hồ mới nhận ra vẻ hốt hải của mình. Hồ vừa thở vừa rảo bước xuống dưới ruộng có những chiếc xe đậu với hi vọng nom thấy mặt ông già. Từ chân dốc dốc đó cách hơn một cây số người ta bắt đầu đi thong thả, ồn ào nói chuyện. Phía sau tiếng bom nổ vẫn nghe thật gần vẫn vang vách núi. Những người lái xe Lăm bét ta đón khách đang ngồi trên mui xe coi máy bay. Hồ ngồi bệt xuống sau một chiếc xe lấy thuốc lá ra hút. Cánh đồng nom thật rộng, nhiều nắng. Người đàn ông đi bên vợ con dắt xe thong thả đi tới. Đứa bé chạy trên đường mồm thổi kèn.

Y UYÊN

ĐÌNH CHÁNH

Trong B K số 100 năm báo chí, nơi :

- tr. 22, chú thích 26, dòng 3, xin đọc : Phan-Văn-Trường ; tr. 43, dòng 24, xin thêm tên : *Vita* ; tr. 49, dòng 3 d : đàn cò và cây đàn tranh.
- Mục *Sinh hoạt*, bài « Nông trại Dưỡng trí viện : (1), tr. 162 thiếu chú thích 1 : *Khánh-thành ngày 18-12-1965*.
- Bài « Vai trò .. », tr. 165, dòng 3, 4 : « phải tính sao cho số con đừng quá... ». Xin bạn đọc sửa giùm.

Chuyện chung quanh cò-tiền đời vua Quang-Trung

VƯƠNG-HỒNG-SẴN

Hòa Đồng số 54 phát hành ngày 5-2-1966 : *trương 2*, có in hình bốn đồng tiền niên hiệu Quang - Trung ; *trương 3*, có bài cắt nghĩa về mấy đồng tiền này, ký tên Ly Duệ ; *trương 7*, trong bài "Nhơn một chuyến đi", tác giả là ông Bửu-Liên cho hay *hiện tiền này ông đã mang ra đặt lên bàn thờ vị anh hùng Đống Đa, trong kỳ lễ giỗ vừa rồi.*

Tôi thì chưa thấy tận mặt tiền này. Nay ngửa miệng nói ra đây cũng khó. Nhưng xin cho tôi nói ; còn phần kết luận, phải quấy, xin chừa đề quý vị độc-giả minh đoán.

Theo chỗ tôi biết thì vua Hiền-Tôn nhà Lê (tức vị năm 1740) tuy đã mất 1786, nhưng tiền CẢNH-HƯNG vẫn tiếp tục được đúc thêm và được lưu-hành trong dân gian, mãi cho đến năm 1801 vẫn còn thấy. Người đúc tiền là các vua bên Tây Sơn cũng như chúa Nguyễn Ánh, cả hai đảng, vừa công-văn vừa tiền, vẫn còn dùng hiệu chính thống vua Hiền-Tôn (Cảnh-Hưng) vì lẽ rất dễ hiểu, cả hai đảng còn đang trống mái, bất phân thắng bại, nên dân-gian chưa

quyết ngã ngũ về bên nào, thà đúc tiền với niên-hiệu vua cũ, như vậy mà dễ xài hơn, và được dân tín-dụng hơn. (1)

Vua Quang-Trung tức-vị xưng đế-hiệu, theo Lê thành Khôi, là vào ngày 21 tháng 12 dương lịch 1788. Qua ngày 29 tháng 7 âm lịch 1792 thì vua Quang-Trung thăng hà, ở ngôi ngắn ngủi bốn năm, tuổi không đầy bốn mươi quá vẫn.

1) Đời Tây Sơn, niên hiệu vẫn dùng tiếp tục Cảnh-Hưng, như thơ La-sơn phú-tử gửi cho Đại nguyên súy (Nguyễn Huệ) thì đề :

Cảnh-Hưng thứ 48 tháng giêng ngày mồng 9 (1787). (La sơn phú tử, Hoàng xuân Hãn-tr. 100)

Chính bức thơ Nguyễn Ánh gửi sang Pháp cho vua Louis XVI đề Hán-tự : Cảnh-Hưng thứ 40 tháng 12 ngày 17 (tính ra dương lịch là 31 Janvi 1790) Nên nhớ vua Hiền Tôn, băng hà năm Cảnh-Hưng 46 (1786) và những năm Cảnh-Hưng thứ 48, Cảnh-Hưng thứ 50 đều là niên hiệu dùng sau khi ông vua Hiền Tôn đã thăng hà tức tượng tượng hay giả tạo.

Ngoài ra, về tiền Cảnh-Hưng có nhiều thứ lắm như Cảnh-Hưng trung-bửu, vĩnh-bửu, dụng-bửu, tuyên-bửu, đại-bửu, thái-bửu, thuận-bửu, cự-bửu, chánh-bửu, chí-bửu, nội-bửu v.v. tôi chưa rõ lắm nên không dám nói.

Năm 1777, Tây Sơn còn cho thông dụng tiền vua Thái Đức (Nguyễn Văn Nhạc).

Năm 1788, mới có tiền Quang Trung.

Từ năm 1792 chí năm 1801, Tây Sơn cho ra tiền hiệu Cảnh-Thịnh (Cảnh-Thạnh) của (Nguyễn Quang Toán).

Qua năm 1802, mới thấy đồng tiền Gia-Long.

Hiện tôi có tại nhà mấy đồng tiền Tây Sơn, đủ cả ba vua đều mỏng và nhỏ bản. Đời ấy đồng hút và khó kiếm lắm. Có được bao nhiêu thì súng đồng, binh khí hút thu hết cho nên tiền phải mỏng, nhẹ. Vì lẽ ấy tôi rất ngờ những đồng cỡ 124 ly kính tâm và nặng « gần nửa ký » này. Hiện nay thử đi một vòng chợ từ đường Nguyễn Huệ qua đường Lê Lợi, những sạp nhỏ trên vỉa hè đều có chung bày tiền cỡ luôn cả tiền Quang Trung. Sở dĩ tôi không la lên vì đó là thương mãi tự-do, ai có tiền mua chơi, làm thì rán chịu. Duy nay đem tiền đề lên bàn thờ, vị anh hùng dân tộc dầu các đồng bào không nói chớ cũng phải nhớ đây là nơi tôn thờ kính-trọng và vong linh người anh hùng Đống-Đa có cần chi thứ tiền ấy, nhất là nếu không phải « tiền thật » ?

Báo Hòa-Đồng, theo tôi thì :

1) tiền 124 ly bề kính, nặng « gần nửa ký », hình B cho ta thấy chữ An ngược bề trái ;

2) tiền 50 ly bề kính, bề trái có một chữ thợ khắc không đọc được, (và « tra tự-điền không có »).

Vậy xin hỏi có lý nào đời vua Quang

Trung thợ dốt đến bực đó mà triều bỏ khuôn hư đi. Lại đề thứ tiền ấy lưu đình không dạy nấu đồng đúc lại, hủy hành mà nay đặt nó lên bàn thờ ? Tôi cho đây là tiền giả của bọn ngày nay đúc để bán cho người hiếu cổ ngoại quốc. Và những đồng tiền của báo Hòa-Đồng cần cho người chuyên môn xem xét lại.

Nay cho tôi nói thêm ít hàng cho đủ một bài để có tiền nhuận bút : Dịp tôi ra Huế tháng sáu và tháng chín năm ngoái, tôi có đến ăn cơm nhà một ông giáo sư Pháp, thấy hai đồng tiền cỡ lớn bày trên bàn viết. Cũng bằng đồng đen thêm đã ten rỉ xanh rì. Sản đó ông hỏi tôi giá trị thứ tiền này. Tôi cười mà không nói. Có mặt một cô giáo sư thạc sĩ Pháp, cô cãi với tôi tỷ dụ có một mớ

SÁCH MỚI

Bách khoa thời đại đã nhận được

— **Vài ý nghĩ của giáo Mưu** của Vũ-Ngô-Mưu, do nhóm Thiện-Chí xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 80 trang gồm những kinh nghiệm, nhận xét của tác giả về một số vấn đề cụ-thể trong việc dạy học ở tiểu-học. Giá 30đ

— **Tò te** của Viên-Hàm, hồi-ký của một nhà giáo động viên dưới thời Delattre, do nhóm Thiện-Chí xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 160 trang, Giá 40đ.

Trân trọng cảm ơn các tác giả trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc BK. TĐ.

tiền mà tôi cho rằng *giả* nhưng cô biết chắc là do những khuôn cũ còn giữ gìn được nay lấy ra đúc nữa thì làm sao? Tôi đành cầm họng làm thính, vì khuôn vẫn khuôn cũ, thì làm sao nói *giả* được. Nói tiền mới đúc đây thì họa may. Không khác có một bộ sách in ra tỷ dụ ba ngàn cuốn. Sách đã bán hết, nhưng có người không hủy bỏ khuôn, nay sẽ in nữa, bán nữa, có ông Trời xuống đây mà cãi với họ chớ lôi ra Tòa thì tác *giả* thất kiện là **phần** chắc: Sách thiệt mà in lậu, biết mà nói không được.

Trong giới chơi đồ cò, vừa rồi xôn xao vì một chuyện. Có một mớ tiền kẽm Gia-Long, nghe đâu do thợ chài cá tôm mò được dưới đáy Sông Cần-Thơ cách vài năm nay. Mấy bọm bán ve chai Saigon nghe đồn bèn xuống đó mua mảo hết đem về. Tuy vậy cũng lọt một mớ về tay kẻ khác. Chính em tôi ở Sóc-Trăng có nài được ít đồng, định gửi lên tôi, tôi hay được lật đặt biểu dừng, vì tôi sợ lắm. Sau đó có một giáo sư còn trẻ năm ngoái có ghé nhà tôi, vì mới tập chơi đồ xưa, nên ham, lên đây mua cả mấy ký tiền của bọn ve chai đem về Mỹ-tho. Ông giáo sư đình ninh đó là tiền thật. Tôi cũng chưa vội xuống Mỹ xin xem vì nghĩ rằng: « Tiền đó mà thật

tôi sẽ ghen với ông giáo vì ông có của quý hơn tôi, bằng tiền đó mà *giả*, tôi nói ra thì tội nghiệp cho ông giáo đã phí tiền mua của đồ sông đồ biển. »

Nói về tôi, từ ngày cho về hưu, còn giữ được ba bộ tiền quý, nguyên sấm từ lâu (buổi tìm được tiền vua Lê do Cống Chính làm chìm tại biển Sầm sơn), trông cho có ai hỏi nài thì mình kiểm mý nhắm dưỡng già, té ra tiền cò nay bán đầy đường, của mình là thứ thiệt mà nào ai biết, nay nói ra chi cho khỏi cãi vả lôi thôi, không khéo người ta sẽ cười mình cà nanh.

Trở lại câu Hòa-Đồng hỏi, về tiền nặng gần nửa ký, vậy chớ: « *Không biết giá trị tương đối ra sao* », tiền ấy « *mang đi bất tiện lắm* » vậy « *không hiểu công dụng của nó vào chỗ nào* » (xem bài Ly Duệ trang 2).

Tôi xin đáp và biết bao nhiêu nói bấy nhiêu. Tiền cò có nhiều thứ :

a) thứ được lưu hành thông dụng như ai nấy đều biết thì như tiền Gia Long, Minh Mạng là tiền *chánh - thống*, còn có thứ tiền của kẻ thù - *ngịch* thì gán cho danh - hiệu là *ngụy - tiền*. Nhưng trên đời không có chi là trường

MÙA XUÂN NHÂN VĂN PHÁT HÀNH

TÌNH KHÚC THÁNG 11

Tập Thơ thứ 2 của Du tử Lê

Bìa Động Đình Hồ — Phụ bản Cuy Thanh

Tập Thơ nói về Quê Hương — Tình Yêu — Nước Mắt

cứu và bắt dịch đồng : tiền Quang Trung, dưới triều Nguyễn phải chôn giấu vì kẻ như nguy-tiền. Nay tiền ấy ai có thì hãnh diện.

b) tiền thưởng công, Pháp gọi monnaie-médaille ; không lưu hành và như nên đã gọi, chỉ dùng để thưởng để thưởng, để thù công.

Dựa theo sách khảo về cổ tiền của J. Silvestre (1), xin kể sơ :

Kim tiền làm bằng vàng ròng, có kiểu » Long phi » một mặt chạm rồng bay, một mặt chạm niên-hiệu vua, có thứ đề Minh-Mạng thông bửu có đồng lại đề Thiệu Trị hay Tự Đức thông bửu. Mỗi đồng cân nặng từ 6 gr đến 7 gr và kính tâm lối 23 ly. Lại có kiểu trổ hình tinh tú, hoặc hình ngọc như ý kèm theo chữ vạn, hoặc hình mây, quả bầu, cuốn thư. v. v...

Qua đời Tự-Đức có chế nhiều kiểu như :

a) Kiểu đề tứ mỹ, chạm mây, sao, trăng, cá hóa long. (Tiền vàng Tứ mỹ thấy ghi nặng 15 gr 15, 39 ly kính tâm, 2 ly bề dày).

b) Kiểu đề ba chữ Thanh-Thận-Cân, hoặc hai chữ như « Lạc-Thiện », hay là « Tam-Thọ » (và ba cây « Thọ » đây là :

Mai : Thượng thọ chúc được 100 tuổi
 Tùng : Trung 80 . . .
 Trúc : Hạ 70 . . .

Vẽ ngân tiền làm bằng bạc tốt, có nhiều cỡ và nhiều kiểu khác nhau :

Hai chữ : Tứ Mỹ, Nhứt Đức, v. v.

Bốn chữ : Triệu-dân-lại-chí ; Vạn-thế-vinh-lại v. v...

(Khuyết danh thiên niên hóa đăng lục vạn thế truyền,

Nhiều chữ :

Thù huân chương hữu đức sở bửu già duy hiền).

Vẽ đồng tiền, làm bằng đồng đỏ, thì có nhiều cỡ và lớn nhỏ khác nhau, nhưng đồng tiền cỡ thật lớn như kiểu 124 ly của báo Hòa-Đồng, thì tôi thấy có một kiểu đề Minh-Mạng (sẽ nói sau), kỳ dư vốn là để thưởng công và ghi nhớ lời cầu chúc, nên có chạm nhiều câu tử như :

Kim ngọc kỳ tường, truy trác kỳ chương.

Quân thần phụ tử.

Lợi dụng hậu sanh,

Gia cấp nhơn tước

Nhứt nhơn hữu khánh, vạn thọ vô cương

Đề đức quảng vạn

Nội an ngoại tịnh, quốc phú binh cường (2).

1) Notes pour servir à la recherche et au classement des monnaies et médailles de l'Annam et des la Cochinchine française par J Silvestre — Imprimerie Nationale — Saigon — 1883.

(Sách này trong Société des Etudes Indochinoises ở trong Viện bảo tàng Saigon vẫn có).

2) So sánh với câu ghi trên đồng 50 ly của Hòa-Đồng.

Tứ phương vi tắc.

Như sơn như phụ, như can như xiên.
v. v... (kề không hết)

(Theo sách Numismatique annamite của Désiré Lacroix — 1900, — sách này trong hội Société des Etudes Indochinoises trong viện bảo tàng Saigon có).

Ngoài tiền cho lưu dụng trong dân gian, trên có hai chữ đề «... thông bửu» và ngoài tiền đề thưởng công bằng vàng, bạc hay đồng, còn một thứ tiền nữa ít lưu thông và chỉ dùng trong giới chuyên biệt gọi là tiền bùa (monnaie-amulette), lý dụ như tiền có chạm câu «Thái thượng đảo quân, cấp như luật lệnh», hoặc đề câu chúc lành: «Kim ngọc mãn đường», «Trạng nguyên cập đệ». Mấy tay pháp-lư tả-đạo lại làm một thứ tiền có câu bùa chú và lỗ giữa xoi thật nhỏ để khi nào có việc như «ngồi nghinh» tức ngồi trên chót lưởi gươm làm phép trừ tà, thì lão sẽ lên lấy tiền ấy chặn kín trên đầu gươm trước khi leo lên ngồi, như thế có bao giờ gươm đâm lão lủng ruột được thể mà công chúng mê tin khen rầm rầm.

Đến như tiền cỡ lớn, tôi cũng có hai đồng:

— Đồng thứ nhứt màu đen, một mặt chạm «Chánh-Đức thông bửu» một mặt chạm «long-phụng triều-nhựt». Xét ra vua Chánh-Đức (1506-1522) là vua đời Đại Minh bên Trung-quốc, tôi chưa gặp sách dạy cho biết đời đó đã có chế tạo thứ tiền lớn này chưa. Theo các tay hiểu-cổ ngoại quốc, họ kén cho được đồ đồng

đời thượng-cổ (Thương-Ân-Châu-Hơn) thì tiền Chánh-Đức không đáng kể vì dẫu là tiền thật cũng chỉ mới được (1966-1522): 444 năm, đối với đồ đồng thì tuổi còn kém lắm.

— Đồng thứ nhì, tôi có từ lâu, một mặt chạm bốn chữ: Minh Mạng thông-bửu, một mặt chạm hai chữ mà cụ Nguyễn văn Tố dạy cho biết là chữ Mãn-Châu, đọc là *Bảo-Tuyên*, cũng gần nghĩa với hai chữ thông-bửu. Năm 1933 tôi lấy bút chì đồ rập hai chữ này gửi ra Hanoi luôn cả hình của đồng tiền thì cụ Nguyễn văn Tố trả lời cho tôi trong Đông-Thanh tạp chí số 20 đề ngày 15-4 1933, tr. 361-362. (Tôi không chép ra đây vì rườm rà và ai muốn xem, nếu thư viện quốc gia không có thì lại nhà tôi, tôi sẽ cho mượn báo Đông-Thanh xem tại chỗ.)

Trong bài cụ Nguyễn văn Tố nói sơ lược rằng tiền Minh-Mạng đường kính 140 ly của tôi, nếu không phải giả hiệu thì ắt đúc vào khoảng năm Quý tỵ (1833) hay Ất vị (1835). Cụ Tố lại dạy: «Năm 1599, chính phủ Nam-triều đào được ở sân sau điện Cao-Minh Trung-chính, sân điện Hoàng-Phúc và Thanh-hạ-thư sân điện Trường-xuân-tiên và lối đi từ cửa Trường-loan vào Tinh-quan-viện bốn cái hăm đựng vàng bạc và tiền đồng to, niên hiệu Minh Mạng; nhưng không nói khắc những chữ gì, chỉ nói ở cửa hăm đề Minh Mạng ất-vị Minh Mạng quý tỵ, thập vạn vĩnh lưu chi số bách thế quốc dụng vô ưu v.v..»

«Xem như thế, thì có lẽ không phải

là tiền để lưu hành mà định giá được.»
(Đông-Thanh tạp chí nói trên, tr.362).

Việc đâu còn đó, tôi chỉ biết năm trước tôi không kịp suy nghĩ, lỡ cho một người bạn mượn đồng tiền lớn này xem chơi, dè đâu sau đó đi đâu cũng gặp thứ tiền này, khiến cho tôi nay cũng ngờ luôn biết đâu chừng tiền của mình cũng không thật mà có người lấy kiểu làm giàu còn nó ở nhà mình bấy lâu mà không biết để, thế mà gọi đồng tiền cái nổi gì. Nhờ tánh tò mò tôi biết rằng vua Minh-Mạng có đồng quá nhiều, do đồ binh khí và súng đồng thau đoạt đời trước nên dạy thợ trong

nội chế ra rất nhiều đồ từ - khí và lư, đỉnh ; Vua lại có sáng ý dạy chế ra tiền lớn, định ăn 5000 đồng hay hơn nữa, nhưng sau thấy nặng nề không gọn nên rút thu về kho làm của trấn khố.

Đồng tiền cái, sau này đã có nén bạc đỉnh vàng, thay thế, nhỏ gọn, tiện nhẹ hơn.

Vì mến mộ anh Hồ Hữu Tường và báo Hòa-Đồng mà có bài này, cốt ý muốn học thêm và xin đừng lầm là tôi chỉ-trích.

Gia-định ngày 9-2-1966

VƯƠNG HỒNG SÉN

(Bài này lẽ đáng gửi đăng ở Hòa-Đồng. Nhưng Bách-Khoa ở gần tôi hơn, và tôi không có xe).

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DẶNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THUY GIỚI

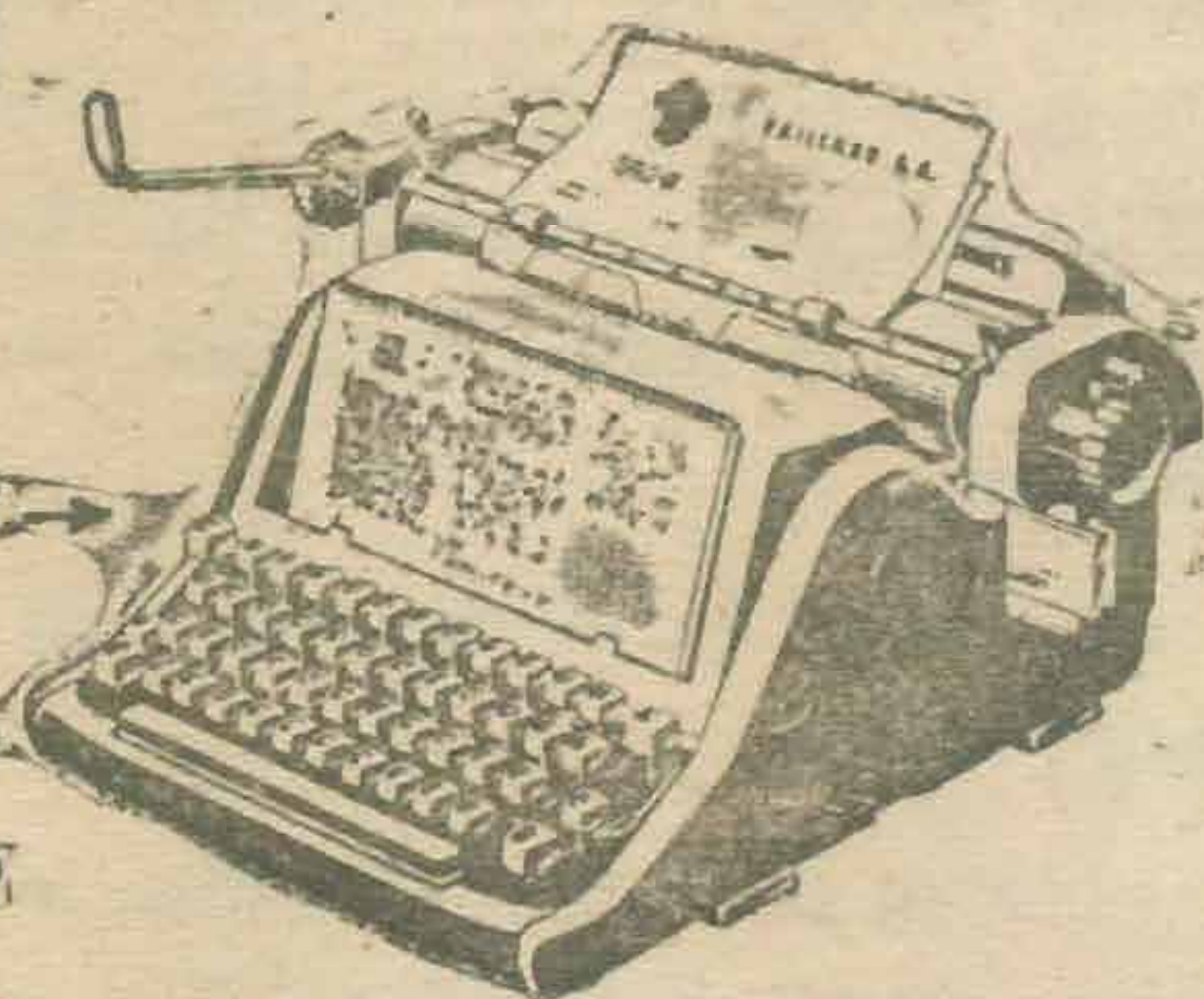
HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐÈN BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu - Téléphone 1 20.821 - SAIGON

ĐÓN ĐỌC

thơ phi thi

của NGUYỄN ĐỨC VINH — THỰC HIỆN xuất bản

SINH HOẠT

VŨ-HẠNH

đọc : « Quay trong gió lốc »

tác giả : Lê-Tất-Điêu ; nhà xuất bản : Thời-Mới

Quay trong gió lốc là một tuyển tập gồm 5 truyện ngắn của Lê Tất Điều. Truyện đầu, được chọn làm đầu đề sách, là nỗi chán nản của một người trẻ nhìn thấy sự chân thành đang xuống giá ở chung quanh mình. Anh ta ao ước một mối tình đẹp và dịp tình cờ gặp được một cô gái đẹp sống đời phóng túng, giữa hai bạn trai chỉ có mỗi sự giả dối để mà xử với đàn bà. Truyện nhì, **Đau ốm có giấy phép** là tấn bi kịch của một nhà giáo ốm đau phải xin cho đủ giấy tờ mới được vắng mặt ít ngày trong một kỳ dự huấn luyện. Và sau khi đã lo xong mọi thứ thủ tục hành chánh anh ta mới được tự do đau ốm một trận kịch-liệt. Truyện ba, **Đồng cỏ trong sương** là nỗi chán nản của một người trai chứng kiến bao nhiêu xáo trộn giữa xã hội này, xuyên qua sinh hoạt của một tòa soạn nhật báo, chứng kiến bao nhiêu đau khổ trong một chiến tranh kéo dài xuyên qua sinh hoạt của một bệnh viện

công cộng, và nghi quê hương như cánh đồng cỏ tươi non chìm trong sương mờ. **Giữa sống và chết**, truyện ngắn thứ tư, là những sinh hoạt bi hài trong một bệnh viện quân y. Và **Hai thành phố** truyện ngắn thứ năm, là một bức thư của một chàng trai gửi cho một cô bạn tình vừa mới quen thân để nói lên sự chia rẽ đôi đường, vì họ không cùng chung những quan niệm về đời. Một trong những khác biệt đó là cô gái thích đời sống vật chất xa hoa, tượng trưng là chiếc ô tô, còn người thanh niên, trái lại, nhìn thấy trong cuộc sống ấy một sự sa đọa nhân-cách.

oOo

Trong tác phẩm này, Lê Tất Điều viết tinh vi hơn **Kẻ tình nguyện, Khởi hành**. Anh đây nhận xét đi vào cuộc sống tâm tình tế nhị và ghi lại được một cách trung thực, bằng một bút pháp sáng gọn, linh hoạt, có đủ sắc bén và sự

tươi trẻ. Cái nhìn cũng mở rộng hơn trong nhiều vấn đề: nhà giáo, không còn bản khoán về đồng nghiệp mình, mà đã cảm thấy chua xót, bất bình đối với cấp trên. Người trai không còn xa xôi nói đến tình yêu mà đã đặt rõ vấn đề đề mà giải quyết rõ ràng dứt khoát với người bạn gái. Ra khỏi những khung cảnh ấy, tác giả còn muốn đảo những cái nhìn tổng quát về một hiện tình xã hội, về một thực trạng đất nước ly loạn. qua phân ở Lê Tất Điều, ta nghe nhiều về thực tế trước mắt: Có sự nóng hổi của một không khí đấu tranh xáo trộn sau thời Diệm Nhu vừa già cõi đời, có sự rộn ràng mới mẻ của những cánh quạt trực thăng và nổi lên siết trong quân y viện. Và sự ham thích cuộc đời sa hoa, của những thiếu nữ ngây thơ quáng mắt chưng diện trước những đua đòi vật chất, cũng như tính cách sỗ sàng, giả dối của lớp thanh niên sục sạo săn đuổi đàn bà như đi tìm các thú vui giải trí qua ng' y, phải chăng vẫn là bao nhiêu vấn đề tiêu biểu của một cuộc sống suy đồi đang còn diễn biến quanh ta?

Ở Lê Tất Điều, có sự chịu khó quan sát và sự diễn tả chân thành, ngoài một kỹ thuật mỗi ngày mỗi cố gắng thêm cho được tinh luyện. Người ta nhìn thấy một sự vận động liên tục của một ngòi bút biết săn sóc đến nghiệp vụ của mình và quý hơn hết là cái thái độ theo với cuộc đời đề mà cố gắng đi tìm về một lẽ phải. Nhờ thế mà **Đau ốm có giấy phép** là một truyện ngắn hoàn chỉnh, thành công.

oOo

Nhưng tất cả những giá trị tích cực có thể tìm thấy như trên đã không được sự phát triển một cách vẹn toàn mà bị hạn chế khá nhiều bởi một thái độ quan sát cuộc đời. Chính thái độ này làm cho loãng mất nội dung và đẩy tác giả dần dần đi xa khỏi cái trọng tâm xã hội đề mất dần trong chi tiết lạc loài của một cái tôi đang bắt đầu quá chú trọng về mình. Cái tôi của người cầm bút thấp thoáng ẩn hiện trong đôi đoạn kết ở tập **Khởi hành** bây giờ đã quá lộ liễu. Bây giờ dường như tác giả bắt đầu không phân biệt rõ là mình đang nói về mình để được nói về xã hội, hay đang nói tới xã hội để được bàn luận về cá-nhân mình. Ngay truyện đầu tiên **Quay trong gió lốc** đáng lẽ tác giả không nên dùng ngôi thứ nhất mà phải dùng ngôi thứ ba. Bởi vì khi cái tiếng tôi được dùng không hề tự phỉ báng mình thì nó dễ đồng hóa với tác giả, và mất hẳn sự khiêm tốn. Giữa hai nhân vật bị ối là Hậu và Tuy, vai «tôi» hiện lên như một con người trong sạch, nghiêm chỉnh và điều đó làm cho người đọc sách thấy sự tế-nhị ở trong đối xử đã bị xúc phạm. Cũng như ở trong truyện cuối, sự từ chối người đàn bà, tuy đã cố gắng tỏ ra khéo léo nhưng vẫn không hết một nỗi vụng về là làm thương tổn đến lòng tự ái của kẻ đã bay hàng ngàn cây số đến để tìm mình (thay vì mình nên bay tìm cô gái) và xác nhận mình trong sạch, cao thượng hơn cô gái ấy. Đáng lẽ cái

giả nên dành vai trò chủ động cho người đàn bà về sự lạt lẽo, và gã đàn ông chỉ nên thú nhận mỗi sự bất lực của mình trong sự chạy theo những món tiện nghi vật chất. Tưởng cái lý luận làm giàu là sự gian lận, xấu xa, cũng không đứng vững. Bởi vì vẫn có nhiều người ngồi trên xe hơi mà vẫn không phải bán rẻ nhân cách của mình. Người ta mong đợi một quan điểm khác về người đàn ông trong truyện: thái độ tích cực, dứt khoát của kẻ chấp nhận cuộc đời bấp bênh, thiếu thốn để phụng sự cho lợi ích xã hội, hơn là cuộc sống phù phiếm no đầy của lòng tư kỷ thấp hèn.

Đi vào cuộc sống xã hội, tác giả đã gặp chướng ngại đầu tiên là bản thân mình. Tác giả chưa ra khỏi mình để mà đi vào sinh hoạt, nên cứ suy nghiệm xã hội bằng những tình cảm chủ quan, do đó tác giả sớm gặp một cái trạng thái bi-quan. Lấy sự đòi hỏi cá nhân để mà đo lường cuộc đời, đó quả là thứ tai nạn. Nếu vai *tôi* trong truyện đầu đừng đi tìm người đàn bà lý tưởng bằng cái yên sau của xe vết pa một gã thanh niên được tả như loại cao bồi chính cống, thì làm sao phải bi quan? Nếu vai *anh* trong truyện cuối đừng xét người con gái theo lòng mình, và quan niệm được chính xác rằng mọi giá trị đều phải là kết quả của đấu tranh, xây dựng liên tục, thì gã có thể hi vọng gặp được người yêu lý tưởng ngay chính nơi người con gái đáng yêu mà gã vừa viết thư đề ngao ngán chia tay. Chính vì gã

vẫn mang cái sắc thái cảm nghi kỳ quặc của một số người, là lấy mình làm tiêu chuẩn cho đời.

Và chính cũng vì lẽ đó mà trong tác phẩm ta thấy tình bạn, tình yêu, tình nghĩa vợ chồng, tình yêu quê hương cũng đượm một màu chán nản, u buồn. Lê Tất Điều đã sớm làm cho mình già đi. Nếu anh không tự biết rõ điều đó một cách đầy đủ, anh sẽ tự dòn vào bước đường cùng. Và ngày mai đây, không xa, anh sẽ nói về những sự siêu hình với những triết lý quái đản.

Điều ấy, không chỉ là một phỏng đoán. Cuối truyện **Đồng cỏ trong sương**, ta thấy anh Trường phân vân không biết nên ra sân tập hay đến nhà một bạn gái để nghe ca hát. Và anh ta tung một đồng bạc các đề nhờ nó quyết-định hộ cho mình một lối phải đi tùy theo sắp ngửa. Sự tung tiền ấy, do chính tay anh, theo sự phân định sau trước của anh, đã được tác giả kết luận như sau: **«chàng thanh niên (...) chán nản quơ tay tìm định mệnh»** (trg 78). Nhưng rõ ràng ông Tạo Hoá bày ra cái định mệnh ấy lại chính là Trường, thì còn giả vờ chán nản nổi gì!

VŨ HẠNH

Muốn tìm hiểu tinh-hoa của Phật giáo hãy tìm đọc bộ **PHẬT GIÁO TINH-YẾU** do Thượng-Tọa Thích Thiện-Tâm biên soạn. Huệ-Nghiêm xuất-bản, giá 60 đ.

NGOÀI NƯỚC

Nhất nước Mỹ

Một tờ báo Hoa-kỳ (tờ *Book Week*) gửi đến các nhà văn, nhà phê bình, các giáo sư, một câu hỏi: từ đệ nhị thế chiến đến nay, cuốn tiểu thuyết nào hay hơn hết?

Được chọn là nhất cuốn *Invisible Man* (*Người vô hình*) của Ralph Ellison, xuất bản năm 1953.

Ralph Ellison? Ai vậy? Đó cũng là một người vô hình chăng? — Không phải. Nhưng quả là một tác giả vô danh. Tác giả ấy là người da đen, từ 1953 đến nay chỉ in ra một có cuốn truyện rồi tịt luôn. Vậy mà Ralph Ellison được xếp trên Faulkner, Hemingway Steinbeck v. v... trên hết cả mọi tên tuổi khác.

Đứng hạng nhì trong bản xếp hạng là cuốn *Lolita* của Nabokov, hạng ba là cuốn *l'Attrape-Coeur* của J. D. Salinger rồi mới đến *Herzog*, *Au jour le jour* và *es aventures d'Augie March* của Saul Bellow v. v...

Vấn đề nóng bỏng của Roland Barthes

Một phê bình gia theo trường phái cũ — Raymond Picard — với một phê

bình gia theo trường phái mới — Roland Barthes — vừa mới xung đột nhau.

Nhân dịp này Roland Barthes thảo luận với Guy le Clec'h về những đặc điểm của đường hướng phê bình mới:

1/ Phê bình mới dùng cùng một thứ ngôn ngữ với sáng tác mới. Phía sau mỗi cuốn tiểu thuyết hiện đại chẳng hạn thường thấp thoáng bóng dáng của chủ nghĩa cộng sản hoặc thuyết phân tâm học. Những cái đó, phê bình mới rất... thông cảm.

2/ Phê bình mới đặt ra một vấn đề nóng bỏng: người thời nay có thưởng thức được sách thời xưa không?

Theo R. Barthes thì được lắm, nhưng thưởng thức theo lối thời nay, nghĩa là hiểu sách không đúng theo ý tác giả muốn nói. Đó là một hiện tượng kỳ cục mà có thực, P. Valéry đã từng nhận xét rằng một tác phẩm văn nghệ mà trường tồn được là nhờ có thể biến cải khác với cái mà tác giả đã làm ra. Phê bình mới theo dõi, quan sát, nhận định về sự biến cải ấy, về mối liên hệ giữa tác phẩm già và độc giả trẻ

Triết học và Đười ươi

Clément Rosset thuộc vào hạng triết gia thần đồng. Mới ngoài hai mươi tuổi ông ta phát minh cho cõi đời này được cái triết lý bi đát.

Thế hệ trẻ thường làm những chuyện bất ngờ ngoạn mục. Mới rồi ông cho ra một tác phẩm dày 96 trang, luận về đười ươi! (*Lettres sur les chimpanzés*) Các tên tuổi khả kính Teilhard de Chardin, Albert Shewetzer J. P. Sartre, Albert Camus v.v. đều bị chế giễu. Được đề cao, chỉ có.. khi.

Triết gia trẻ kêu rằng giống đười ươi cũng thuộc vào loại linh trưởng (primates) như người đáng lẽ phải được đối xử tử tế như người. Đàng này đười ươi bị áp bức, bóc lột, hất hủi, bị tước đoạt các quyền căn bản: quyền tự do tư tưởng tự do ngôn luận tự do hội họp.. Đười ươi không được tham dự sinh hoạt văn hóa, nó không được học tiếng la tinh! Bất công thế, chịu sau nôi. Bởi vậy sẽ có ngày giống đười ươi vùng lên trả thù, đòi hỏi tự do và công bình. Giờ

lich sử sắp điếm tới nơi: «Có thể là ngày mai — chắc chắn là ngày mốt» C Rosset báo trước như vậy.

Nếu loài người mà khôn ngoan chịu nghe theo lời triết nhân sáng suốt thì phải làm gì bây giờ? — C. Rosset vui lòng hướng dẫn con đường thoát hiểm: hãy giải phóng đười ươi, hãy mau chăm sóc nó đúng mức hòng chuộc lại tội lỗi của tổ tiên. Được đười ươi tha thứ, người với đười ươi sẽ chung nhau hợp thành một giống: đó mới là cái nhân loại vẹn toàn (humanité totale),

Hiện thực xã hội.

Cuối năm 1965, chín nhà thơ Nga đến Ba-lê một tuần. Trong số thi sĩ ấy có Alexandre Tvardovski, chủ bút tạp chí *Novy Mir*, tờ tạp chí văn nghệ đã đương đầu với giới lãnh đạo Nga trong thời kỳ băng rã.

Được hỏi ý kiến về chủ nghĩa hiện thực xã-hội, A. Tvardovski tuyên bố rằng cái đó do những người phê bình, những phần tử không sáng tác được những phần tử xa lạ đối với công việc làm văn nghệ, họ bày đặt ra.

Nhà Xuất-Bản TƯ-DUY

Hộp thư 1467, Sài Gòn

mới phát hành

Lịch-sử Văn-Học Công-Giáo Việt-Nam

của **VÕ-LONG-TÊ**

Dày 372 trang, 32 phụ bản, giá bán 90 đồng

Thiên truyện mang tên trên đây - sẽ dịch trên BK. TĐ trong số tới — đăng ở Hoa kỳ tác giả ký tên là Nicolas Arjak. Kỳ thực, tên tác giả là J. Daniel. Thiên truyện thứ hai này, truyện của J Daniel, kết cục bi thảm hơn : tác giả bị nhà cầm quyền Nga bỏ tù cùng với nhà phê bình André Siniavski về tội đăng bài ở ngoại quốc với bút hiệu riêng.

Đăng bài ở ngoại quốc, hình luật Nga sô không cấm văn sĩ lấy bút hiệu riêng, hình luật Nga Xô cũng không cấm nữa. Bởi vậy vụ án này làm cho nhiều người văn nghệ buồn lòng và thắc mắc. François Mauriac yêu cầu Choloikov vì tình... đồng giải Nobel mà thay mình can thiệp hộ với nhà cầm quyền Nga sô.

Người Nhật nói chuyện văn học Nhật.

Sau đệ nhị thế chiến ở Nhật còn lại một số nhà văn lớp trước (như Dasai) hoạt động, hạng này gần đây bị lãng quên. Tiếp theo họ là một lớp nhà văn « dẫn thân », như Noma, như Takeda. Sau 1950 nhật báo phát triển mạnh, quảng đại quần chúng tham dự vào sinh hoạt văn nghệ, đòi hỏi thứ truyện « phơ-dơ-tông » truyện giải trí : xuất hiện một lớp văn sĩ học hành dở dang và không chấp nhận một ý thức chánh trị nào. Sau 1955 văn học Nhật bắt đầu thấm ảnh hưởng Hoa Kỳ : xuất hiện những tiểu thuyết gia như Ishihara (nổi danh vì cuốn *Một mùa dưới nắng*).

Cái « biểu nhất lâm văn học hiện đại Nhật Bản » ấy là của nhà văn Mishima

bốn mươi tuổi, tác giả của 15 cuốn tiểu thuyết, 80 truyện ngắn, 15 vở kịch. Nhiều tác phẩm của ông đã được dịch ra tiếng Âu, Mỹ, 12 cuốn truyện được đưa lên màn ảnh. Hiện Mishima được dư luận giới văn nghệ Nhật coi như là người có uy tín nhất, và mỗi lần rục rịch bàn tán về giải Nobel là tên tuổi Mishima lại được nhắc đến.

Vấn đề trọng yếu nhất

Sau khi cho xuất bản cuốn *La maison de rendez-vous* Alain Robbe - Grillet nói với Claude Bonnefoy nhiều điều quan trọng.

Theo Robbe-Grillet, trong văn nghệ hiện đại có một vấn đề hết sức trọng yếu. Đó là vấn đề này : « Lời nói trong các tác phẩm, đó là lời của ai ? » Vào thời kỳ Balzac, xưa kia, không ai đặt vấn đề đó ra. Trong tiểu thuyết của Balzac thì lời nói hẳn phải là lời của Thượng đế, bởi vì kẻ nói biết tất cả và phán xét tất cả. Từ Flaubert về sau thì giới tiểu thuyết hình như đặt vấn đề thế này : « Ai nói ? nhân danh ai mà nói ? » Trong cuốn *À la recherche du temps perdu*, mặc dầu kẻ thuật chuyện tự xưng là Marcel, nhưng độc giả thấy rõ đó không phải là Marcel Proust. Vậy thì ai đây ? Các nhà văn bây giờ không chịu nhân danh Thượng đế mà nói nữa. Đó là vấn đề lớn lao của thời đại.

Về phần Robbe-Grillet, ông đã giải quyết vấn đề ấy ra sao ? — Mỗi tác phẩm của ông là một giải đáp khác nhau. Trong cuốn *Les gommes* thì lời nói là của

một chứng nhân : chứng nhân thấy cái gì nói lên cái ấy, chứng nhân không biết tất cả như Thượng đế, chứng nhân nói thiếu sót để tùy người nghe phán đoán, quyết định. Trong cuốn *Le voyeur*, tiếng nói lại được trao cho một kẻ... nói láo. Mathias không thực đâu, lời của nhân vật ấy không tin được, xin tùy tiện. Trong *La jalousie* chỉ có một sự hiện diện vô danh, lời nói thuộc về người chồng ngờ vực...

Trong *La maison de rendez vous* thì vấn đề đặt ra thế này : « Cái tiếng nói ấy, nói lên để làm gì ? » Và tác phẩm đã ngụ một cách trả lời : Nói lên để cho có tiếng. Không cất lên thì nó không có. Nó tự tạo ra mình bằng cách ấy.

Chủ trương của Alain Robbe-Grillet chừng ấy đã là tân kỳ rồi. Thế mà ông bảo là chưa ăn thua gì. Ông ta cho rằng mình lý thuyết một đường có thể sáng tác một nẻo, sáng tác trước thế này, sáng tác sau có thể trái ngược lại. Giữa ông với chính ông, cũng có sự đối thoại. Ông sáng tác sai bét với lý thuyết, đó là cách ông « trả lời » lại lý thuyết của mình. Nghệ thuật của ông, nó còn đang hăng hái đi tìm đường

Bởi vậy, mai kia nếu có một trường phái tiểu thuyết mới - thật - mới ra đời, thì Alain Robbe-Grillet hy vọng mình không phải là kẻ bị đào thải. Ông cũng không cho rằng mình sẽ đi theo trường phái mới ấy : ông nhũn nhặn mong rằng mình sẽ khỏi xướng và diu dắt trường phái tương lai ấy !

Những đệ tử muốn theo Robbe-Grillet trong cuộc « hành trình » này, hãy chuẩn bị một bộ giò vụn lý trường chinh.

Gương văn-nhân

Văn hào nước Mỹ, Henry Miller, ông già kỳ cục ngang bướng đã từng viết ra những cuốn *Tropique du Cancer*, *Tropique du Capricorne v.v.*, bây giờ 75 tuổi, sống như một trết nhan, bên một bãi biển.

Hàng ngày thiên hạ từ năm châu gửi hàng đồng thư từ tới ông, xin ý kiến, xin tiền bạc, hoặc đòi cho tiền ông, hoặc tình nguyện đến làm thư ký, làm tài xế, làm đầy tớ không công cho ông, hoặc mời ông đi diễn thuyết, hoặc xin được đến dùng một tách cà-phê với ông v.v.. H. Miller lần tránh hết, từ chối hết. Công việc thích ý của ông là mỗi ngày dậy tắm một cái rồi đạp xe đạp dạo chơi, rồi đánh ping-pong, rồi vẽ nguệch vẽ ngoạc cho vui. Suốt ngày không bao giờ H. Miller chịu đọc sách. Chỉ đến khuya, trước khi ngủ, mới đọc qua độ nửa giờ hoặc một giờ là tối đa. Ông cóc cần biết tình hình văn chương nghệ thuật tiến tới đâu, đi về ngã nào. Tuy nhiên, hễ nghe ở đâu đó có chiếu phim Nhật là H. Miller chịu khó lặn lội tới xem liền, dù cách xa tới 5, 3 chục cây số. Còn viết văn ? Chuyện đó hình như thỉnh thoảng H. Miller có nghĩ đến, nhưng chỉ nghĩ thôi, rất ít khi làm.

H. Miller kết luận : Sống ở đời thật là khổ, khổ như là ở địa ngục. Ông ao

để thoát ly quả đất ô trọc này, để tới bất cứ một hành tinh nào khác.

Không biết hành tinh nào sẽ có cái vinh hạnh đón tiếp con người cần cù, kham khổ ấy.

Cơn giận của Jules Roy và cơn giận của François Mauriac

Jules Roy trước đây được các nước Cộng sản thích vì đã viết một tác phẩm tiếng tăm về Điện Biên Phủ. Mới đây, tác giả ấy tìm đến tận nguồn gốc của sức mạnh Cộng sản Á Châu : do đó có cuốn *Voyage en Chine* ra đời.

Nhưng *Voyage en Chine* không ca tụng nước Tàu đỏ mà lại mạt sát thậm tệ, làm ngã ngựa giới thân Cộng. Những điều trông thấy ở Trung Hoa lục địa làm cho J. Roy bức tức, thù ghét, ghê tởm đến nỗi không những ông chửi rủa trong sách mà ông còn tìm cách chửi họ Mao hàng ngày. Thực vậy, ở Trung Cộng về, J. Roy đổi tên con chó béc-giê của mình, kêu nó là... Mao !

Trong những điều đáng giận ở Hoa lục, J. Roy đề ý đến cái thói nịnh bợ của dân chúng đối với lãnh tụ, ông cho rằng Malraux và Mauriac ở Pháp cũng không thần thánh hóa « De Gaulle » bằng các văn sĩ Trung Cộng đối với Mao Trạch Đông.

Trời ơi ! Vì von như thế thì còn gì thể thống Mauriac nữa. Văn hào lão thành tám mươi tuổi găm lên, cãi lại

khỏe như một thanh niên. Ông cụ trình bày những lý do khiến mình ca tụng De Gaulle, những lý do ấy hết sức chính đáng và không có chút gì liên quan đến thái độ của hạng văn sĩ Cộng sản, ông cụ quả quyết rằng việc làm của mình trong hăm lăm năm trời không có gì đáng xấu hổ hết.

Và, có lẽ để chứng minh điều đó, ông lại ca tụng De Gaulle luôn một hơi nữa trên mục *Bloc-notes* của tờ *Le Figaro littéraire* hôm ấy.

Cuối cùng, cũng nên ghi thêm là cuốn *Voyage en Chine* của J. Roy vài tháng trước đây bán chạy vào bậc nhì ở Pháp, chỉ thua có một cuốn *La Chamade* lâm ly của F. Sagan.

Raymond Cartier viết sử

Đó là cuốn *Cuộc thế-chiến thứ hai*, tập đầu do nhà Larousse và tạp chí Paris Match vừa xuất bản, và được J. Prasteau xem là một « biến cố có tính cách quốc tế » trong văn giới. Bởi vì từ trước tới giờ chưa có ai viết bộ sử toàn diện về đệ nhị thế chiến cả.

R. Cartier nói rằng mình chỉ viết sử theo lối nhà báo chứ không phải theo lối sử gia. Nhưng dù theo lối nào, đó cũng là một công trình to tát.

Trong phòng của R. Cartier tập trung chừng hai ngàn cuốn sách tham khảo. Ngoài ra phải chạy khắp các nước để tìm tài liệu. Riêng về một trận Pearl Harbor, Hoa kỳ cung cấp cho sử gia độ

một thước khối tài liệu. Về một vụ án Nuremberg cũng không ít giấy tờ phải đọc. Rồi còn các kho tài liệu ở Anh, ở Pháp, ở Đức, ở Áo, Ý v.v... Riêng chỉ có Nga, là R. Cartier lặc đầu : tài liệu của họ, họ giấu kỹ, các hồi ký do tướng tá họ viết ra thì có cái thành công là không chịu « nói » gì cả, nó chỉ như là « những bó hoa tung hô các vị anh hùng ».

R. Cartier đành tìm đến những thư từ, hồi ký của các sĩ quan và binh lính đã tham chiến ở Nga, và sử gia tình cờ khám phá ra điều này : lúc quân Đức tràn qua đất Nga, tinh thần quốc gia của những dân tộc bị áp bức tại Nga

đã bộc phát rất mạnh, nhiều nơi dân chúng coi như đây là cơ hội nổi dậy để thoát ách độc tài Cộng-sản Mạc-tư-Khoa Dân Caucase chẳng hạn đã đón tiếp quân Đức như đạo binh giải phóng. Trước tình hình ấy, nhiều sĩ quan Đức đã đề nghị Hitler thành lập các chính phủ tự trị trên đất Nga. Tiếc thay, Hitler khăng khăng từ chối sự cộng tác của những nhân vật Nga như Vlassov và không chịu những chính phủ địa phương tự trị. Sự tham lam thiên cận đã làm cho Hitler thất bại. Không biết nếu hồi ấy ông ta biết lợi dụng tinh thần quốc gia của các dân tộc nhỏ thì sự thế có thể khác đi chăng ?

TRONG NƯỚC

Tuổi nước độc (1)

Tác phẩm này của Dương-Nghiêm-Mậu được chú ý ngay trong trường hợp ra đời của nó. Nó mở đầu một loại sách do tập san VẤN xuất bản, bán đồng giá, rất rẻ ; chỉ có 20 đồng một cuốn.

Sách giá trị in nhiều bán rẻ đã thành một phong trào từ lâu ở Âu Mỹ, nhưng tại xứ ta chưa có ai làm được công việc ấy. Điều kiện hoạt động xuất bản ở ta và ở Âu Mỹ khác nhau, mà trong sự khác nhau đó phần bất lợi thuộc về phía ta, ai cũng biết vậy, cho nên việc làm của những người điều khiển tập san VẤN thật khó khăn và can đảm. Việc

làm ấy lại chẳng mang một tham vọng thương mại nào (cuốn sách dày ngót 200 trang, bán giá 20đ thì dầu in ra 5, 3 nghìn, dù bán hết cả cũng chẳng lời lãi bao nhiêu), vì vậy nó càng đáng khen.

Cuộc thí nghiệm của tập san VẤN nếu mà thành công sẽ mở ra một thời kỳ mới cho ngành xuất bản ở xứ ta.

oOo

Tuổi nước độc kể chuyện cuộc sa đọa đáng thương của Ngạc và những người bạn chàng.

Trong thời kỳ chiến tranh Việt Pháp vừa qua, họ đều là những học sinh mới

(1) Văn xuất bản, 173 trang, 20đ.

ên, hoang mang trước thời cuộc : theo cộng sản để thiết lập một chế độ độc tài bất nhân chẳng ? Theo Tây để giết hại đồng bào, dày đạp tổ quốc mình chẳng ? Đi ra " ngoài ấy " để kiếm thảo, đấu tố chẳng ? Ở lại trong thành để chứng kiến những cảnh bất công, những tệ nạn xã hội diễn ra hàng ngày trước mắt chẳng ?

Tình cảnh tấn thối lưỡng nan, nỗi niềm hoang mang ấy đã giết hại một lớp người. Ông chú của Ngạc ra đi rồi thất vọng quay về, Thịnh lại ra đi bỏ mẹ già em dại, trong lúc ấy Thu ở ngoài vào trong thành đi lính nhảy dù để trả thù cha bị du kích giết, Vịnh bỏ mẹ bỏ chị ra đi thì Trịnh ở ngoài chán lại quay về. . . Cả một thế hệ thanh niên lúng ta lúng túng, loay hoay trong một tình trạng không lối thoát. Và rồi cuộc họ sa vào những tội lỗi khiến chính họ tự ghê tởm lấy mình : Lâm cướp vợ của Ngạc, Ngạc ngủ với chị của Vịnh v.v...

Nhân vật trong truyện phần lớn hung dữ, bạo liệt, bất thường ; không khí trong truyện ngột ngạt ; tình cảnh trong truyện tuyệt vọng ; những giấc mơ diễn ra trong truyện đều có thể khiến người ta chết khiếp, Dương-Nghiêm-Mậu bao giờ cũng muốn đi tới những xúc động tột cùng.

Chim hót trong lồng (2)

Nhật Tiến thì không thế. Nguyên cái nhaa dễ tác phẩm của anh cũng nhẹ nhàng hơn của Dương-Nghiêm-Mậu, mặc dù anh cũng đưa ra một trường hợp bi thương.

Nhật Tiến kể chuyện một đứa bé gái, mẹ làm điếm, không muốn con biết đến sự xấu xa của mình nên gửi con cho các bà phước nuôi. Em bé không biết gì về những khổ sở vật chất và tinh thần của mẹ, cho đến khi mẹ nó chết trong bệnh viện vì ho ra máu. Hoàn cảnh của bé Hạnh đã tội nghiệp, mà sự ngây thơ của nó càng thêm tội nghiệp.

Tình cờ mà tác phẩm hai người cùng xuất hiện một lượt, bất giác ta có ý nghĩ đối chiếu. Ở *Chim hót trong lồng* cũng như ở các tác phẩm khác, Nhật Tiến thường nêu lên những tệ nạn xã hội. Còn Dương-Nghiêm-Mậu thì trình bày thảm trạng tinh thần của một lớp trẻ. Thế giới của Nhật-Tiến thường gồm những em bé mồ côi, những trại Dục Anh, những bà xơ, những cô điếm, những người mù v.v... Thế giới của Dương-Nghiêm-Mậu, cũng nghèo cũng khổ vậy, nhưng thường bao gồm những anh chàng chưa vợ con, sống bên lề một gia đình thân thuộc (chị, chú thím, bạn thân), tính khí ngang tàng, tâm tư ray rứt, mang một nỗi khổ đau lớn trong tâm hồn, không tin tưởng, rơi dần vào sa đọa. Truyện của Nhật-Tiến làm cho ta thương xót, của Dương-Nghiêm-Mậu làm cho ta sợ hãi.

Cuộc đời dưới mắt hai nhà văn này thực đã điêu tàn, xơ xác, thảm hại.

2 - 1966

TRANG-THIÊN

(?) Huyền Trân xuất bản, 85 trang, 30đ.

Nhận-diện

toàn-bộ sân-khấu Việt-Nam

Sáng ngày 10-2-1966, nhạc sĩ Phạm-Duy đã thuyết trình đề tài trên tại Giảng đường Dự bị Văn-khoa, Đại-học Sài-gòn trước một số thính giả sinh-viên ước đến bảy trăm người, một số thính giả có thể gọi là kỉ lục.

Với những điệu bộ dễ dàng, với giọng nói lưu loát, thỉnh thoảng điểm đôi nhận xét bông đùa hoặc ví von hóm hỉnh, với những bài ca xưa minh họa cho câu chuyện, tác-giả « Tâm-ca » đã làm cho người nghe mình suốt một giờ rưỡi đồng hồ chẳng những không thấy mệt mà còn thích thú, cười vui hay vỗ tay từng chặp.

Sau đây, chúng tôi xin tóm lược buổi nói chuyện.

Đi ngược lại dòng lịch-sử, ta thấy hình thức ca diễn đầu tiên được ghi chép là trò hề của Liêu-Thủ-Tâm đời Tiễn-Lê (980-1009). Qua đời Lí, dân tộc ta được một đạo sĩ nhà Tống dạy múa hát; trò tuồng của ta khởi điểm từ đấy (đầu thế kỉ XI). Đời Lí, còn có múa rối, thịnh hành thời nhà Trần. Thời này, ta có hình thức hát cời trần và hát giấu mặt (thế kỉ XIII). Một tù binh Mông-Cò, Lí - Nguyên - Cát, ruyền bá lối hát nhà Nguyên cho nghệ sĩ nước ta (1284). Các phường chèo bội ra đời, nhưng đến đời Cảnh-Hưng nhà Hậu-Lê (đầu thế kỉ XVIII)

nó mới phối hợp với hát ả đào, hát cửa quyền, hát cửa đình để gây mầm mống cho cả hai ngành hát tuồng và hát chèo.

Thời Lê mạt Nguyễn sơ, hát tuồng Phát triển đến chỗ cực thịnh ở Đàng ngoài. Về sau, tuồng cổ ở Bắc suy dần và hát bộ ở Nam rất thịnh vượng dưới triều Nguyễn, sẽ lan trở lại ra Bắc, và Gia-Long xây trường hát bộ đầu tiên.

Cụ Đào-Tấn là kịch tác gia đầu tiên của hát bộ, cụ đã đóng góp rất nhiều vào việc tạo thành nghệ thuật sân khấu Việt-Nam cổ điều này, từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. Cụ cùng các quan giỏi nghề thi phú được tuyển để soạn tuồng mới và sửa lại các tuồng cũ Đàng ngoài.

Nội dung tuồng cổ và hát bộ trong thời cực thịnh này là đề cao chủ nghĩa anh hùng. Có hai bộ tuồng vĩ đại này' tiếc nay không còn ai ghi nhớ trọn. Vạn bửu trình tường, dài đến một trăm hồi, diễn luôn 100 ngày đêm, và Quân phương hiển thụy diễn trong 40 ngày đêm liên tiếp với hàng mấy trăm diễn viên. Đặc biệt là « võ trước các vị thuốc Bắc làm nhân vật và đặt thành chuyện phò vua giúp nước, trung hiếu tiết nghĩa, võ sau thì nhân cách hóa các loại hoa, lấy hoa thơm làm chính diện, hoa hôi làm phản diện để xây dựng cốt truyện cò

dung tư tưởng anh hùng, yêu nước, nhân đạo».

Hát bộ cổ điển của cung đình triều Nguyễn sau bình dân hóa có thay đổi hai điểm quan trọng : nội dung thì hát bộ bình dân, nhẹ phèn bi hùng mà nặng phần châm biếm, đả kích còn hình thức thì tự nhiên hơn, động tác ít cách điệu và hát ít hơn.

Rồi đến khi tiếp xúc với văn nghệ lãng mạn Pháp, hát bộ cổ điển lại thay đổi cả nội dung lẫn hình thức. Ở Bắc, ta có hát bộ cải cách, ở Trung: hát bộ xuân nữ, ở Nam: hát bộ cải lương.

Chèo, hình thức ca diễn đặc biệt của miền Bắc, được diễn giả giới thiệu từ lúc tạo thành (1740), phát triển, đến cải lương (1925) (do cụ Nguyễn-Đình-Nghị), lu mờ, rồi sống lại thời kháng chiến với cái tên chèo mới.

Đến bộ môn cải lương, phát sinh từ những buổi «ca ra bộ», trưởng thành ở Nam, rồi lan tràn ra Bắc, đề qua giai đoạn kịch cải lương (Năm Châu), thi ca nhạc vũ diễn huyền (Kim-Chung) kịch nói, (Vi Huyền-Đắc, Đoàn-Phú-Tứ) nhạc kịch (Lưu-Hữu-Phước), kịch thơ, (Hoàng-Cầm, Phan-Khắc-Khoan) ca kịch bài chòi, cùng phần tạp diễn : phụ diễn chiếu bóng, Đại nhạc hội... lần lượt được thuyết trình viên nhắc nhở những đường nét chánh.

Trong phần kết luận, diễn giả tha thiết mong trong số thính giả, sẽ có những người chọn một bộ môn nào mình thích trong toàn bộ sân khấu nước nhà để làm đề tài khảo cứu, vì

đây là một khu rừng chưa mấy ai khai phá.

Sau đó, là phần giải đáp những điều anh chị em sinh-viên thắc mắc.

Giờ đã hết... Thính giả chưa chịu «buông tha» diễn giả, vì chưa được người hát cho nghe một bài mới nhất. Nhạc sẽ từ chối vì «thiếu cây đàn», thính giả lại chẳng cần đến tiếng đàn mà chỉ đòi giọng hát. Thế là diễn giả xin nhận diện toàn bộ sân khấu... thế giới. «Bi hài kịch» (1) mở màn, và trong im lặng hoàn toàn, trên bảy trăm mái đầu xanh dán mắt vào tay nhạc sĩ.

*Đạo diễn đưa tay lên,
Đạo diễn đưa tay xuống
Bi hài kịch mở màn
Bi hài kịch khai trương.
Diễn viên quay súng bắn,
Diễn viên gục đầu đường
Máu chảy vệt loang loang
Máu chảy vào quê hương
Quê hương là ruộng đồng
Quê hương là mưa nắng
Quê hương là khoai sắn
Quê hương là cơm ngon
.....
Diễn viên đang tra tấn
Diễn viên chịu cực hình
Mắt nhìn mặt dăm dăm
Mắt nhìn vào xa xăm
Xa xăm là cửa nhà.*

1) Bài «Phản nộ ca» này, Phạm-Duy cùng sáng tác với Thái-Luận, một bạn trẻ.

Bởi vậy có lẽ Nga và Mỹ sẽ dùng cùng một phương pháp đề lên mặt trăng, có nghĩa là phóng một phi thuyền lên quỹ đạo vòng quanh mặt trăng rồi từ quỹ đạo này lại phóng một phi thuyền khác đi xuống mặt trăng.

Tới tháng 5 này, Mỹ mới dự định hạ một hỏa-tiến xuống mặt trăng. Dựa theo những thất bại của Nga trước đây, ta có thể cho rằng Mỹ khó thành công ngay được. Các chuyên viên Mỹ với bản tính háng hái tự tin, tuyên bố là Mỹ sẽ lên mặt trăng vào năm 1970. Còn các chuyên viên Nga, với bản tính thâm trầm kín đáo của người Đông phương, chỉ nói là sẽ lên mặt trăng trong khoảng 10 năm nữa. Tuy tỏ ra khiêm tốn như vậy,

nhưng trong cuộc chạy đua không gian Nga đã từng khiến cho thế giới và Mỹ phải sửng sốt về những thành công bất ngờ của Nga. Vì vậy lần này các quan sát viên và các nhà bình luận thế giới đều tỏ vẻ thận trọng, không dám tiên đoán Nga hoặc Mỹ sẽ tới trước. Có người cho rằng nếu đem kỹ thuật đón tàu của Mỹ hợp với hỏa tiến và kỹ thuật đáp xuống của Nga thì ngày lên mặt trăng có thể rút ngắn đi rất nhiều. Hơn thế nữa, nếu một phi hành gia Nga và một phi hành gia Mỹ lại ngồi chung một phi thuyền thì ta có thể « tiên đoán » là Nga với Mỹ sẽ đến mặt trăng... cùng một lúc.

NGỌC VÂN

Sách THỜI MỚI

Phát hành đầu xuân :

★ **QUAY TRONG GIÓ LỐC**

Tập truyện ngắn của Lê-tất-Điều

44 đ.

★ **TẬP BÚT I và II**

tiểu luận văn học của Võ-Phiến

60 đ.

★ **THƯƠNG HOÀI NGÀN NĂM**

tập truyện ngắn của Võ-Phiến

42 đ.

phụ bản của Phạm-Tăng (in lần thứ hai)

Một tặng phẩm trang nhã và có ý nghĩa sâu xa.

Đang in :

— **DỊCH HẠCH** của Albert Camus do Hoàng-văn-Đức dịch.

— **KỶ NGUYÊN NGỜ-VỰC** của Nathalie Sarraute do Lương-Ngọc dịch

K.D số 289 / BTCL / ngày 15-2-66

Sáng Lập : HUYNH-VĂN-LANG. Chủ Nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

BÁCH - KHOA

THỜI ĐẠI

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Đình-Phùng

Đ.T. 25.539 - H.T. 339

SAIGON

-:-

PHIẾU MUA DÀI HẠN

Phương danh độc giả _____

Địa chỉ _____

Thời hạn mua (1) _____ bắt đầu từ _____

Thẻ thức trả tiền (2) _____

_____, ngày _____ tháng _____ năm 196_____

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

● Miền Nam		● Miền Trung và Cao nguyên (cả cước phí máy bay)	
Một năm :	200\$	Một năm :	230\$
6 tháng :	100\$	6 tháng :	115\$

Mua dài hạn Bách-Khoa

- Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.
- Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.
- Trả trước 200\$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60\$ (22 số thường 220\$ + số đặc biệt và số Tết 40\$ = 260\$).
- Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà thanh nhã trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu (đề tên Ô. Lê-Ngộ-Châu) hoặc bưu-phiếu hay bưu-chi-phiếu gửi cho Tạp-chí Bách-Khoa Thời-Đại, Trương-mục 27-46 Chánh Trung Khu chi phiếu Saigon (xin tại các Bưu cuộc thiếp phiếu mẫu số CH. 1418).